

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP  
THAN – KHOÁNG SẢN VIỆT NAM  
**CÔNG TY CP THAN MÔNG DƯƠNG-VINACOMIN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số 662 /CBTT-TMD

Quảng Ninh, ngày 25 tháng 4 năm 2017

V/v Công bố thông tin  
Biên bản, Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2017.

**Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước,  
Sở giao dịch chứng khoán Hà nội,  
Trung tâm lưu ký chứng khoán.  
Cổ đông Công ty CP than Mông Dương- Vinacomin.**

1. Tên công ty: **Công ty cổ phần than Mông Dương- Vinacomin.**
2. Mã chứng khoán: **MDC**
3. Trụ sở chính: Phường Mông Dương, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh.
4. Điện thoại: 033.3868.271; 033.3868.272; Fax: 033.3868.276.
5. Người thực hiện công bố thông tin: **Trịnh Thị Nguyệt Hằng.**
6. Nội dung công bố thông tin:
  - Biên bản, Nghị quyết họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 được lập ngày 25 tháng 4 năm 2017.
7. Địa chỉ Website đăng tải toàn văn Biên bản, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 của Công ty cổ phần than Mông Dương- Vinacomin:  
**Mongduongcoal.vn**

Chúng tôi xin cam kết thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin đã công bố./.

**Nơi nhận:**

- Như kính gửi;
- Lưu VT, VP HĐQT.

**GIÁM ĐỐC**  
  
**Nguyễn Quế Thanh**

Số: **31 /BB- ĐHĐCĐ**

*Quảng Ninh, ngày 25 tháng 4 năm 2017*

**BIÊN BẢN  
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2017  
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN MÔNG DƯƠNG- VINACOMIN**

- Tên Công ty: Công ty cổ phần than Mông Dương- Vinacomin;
- Địa chỉ trụ sở: Phường Mông Dương, TP Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh;
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 5700101203 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng ninh cấp ngày 02 tháng 01 năm 2008; cấp lại lần thứ 9 ngày 13 tháng 4 năm 2017.
- Hôm nay, vào hồi 7h30' ngày 25 tháng 4 năm 2017, tại Hội trường Công ty Cổ phần Than Mông Dương- Vinacomin, Phường Mông Dương, thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh. Công ty đã tiến hành tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017.
- Thành phần tham dự Đại hội gồm:
  - + Các thành viên Hội đồng Quản trị, ban Kiểm soát, Ban Giám đốc và các cổ đông của Công ty.
  - + Đại diện Công ty Kiểm toán, Kiểm toán báo cáo tài chính năm 2016: Công ty TNHH PKF Việt Nam.
  - + Tham dự đại hội có: 60 cổ đông là sở hữu và đại diện cho 16.832.344 cổ phần, chiếm 78,6 % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.

**ĐẠI HỘI ĐÃ DIỄN RA THEO TRÌNH TỰ  
VÀ BAO GỒM NHỮNG NỘI DUNG SAU ĐÂY**

**I. Thông qua Chương trình và Quy chế làm việc của Đại hội:**

Ban tổ chức Đại hội trình bày Chương trình và dự thảo Quy chế làm việc và làm việc của Đại hội:

1. Đại hội đã nhất trí 100% thông qua Chương trình làm việc.
2. Đại Hội đã nhất trí 100% thông qua dự thảo quy chế làm việc tại Đại hội đồng cổ đông thường niên theo quy định của Luật doanh nghiệp 68/2014, và Giao cho Hội đồng quản trị tổ chức thực hiện các nội dung của quy chế, với một số nội dung cơ bản như sau:



+ Đại hội được tiến hành khi có số Người dự họp đại diện cho ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết theo danh sách cổ đông được lập tại thời điểm chốt danh sách cổ đông tham dự Đại hội.

+ Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông sẽ được thông qua khi có từ 51% trở lên tổng số phiếu của Người dự họp có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp tại Đại hội. Riêng quyết định liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty chỉ được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu của Người dự họp có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp tại Đại hội.

## **II. Trình tự tiến hành họp Đại hội**

**1. Chủ tọa Đại hội:** Ông Phạm Công Hương- Chủ tịch HĐQT Công ty.

**2. Đề cử Thư ký Đại hội:** Ông Phạm Công Hương, Chủ tọa Đại hội đề cử bà (2) Trịnh Thị Hằng- Thư ký Công ty; (2) ông Nguyễn Thế Hanh- Trưởng phòng Thanh tra- Kiểm toán làm Thư ký ghi Biên bản, Nghị quyết Đại hội; và đã được Đại hội nhất trí thông qua.

**3. Đề xuất tổ giúp việc và kiểm phiếu cho Đại hội:** Ông Phạm Công Hương, Chủ tọa Đại hội đề xuất ông Trần Đức Cường và nhóm giúp việc Đại hội vào tổ kiểm phiếu. Ông Trần Đức Cường là tổ trưởng tổ giúp việc và kiểm phiếu; đã được Đại hội nhất trí thông qua

**4. Báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông:** Thay mặt Ban Kiểm tra tư cách cổ đông Đại hội ông Hoàng Kim Cương- Trưởng ban kiểm tra tư cách cổ đông báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông tham dự:

(1) Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết và đại diện 100% vốn điều lệ của Công ty cổ phần than Mông Dương- Vinacomin là: 21.418.346 cổ phần; do 2.077 cổ đông sở hữu và đại diện. Trong đó: 21 cổ đông là tổ chức (trong đó: 01 cổ đông là tổ chức Nhà Nước, 17 cổ đông là tổ chức trong nước, 2046 cổ đông thể nhân trong nước và 10 cổ đông thể nhân nước ngoài).

(2) Tổng số cổ đông sở hữu và đại diện sở hữu được mời tham dự Đại hội là 2.077/2.077 cổ đông. Đăng ký tham dự đại hội 75 người sở hữu và đại diện theo ủy quyền 17.152.058 cổ phần tương ứng 80,10 % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty cổ phần than Mông Dương- Vinacomin.

(3) Số cổ đông sở hữu và Người được ủy quyền có mặt tham dự Đại hội là 60 cổ đông, sở hữu, đại diện và ủy quyền 16.832.344 cổ phần chiếm 78,6% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty cổ phần than Mông Dương- Vinacomin.

(4) Chủ tọa kết luận: Căn cứ Khoản 1 Điều 141 Luật Doanh nghiệp 68/2014, Điều 13 Điều lệ Công ty cổ phần than Mông Dương- Vinacomin; Đại hội cổ đông thường niên năm 2017 của Công ty đủ điều kiện để tiến hành họp Đại hội.





### III. Thực hiện các nội dung chương trình nghị sự của Đại hội:

1. Báo cáo của Ban Giám đốc về kết quả sản xuất kinh doanh năm 2016; Nhiệm vụ và giải pháp điều hành năm 2017 do ông Nguyễn Quế Thanh, Ủy viên Hội đồng quản trị- Giám đốc Công ty trình bày: (Theo nội dung báo cáo số 646/BC-TMD ngày 20/4/2017 đính kèm)

Trong đó có một số chỉ tiêu Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2017:

| TT | Chỉ tiêu                | ĐVT            | Kế hoạch 2017 | Ghi chú |
|----|-------------------------|----------------|---------------|---------|
| 1  | Than sản xuất           | Tấn            | 1.550.000     |         |
|    | - Hầm lò                | Tấn            | 1.400.000     |         |
|    | - Lộ thiên              | Tấn            | 150.000       |         |
| 2  | Đất đá bốc xúc          | M <sup>3</sup> | 2.102.000     |         |
| 3  | Mét lò đào tổng số      | M              | 18.700        |         |
| 4  | Than tiêu thụ tổng số   | Tấn            | 1.519.000     |         |
| 5  | Doanh thu tổng số       | Tr.đ           | 1.707.092     |         |
| 6  | Lợi nhuận               | Tr.đ           | 23.636        |         |
| 7  | Thu nhập bình quân      | Trđ/ng-th      | 11.145        |         |
| 8  | Cổ tức (dự kiến tối đa) | %              | 6%            |         |
| 9  | Công tác đầu tư XDCB    | Tr.đ           | 248.712       |         |
|    | - Xây lắp               | Tr.đ           | 103.918       |         |
|    | - Thiết bị              | Tr.đ           | 126.448       |         |
|    | - Chi phí khác          | Tr.đ           | 18.345        |         |

2. Báo cáo tài chính năm 2016 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH PKF Việt Nam do bà Phạm Thị Hải Ủy viên Hội đồng quản trị- Kế toán trưởng Công ty trình bày: (Theo nội dung Báo cáo tài chính tóm tắt năm 2016 đính kèm).

3. Báo cáo Phương án phân phối lợi nhuận, chi trả cổ tức năm 2016 và Kế hoạch lợi tức năm 2017 do Bà Phạm Thị Hải, Ủy viên Hội đồng quản trị- Kế toán trưởng Công ty trình bày, cụ thể:

3.1. Phân phối lợi nhuận năm 2016 và chi trả cổ tức năm 2016:

- |                                           |                |      |
|-------------------------------------------|----------------|------|
| 1. Tổng lợi nhuận trước thuế:             | 28.777.223.939 | đồng |
| 2. Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp:   | 6.706.175.528  | đồng |
| 3. Lợi nhuận sau thuế:                    | 22.156.572.891 | đồng |
| a. Chia cổ tức năm 2016 (6% vốn điều lệ): | 12.851.007.600 | đồng |
| b. Lợi nhuận còn lại trích lập các quỹ:   | 9.305.565.291  | đồng |



Trong đó:

- |                                     |                    |
|-------------------------------------|--------------------|
| - Quỹ đầu tư phát triển (30%):      | 2.791.669.587 đồng |
| - Quỹ khen thưởng phúc lợi:         | 6.084.905.357 đồng |
| - Quỹ thưởng Ban điều hành Công ty: | 428.990.347 đồng   |

3.2. Tỷ lệ chi trả cổ tức năm 2016 là 6% vốn Điều lệ. Thời điểm chốt danh sách cổ đông và chi trả cổ tức bằng tiền cho các cổ đông vào cuối quý II năm 2017. Đề nghị Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị tổ chức hoàn tất thủ tục và chi trả theo Luật Chứng khoán và Luật Kế toán Tài chính hiện hành.

3.3. Kế hoạch lợi tức năm 2017: Dự kiến mức trả cổ tức tối đa là 6% trên vốn điều lệ.

4. Báo cáo kết quả chi trả tiền lương của người quản lý, thù lao không chuyên trách năm 2016 và Kế hoạch năm 2017 do bà Phạm Thị Hải, UV HĐQT- Kế toán trưởng Công ty trình bày (Theo nội dung báo cáo số 651/TTr-TMD ngày 21/4/2017 đính kèm), cụ thể:

4.1. Năm 2016, Công ty đã thực hiện chi trả tiền lương đối với người quản lý (Bao gồm ban Giám đốc và Trưởng Ban Kiểm soát) 3.192,8 triệu đồng; Thù lao Hội đồng quản trị và thành viên Ban Kiểm soát không chuyên trách là: 404,8 triệu đồng.

4.2. Đề xuất năm 2017, Tiền lương đối với người quản lý và mức Thù lao không chuyên trách hàng tháng được áp dụng theo Hướng dẫn của Nghị định 52/2016/NĐ-CP ngày 13/6/2016 Nghị định của Chính phủ quy định về tiền lương, thù lao của người quản lý; và thực hiện Quyết định số 279/QĐ-TKV ngày 23/2/2017 của TKV để xây dựng mức lương người quản lý được gắn với kết quả sản xuất kinh doanh trong kỳ của Công ty. Theo đó thù lao năm 2017 được áp dụng mức tối đa là 20% mức tiền lương thực hiện của viên chức quản lý chuyên trách tương ứng.

5. Báo cáo của Ban Kiểm soát về thẩm định Báo cáo Tài chính năm 2016 đã được Kiểm toán do ông Nguyễn Xuân Bách- Trưởng Ban kiểm soát Công ty trình bày, (nội dung chi tiết theo Báo cáo số 499/BC-BKS ngày 31/3/2017 đính kèm).

6. Báo cáo của Ban Kiểm soát về kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty, về hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty và của Ban Kiểm soát năm 2016 do ông Nguyễn Xuân Bách- Trưởng Ban kiểm soát Công ty trình bày, (nội dung chi tiết theo Báo cáo 498 ngày 31/3/2017 đính kèm).





7. Báo cáo của Ban kiểm soát về việc lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập để kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2017 do ông Nguyễn Xuân Bách-Trưởng Ban kiểm soát Công ty trình bày (nội dung chi tiết theo Báo cáo ngày 24/3/2017 đính kèm).

8. Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị về quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị ở Công ty cổ phần than Mông Dương năm 2016 và phương hướng nhiệm vụ năm 2017 do ông Bùi Văn Kiểm- Ủy viên Hội đồng quản trị Công ty trình bày (theo nội dung Báo cáo số 653/BC-TMD, ngày 21/4/2017 đính kèm).

9. Báo cáo việc thay đổi nhân sự thành viên Hội đồng quản trị giữa nhiệm kỳ do ông Bùi Văn Kiểm- Ủy viên Hội đồng quản trị Công ty trình bày (theo nội dung Báo cáo số 652/TTr-TMD ngày 21/4/2017 đính kèm).

#### **IV. Đại hội giải lao thảo luận phát biểu và trả lời ý kiến**

Sau phần trình bày các nội dung của Đại hội và ý kiến chỉ đạo của Chủ tọa các cổ đông tiến hành thảo luận, chất vấn các nội dung của Chương trình Đại hội:

Các ý kiến thảo luận đều nhất trí với các báo cáo đã được Giám đốc, Trưởng Ban Kiểm soát và các ủy viên Hội đồng quản trị trình bày và có ý kiến nhận xét chung: Năm 2016, Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc điều hành đã năng động, quản lý Công ty đúng điều lệ, đúng pháp luật; Tài chính của Công ty lành mạnh; lợi ích của Người lao động, Cổ đông và lợi ích xã hội được đảm bảo. Công ty phát triển theo hướng bền vững.

V. Sau phần chất vấn và trả lời của Chủ tọa Đại hội, Ông Trần Đức Cường- Trưởng Ban Kiểm phiếu trình bày Quy chế biểu quyết và hướng dẫn Cổ đông biểu quyết các nội dung trong chương trình nghị sự của Đại hội.

**VI. Các Quyết nghị tại Đại hội:** Sau khi thảo luận, các Cổ đông tham dự họp đã nhất trí quyết nghị từng nội dung sau:

#### **1. Thông qua kết quả sản xuất kinh doanh năm 2016; Nhiệm vụ và giải pháp điều hành năm 2017, cụ thể:**

1.1) Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2016 của Công ty với các chỉ tiêu chủ yếu, Đánh giá chung: Năm 2016 Hội đồng quản trị đã chỉ đạo hoạt động của Công ty đã hoàn thành các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật điều chỉnh năm 2016, Lợi nhuận trước thuế 28.777/kế hoạch 19.747 vượt 145,7%; đảm bảo đủ công ăn việc làm cho cán bộ công nhân viên có thu nhập ổn định, bình quân đạt 10.622.000 đồng/người tháng; cổ tức cho các cổ đông là 6%; thực hiện tốt nghĩa vụ với Nhà nước.

Năm 2016, Công ty đã hoàn thành việc phát hành cổ phiếu tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ để tăng vốn điều lệ của công ty từ 150 tỷ lên 214 tỷ.



1.2) Nhiệm vụ, giải pháp điều hành sản xuất kinh doanh năm 2017 với các chỉ tiêu chủ yếu sau: Than sản xuất: 1.550 nghìn tấn; Mét lò đào tổng số: 18.700 mét; Bốc xúc đất đá: 2.102 nghìn mét khối; Doanh thu: 1.707 tỷ đồng; Lợi nhuận: 23 tỷ 636 triệu đồng; thu nhập bình quân của người lao động: 11.145 nghìn đồng/ người/ tháng.

Kết quả biểu quyết: Số phiếu tán thành 16.832.344 cổ phần.

Tán thành: 100%; Không tán thành: 0%; Không có ý kiến gì: 0%.

Với tỷ lệ tán thành là 100 %, vấn đề trên được thông qua; Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị trong quá trình triển khai có thể điều chỉnh các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh cho phù hợp đảm bảo thực hiện hoàn thành và hoàn thành vượt mức kế hoạch sản xuất kinh doanh của năm 2017; Đảm bảo thu nhập của người lao động và quyền lợi của cổ đông.

**2. Thông qua Báo cáo tài chính năm 2016 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH PKF Việt Nam- Chi nhánh Hà Nội.**

Kết quả biểu quyết: Số phiếu tán thành 16.832.344 cổ phần.

Tán thành: 100%; Không tán thành: 0%; Không có ý kiến gì: 0%.

- Với tỷ lệ tán thành là 100 %, vấn đề trên được thông qua; Giao Hội đồng quản trị triển khai thực hiện.

**3. Thông qua Phương án phân phối lợi nhuận năm 2016, chi trả cổ tức năm 2016 của Công ty và Kế hoạch trả cổ tức năm 2017.**

Kết quả biểu quyết: Số phiếu tán thành 16.832.344 cổ phần.

Tán thành: 100%; Không tán thành: 0%; Không có ý kiến gì: 0%.

Với tỷ lệ tán thành là 100 %, vấn đề trên được thông qua; cụ thể:

3.1. Tỷ lệ chi trả cổ tức năm 2016 là 6% vốn Điều lệ. Thời điểm chốt danh sách cổ đông và chi trả cổ tức bằng tiền cho các cổ đông vào cuối quý II năm 2017. Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị tổ chức hoàn tất thủ tục và chi trả theo Luật Chứng khoán và Luật Kế toán Tài chính hiện hành.

3.2. Kế hoạch lợi tức năm 2017: Dự kiến mức trả cổ tức tối đa là 6% trên vốn điều lệ.

**4. Thông qua việc chi trả tiền lương đối với người quản lý và thù lao không chuyên trách năm 2016 và Kế hoạch 2017:**

Kết quả biểu quyết: Số phiếu tán thành 16.832.344 cổ phần.

Tán thành: 100%; Không tán thành: 0%; Không có ý kiến gì: 0%.

- Với tỷ lệ tán thành là 100 %, vấn đề trên được thông qua, cụ thể:

4.1. Năm 2016 Công ty đã chi trả: (1) Tiền lương đối với người quản lý là: 3.192,8 triệu đồng (Bằng chữ: Ba tỷ, một trăm chín hai triệu tám trăm ngàn



đồng chẵn); (2) Thù lao thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát không chuyên trách là: 404,8 triệu đồng (Bằng chữ: Bốn trăm linh bốn triệu, tám trăm ngàn đồng chẵn).

4.2. Kế hoạch năm 2017: (1) Tiền lương đối với người quản lý được áp dụng theo Hướng dẫn của Nghị định 52/2016/NĐ-CP và thực hiện Công văn số 1964/TKV-LĐTL ngày 08/04/2014; Công văn số 6026/TKV-KH ngày 22/12/2016; Quyết định số 279/QĐ-TKV ngày 23/2/2017 của TKV để xây dựng mức lương người quản lý được gắn với kết quả sản xuất kinh doanh trong kỳ của Công ty. (2) Mức thù lao không chuyên trách của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Thư ký công ty được áp dụng theo Hướng dẫn của Nghị định 52/2016/NĐ-CP ngày 13/6/2016 Nghị định của Chính phủ Quy định về tiền lương, thù lao đối với người quản lý; Theo đó thù lao năm 2017 được áp dụng mức tối đa là 20% mức tiền lương thực hiện của viên chức quản lý chuyên trách tương ứng; cụ thể như sau:

ĐVT: Triệu đồng

| STT | Chức danh                                                                         | Số người  | Tổng số (Trđ) | Trong đó:    |              | Ghi chú |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------|--------------|--------------|---------|
|     |                                                                                   |           |               | Lương        | Thù lao      |         |
| 1   | Hội đồng Quản trị                                                                 | 05        | 285,6         |              | 285,6        |         |
| -   | <i>Chủ tịch HĐQT</i>                                                              | <i>01</i> | <i>64,8</i>   |              | <i>64,8</i>  |         |
| -   | <i>Ủy viên HĐQT</i>                                                               | <i>04</i> | <i>220,8</i>  |              | <i>220,8</i> |         |
| 2   | Ban Kiểm soát                                                                     | 03        | 381,2         | 280,4        | 100,8        |         |
| -   | <i>Trưởng ban kiểm soát (chuyên trách), xếp bậc 2/2 thang bảng lương của TKV.</i> | <i>01</i> | <i>280,4</i>  | <i>280,4</i> |              |         |
| -   | <i>UV Ban kiểm soát</i>                                                           | <i>02</i> | <i>100,8</i>  |              | <i>100,8</i> |         |
| 3   | Ban Giám đốc                                                                      | 07        | 1.722,5       | 1.722,5      |              |         |
| 4   | Thư ký Công ty                                                                    | 1         | 50,4          |              | 50,4         |         |
|     | Tổng số                                                                           |           | 2.439,7       | 2.002,9      | 436,8        |         |

**5. Thông qua Báo cáo của Ban Kiểm soát về thẩm định Báo cáo Tài chính năm 2016** đã được Công ty TNHH PKF Việt Nam thực hiện kiểm toán: Báo cáo tài năm 2016 của Công ty đã thể hiện đầy đủ tính minh bạch, rõ ràng và độ tin cậy cao.

Kết quả biểu quyết: Số phiếu tán thành 16.832.344 cổ phần.

Tán thành: 100%; Không tán thành: 0%; Không có ý kiến gì: 0%.

Với tỷ lệ tán thành là 100 %, vấn đề trên được thông qua.

**6. Thông qua Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát, đánh giá về kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty, về hoạt động của Hội đồng quản trị,**



Giám đốc Công ty và của Ban Kiểm soát, từng thành viên năm 2016; Phương hướng nhiệm vụ năm 2017:

Kết quả biểu quyết : Số phiếu tán thành 16.832.344 cổ phần.

Tán thành: 100%; Không tán thành: 0%; Không có ý kiến gì: 0%.

Với tỷ lệ tán thành là 100 %, vấn đề trên được thông qua.

**7. Thông qua việc lựa chọn** Công ty TNHH PKF Việt Nam là đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2017 của Công ty cổ phần than Mông Dương- Vinacomin với các nội dung như sau:

**Tên Công ty kiểm toán độc lập:** Công ty TNHH PKF Việt Nam.

**Trụ sở chính:** Số 1- Nguyễn Huy Tưởng- Phường Thanh Xuân trung- Quận Thanh Xuân- Thành phố Hà Nội

ĐT: +84 4 664 4488 FAX: +84 4 664 2233

Kết quả biểu quyết: Số phiếu tán thành 16.832.344 cổ phần.

Tán thành: 100%; Không tán thành: 0%; Không có ý kiến gì: 0%.

Với tỷ lệ tán thành là 100 %, vấn đề trên được thông qua.

**8. Thông qua Báo cáo của Hội đồng quản trị** về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị về quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị năm 2016 ở Công ty cổ phần than Mông Dương- Viancomin và phương hướng nhiệm vụ năm 2017:

Kết quả biểu quyết: Số phiếu tán thành 16.832.344 cổ phần.

Tán thành: 100%; Không tán thành: 0%; Không có ý kiến gì: 0%.

Với tỷ lệ tán thành là 100 %, vấn đề trên được thông qua.

**9. Thông qua Thay đổi nhân sự thành viên Hội đồng quản trị giữa nhiệm kỳ; theo đó:**

(1) Ông Nguyễn Văn Dậu, thôi giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị và thôi tham gia Hội đồng quản trị Công ty cổ phần than Mông Dương- Vinacomin;

(2) Ông Phạm Công Hương, Người đại diện của TKV tại Công ty tham gia Hội đồng Quản trị và được bầu giữ chức chủ tịch HĐQT Công ty. Nhiệm kỳ thành viên Hội đồng quản trị của ông Phạm Công Hương là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị Công ty.

(3) Ông Nguyễn Trọng Tốt, thôi giữ chức Giám đốc Công ty và thôi tham gia Hội đồng quản trị Công ty cổ phần than Mông Dương- Vinacomin.

(4) Ông Nguyễn Quế Thanh, Người đại diện của TKV tại Công ty tham gia Hội đồng Quản trị và bổ nhiệm chức Giám đốc Công ty. Nhiệm kỳ thành viên HĐQT của ông Nguyễn Quế Thanh là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị Công ty.



Kết quả biểu : Số phiếu tán thành 16.832.344 cổ phần.

Tán thành: 100%; Không tán thành: 0%; Không có ý kiến gì: 0%.

Với tỷ lệ tán thành là 100 %, vấn đề trên được thông qua; Việc thay đổi có hiệu lực từ ngày 03/4/2017.

Hội đồng quản trị mới ra mắt Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017.

**10. Thông qua Biên Bản và các quyết nghị tại phiên họp:** Thư ký Đại hội trình bày dự thảo Biên bản và các Quyết nghị của Đại hội:

Biểu quyết thông qua toàn văn Biên bản và Nghị quyết với tỷ lệ:

Tán thành: 100%; Không tán thành: 0%; Không có ý kiến gì: 0%.

Đại hội giao cho Chủ tọa- Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty ký, ban hành Biên bản và Nghị quyết của Đại hội để triển khai thực hiện.

**11. Chủ tọa bế mạc Đại hội:**

Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 của Công ty cổ phần than Mông Dương- Vinacomin kết thúc vào hồi 11h30' cùng ngày ./.

**Nơi nhận:**

- UBCK NN, Sở GD&ĐT HN, TTLK Việt Nam, TKV (b/c);
- Các cán bộ quản lý; Các CĐ của Cty;
- Mạng Protal: Các đơn vị trong C.ty;
- Bộ phận CNTT đăng trên trang Web;
- Lưu: VT; HĐQT.

**THƯ KÝ**



**Nguyễn Thế Hanh**

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG  
CHỦ TỌA**



**Phạm Công Hương  
CHỦ TỊCH HĐQT**



**NGHỊ QUYẾT  
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2017  
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN MÔNG DƯƠNG- VINACOMIN**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13, ngày 26/11/2014;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty Cổ phần Than Mông Dương - Vinacomin được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua;

Căn cứ Biên bản số 31/BB-ĐHĐCĐ, ngày 25/4/2017 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017- Công ty CP than Mông Dương- Vinacomin,

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Thông qua kết quả thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2016, Nhiệm vụ và giải pháp điều hành sản xuất kinh doanh năm 2017 (Phụ lục 01 và Phụ lục 02 kèm theo).

**Điều 2** Thông qua Báo cáo tài chính của Công ty năm 2016 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH PKF Việt Nam- Chi nhánh Hà Nội; (Phụ lục 03 kèm theo).

**Điều 3.** Thông qua Phương án phân chia lợi nhuận 2016 và đề xuất mức lợi tức 2017, cụ thể:

3.1. Năm 2016, Lợi nhuận trước thuế của Công ty được phân phối như sau:

|                                           |                |      |
|-------------------------------------------|----------------|------|
| 1. Tổng lợi nhuận trước thuế:             | 28.777.223.939 | đồng |
| 2. Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp:   | 6.706.175.528  | đồng |
| 3. Lợi nhuận sau thuế:                    | 22.156.572.891 | đồng |
| a. Chia cổ tức năm 2016 (6% vốn điều lệ): | 12.851.007.600 | đồng |
| b. Lợi nhuận còn lại trích lập các quỹ:   | 9.305.565.291  | đồng |

Trong đó:

|                                    |               |      |
|------------------------------------|---------------|------|
| - Quỹ đầu tư phát triển (30%):     | 2.791.669.587 | đồng |
| - Quỹ khen thưởng phúc lợi         | 6.084.905.357 | đồng |
| - Quỹ thưởng Ban điều hành Công ty | 428.990.347   | đồng |

3.2. Tỷ lệ chi trả cổ tức năm 2016 là 6% vốn Điều lệ. Thời điểm chốt danh sách cổ đông và chi trả cổ tức bằng tiền cho các cổ đông vào cuối quý II năm 2017. Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị tổ chức



hoàn tất thủ tục và chi trả theo Luật Chứng khoán và Luật Kế toán Tài chính hiện hành.

3.3. Kế hoạch lợi tức năm 2017: Dự kiến mức trả cổ tức tối đa là 6% trên vốn điều lệ.

**Điều 4.** Thông qua việc chi, trả tiền lương đối với người quản lý và thù lao không chuyên trách năm 2016 và Kế hoạch 2017; cụ thể:

4.1. Thực hiện năm 2016:

| STT | Chức danh         | Số người | Tổng số (Tr.đồng) | Trong đó: |         | Ghi chú |
|-----|-------------------|----------|-------------------|-----------|---------|---------|
|     |                   |          |                   | Lương     | Thù lao |         |
| 1   | Hội đồng Quản trị | 5        | 285,6             |           | 285,6   |         |
| 2   | Ban Kiểm soát     | 3        | 395,4             | 276,2     | 119,2   |         |
| 3   | Ban Giám đốc      | 7        | 2.916,6           | 2.916,6   |         |         |
|     | Tổng số           |          | 3.597,6           | 3.192,8   | 404,8   |         |

4.2. Kế hoạch năm 2017:

| STT | Chức danh                                                                    | Số người | Tổng số (Tr.đồng) | Trong đó: |         | Ghi chú |
|-----|------------------------------------------------------------------------------|----------|-------------------|-----------|---------|---------|
|     |                                                                              |          |                   | Lương     | Thù lao |         |
| 1   | Hội đồng Quản trị                                                            | 05       | 271,9             |           | 285,6   |         |
|     | - Chủ tịch HĐQT                                                              | 01       | 61,7              |           | 64,8    |         |
|     | - Ủy viên HĐQT                                                               | 04       | 210,2             |           | 220,8   |         |
| 2   | Ban Kiểm soát                                                                | 03       | 381,2             | 280,4     | 100,8   |         |
|     | - Trưởng Ban Kiểm soát (chuyên trách), xếp bậc 2/2 thang bảng lương của TKV. | 01       | 280,4             | 280,4     |         |         |
|     | - UV Ban kiểm soát                                                           | 02       | 100,8             |           | 100,8   |         |
| 3   | Ban Giám đốc                                                                 | 07       | 1722,5            | 1.722,5   |         |         |
| 4   | Thư ký công ty                                                               | 1        | 50,4              |           | 50,4    |         |
|     | Tổng số                                                                      |          | 2.439,7           | 2.002,9   | 436,8   |         |

**\* Phương thức chi trả:**

- Tiền lương, thù lao tháng = Tiền lương, thù lao năm /12 tháng;
- Hàng tháng các thành viên HĐQT, BKS, BGĐ Công ty được tạm ứng 80% mức tiền lương, thù lao tháng; Số còn lại được quyết toán vào cuối năm trên cơ sở kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty.



**Điều 5.** Thông qua Báo cáo của ban Kiểm soát về thẩm định Báo cáo tài chính năm 2016 đã được Kiểm toán bởi Công ty TNHH PKF Việt Nam Chi nhánh Hà Nội.

**Điều 6.** Thông qua Báo cáo của Ban Kiểm soát về kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty, về hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty và của Ban Kiểm soát, từng thành viên năm 2016; Phương hướng nhiệm vụ năm 2017.

**Điều 7.** Thông qua việc lựa chọn Công ty TNHH PKF Việt Nam là đơn vị kiểm toán báo cáo năm tài chính 2017 của Công ty cổ phần than Mông Dương- Vinacomin với các thông tin sau:

**Tên Công ty kiểm toán độc lập:** Công ty TNHH PKF Việt Nam.

**Trụ sở chính:** Số 1- Nguyễn Huy Tưởng- Phường Thanh Xuân Trung- Quận Thanh Xuân- Thành phố Hà Nội

ĐT: +84 4 664 4488 FAX: +84 4 664 2233

**Điều 8.** Thông qua Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị ở Công ty cổ phần than Mông Dương- Vinacomin năm 2016; Phương hướng nhiệm vụ năm 2017.

**Điều 9.** Thông qua việc thay đổi thành viên Hội đồng quản trị giữa nhiệm kỳ, theo đó:

(1) Ông Nguyễn Văn Dậu, thôi giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị và thôi tham gia HĐQT Công ty cổ phần than Mông Dương- Vinacomin;

(2) Ông Phạm Công Hương, Người đại diện của TKV tại Công ty tham gia Hội đồng Quản trị và được bầu giữ chức Chủ tịch HĐQT Công ty. Nhiệm kỳ thành viên HĐQT của ông Phạm Công Hương là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị.

(3) Ông Nguyễn Trọng Tốt, thôi giữ chức Giám đốc Công ty và thôi tham gia Hội đồng quản trị Công ty cổ phần than Mông Dương- Vinacomin.

(4) Ông Nguyễn Quế Thanh, Người đại diện của TKV tại Công ty tham gia Hội đồng Quản trị và bổ nhiệm chức Giám đốc Công ty. Nhiệm kỳ thành viên HĐQT của ông Nguyễn Quế Thanh là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị.

Việc thay đổi có hiệu lực từ ngày 03/4/2017.

**Điều 10.** Điều khoản thi hành:

Nghị quyết này được Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty cổ phần than Mông Dương- Vinacomin năm 2017 thông qua một cách hợp pháp và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 25 tháng 4 năm 2017. 



Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng Quản trị Công ty có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện một cách cẩn trọng và có trách nhiệm những nội dung đã được thông qua trong Nghị quyết này, đảm bảo lợi ích các cổ đông, của Công ty và phù hợp với các quy định của Pháp luật./.

**Nơi nhận:**

- UBCK Nhà nước, Sở GD&ĐT Hà Nội, TTLK Việt Nam, TKV (b/c);
- Các cán bộ quản lý; Các cổ đông của Công ty;
- Các đơn vị, phòng ban (ecopy); Bộ phận CNTT đăng trên trang Web;
- Lưu: VT; HĐQT.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG  
CHỦ TỌA**



**Phạm Công Hương  
CHỦ TỊCH HĐQT**



**Phụ lục 01: KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2016-  
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN MÔNG DƯƠNG- VINACOMIN**

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 32/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25/4/2017)

| TT  | Chỉ tiêu        | Đơn vị              | Kế hoạch<br>ĐHĐCĐ<br>2016<br>thông qua | Kế hoạch<br>Điều chỉnh<br>thông qua | Thực hiện<br>năm 2016 | Tỷ lệ TH/KH năm                     |                                |
|-----|-----------------|---------------------|----------------------------------------|-------------------------------------|-----------------------|-------------------------------------|--------------------------------|
|     |                 |                     |                                        |                                     |                       | Kế hoạch<br>Điều chỉnh<br>thông qua | Kế hoạch<br>ĐHĐCĐ<br>thông qua |
| (A) | (B)             | (C)                 | (1)                                    | (2)                                 | (3)                   | (4=1/2)                             | (5=3/1)                        |
| 1   | Sản lượng       |                     |                                        |                                     |                       |                                     |                                |
| 1.1 | Than sản xuất   | 10 <sup>3</sup> Tấn | 1.675                                  | 1.345                               | 1.346                 | 100,1                               | 80,4                           |
|     | + Hàm lò        |                     | 1.500                                  | 1.200                               | 1.195                 | 99,6                                | 79,7                           |
|     | + Lộ thiên      |                     | 150                                    | 145                                 | 151                   | 102,9                               | 85,3                           |
| 1.2 | Đất đá bốc xúc  | 10 <sup>3</sup> M3  | 2.439                                  | 1.456                               | 1.443                 | 99,1                                | 59,2                           |
| 1.3 | Mét lò đào      | m                   | 19.100                                 | 15.200                              | 14.935                | 98,3                                | 78,2                           |
| 1.4 | Than tiêu thụ   | 10 <sup>3</sup> tấn | 1.639                                  | 1.323                               | 1.319                 | 99,7                                | 80,5                           |
| 2   | Tổng doanh thu  | Tr.đg               | 1.840.030                              | 1.539.560                           | 1.592.542             | 103,4                               | 86,5                           |
|     | Trg đó: DT than | Tr.đg               | 1.840.030                              | 1.532.898                           | 1.590.547             | 103,8                               | 86,4                           |
| 3   | Giá trị đầu tư  | Tr.đg               | 214.909                                | 203.256                             | 143.290               | 69,7                                | 66,6                           |
|     | - Xây lắp       | Tr.đg               | 79.500                                 | 58.869                              | 48.999                | 84,2                                | 61,6                           |
|     | - Thiết bị      | Tr.đg               | 119.552                                | 136.313                             | 90.262                | 64,5                                | 75,5                           |
|     | - Chi phí khác  | Tr.đg               | 15.857                                 | 8.073                               | 4.029                 | 54,3                                | 25,4                           |
| 4   | Lợi nhuận       | Tr.đg               | 24.538                                 | 19.747                              | 28.777                | 145,7                               | 117,3                          |
| 5   | Cổ tức          | %                   | 6,0                                    |                                     | 6,0                   |                                     |                                |

**Phụ lục 02: NHIỆM VỤ NĂM 2017- CÔNG TY CP THAN MÔNG DƯƠNG**  
**Các chỉ tiêu chính của sản xuất kinh doanh**

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 32/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25/4/2017)

| TT | Chỉ tiêu                | ĐVT            | Kế hoạch<br>Năm 2017 | Ghi chú |
|----|-------------------------|----------------|----------------------|---------|
| 1  | Than sản xuất           | Tấn            | 1.550.000            |         |
|    | - Hàm lò                | Tấn            | 1.400.000            |         |
|    | - Lộ thiên              | Tấn            | 150.000              |         |
| 2  | Đất đá bốc xúc          | M <sup>3</sup> | 2.102.000            |         |
| 3  | Mét lò đào tổng số      | M              | 18.700               |         |
| 4  | Than tiêu thụ tổng số   | Tấn            | 1.519.000            |         |
| 5  | Doanh thu tổng số       | Tr.đ           | 1.707.092            |         |
| 6  | Lợi nhuận               | Tr.đ           | 23.636               |         |
| 7  | Thu nhập bình quân      | Trđ/ng-th      | 11.145               |         |
| 8  | Cổ tức (dự kiến tối đa) | %              | 6%                   |         |
| 9  | Công tác đầu tư XD CB   | Tr.đ           | 248.712              |         |
|    | - Xây lắp               | Tr.đ           | 103.918              |         |
|    | - Thiết bị              | Tr.đ           | 126.448              |         |
|    | - Chi phí khác          | Tr.đ           | 18.345               |         |
|    |                         |                |                      |         |

*32*



**Phụ lục 03: CÁC CHỈ TIÊU CHÍNH CỦA BCTC NĂM 2016  
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 32/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25/4/2017)

| STT        | Nội dung                            | Số dư đầu kỳ<br>(01/01/2016) | Số dư cuối kỳ<br>31/12/2016) |
|------------|-------------------------------------|------------------------------|------------------------------|
| <b>I</b>   | <b>Tài sản ngắn hạn</b>             | <b>364.072.347.630</b>       | <b>382.353.470.846</b>       |
| 1          | Tiền và các khoản tương đương tiền  | 3.036.395.157                | 2.812.785.841                |
| 2          | Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn | 0                            | 0                            |
| 3          | Các khoản phải thu ngắn hạn         | 310.537.121.686              | 337.716.223.352              |
| 4          | Hàng tồn kho                        | 35.046.364.432               | 31.904.545.794               |
| 5          | Tài sản ngắn hạn khác               | 15.452.466.355               | 9.919.915.859                |
| <b>II</b>  | <b>Tài sản dài hạn</b>              | <b>822.756.247.744</b>       | <b>937.473.723.844</b>       |
| 1          | Các khoản phải thu dài hạn          | 17.408.751.223               | 18.912.415.729               |
| 2          | Tài sản cố định                     | 641.143.417.453              | 537.095.773.382              |
|            | - Tài sản cố định hữu hình          | 641.143.417.453,0            | 537.095.773.372              |
|            | - Chi phí xây dựng cơ bản dở dang   | 61.294.564.000               | 106.094.003.138              |
| 3          | Bất động sản đầu tư                 | 0                            | 0                            |
| 4          | Các khoản đầu tư tài chính dài hạn  | 14.565.366.291               | 9.067.141.030                |
| 5          | Tài sản dài hạn khác                | 88.344.148.777               | 266.304.390.565              |
| -          | <b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (I+II)</b>     | <b>1.186.828.595.374</b>     | <b>1.319.827.194.690</b>     |
| <b>III</b> | <b>Nợ phải trả</b>                  | <b>963.239.720.765</b>       | <b>1.075.045.018.546</b>     |
| 1          | Nợ ngắn hạn                         | 663.953.037.222              | 556.075.771.896              |
| 2          | Nợ dài hạn                          | 299.286.683.543              | 518.969.246.650              |
| <b>IV</b>  | <b>Nguồn vốn chủ sở hữu</b>         | <b>223.588.874.609</b>       | <b>244.782.176.144</b>       |
| 1          | Vốn chủ sở hữu                      | 215.327.462.680              | 237.398.511.091              |
|            | - Vốn đầu tư của chủ sở hữu         | 150.839.520.000              | 214.183.460.000              |
|            | - Thặng dư vốn cổ phần              | 0                            | 0                            |
|            | - Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu  |                              |                              |
|            | - Vốn khác của chủ sở hữu           | 11.263.667.234               | 0                            |
|            | - Cổ phiếu quỹ                      |                              |                              |
|            | - Chênh lệch đánh giá lại tài sản   |                              |                              |
|            | - Chênh lệch tỷ giá hối đoái        |                              |                              |
|            | - Quỹ đầu tư phát triển             | 53.138.750.966               | 1.058.478.200                |



| STT | Nội dung                            | Số dư đầu kỳ<br>(01/01/2016) | Số dư cuối kỳ<br>31/12/2016) |
|-----|-------------------------------------|------------------------------|------------------------------|
|     | - Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp   | 0                            | 0                            |
|     | - Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp   |                              |                              |
|     | - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 85.524.480                   | 22.156.572.891               |
|     | - Nguồn vốn đầu tư XDCB             | 0                            | 0                            |
| 2   | Nguồn kinh phí và quỹ khác          | 8.261.411.929                | 7.383.665.053                |
| -   | <b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (III+IV)</b> | <b>1.186.828.595.374</b>     | <b>1.319.827.194.690</b>     |

## B. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

| STT | Chỉ tiêu                            | Năm trước         | Năm nay           |
|-----|-------------------------------------|-------------------|-------------------|
| 1   | Doanh thu bán hàng và cung cấp DV   | 1.566.350.616.674 | 1.590.547.542.010 |
| 2   | Các khoản giảm trừ doanh thu        | 0                 | 0                 |
| 3   | DT thuần về bán hàng và cung cấp DV | 1.566.350.616.674 | 1.590.547.542.010 |
| 4   | Giá vốn hàng bán                    | 1.363.511.111.566 | 1.353.920.232.737 |
| 5   | LN gộp về bán hàng và cung cấp DV   | 202.839.505.108   | 236.627.309.273   |
| 6   | Doanh thu hoạt động tài chính       | 172.719.210       | 584.536.753       |
| 7   | Chi phí tài chính                   | 46.873.079.762    | 48.784.245.425    |
| 8   | Chi phí bán hàng                    | 16.664.973.652    | 16.722.250.940    |
| 9   | Chi phí quản lý doanh nghiệp        | 139.408.169.547   | 141.338.347.545   |
| 10  | Lợi nhuận thuần từ hoạt động KD     | 66.001.357        | 30.367.002.116    |
| 11  | Thu nhập khác                       | 2.824.850.478     | 1.411.807.526     |
| 12  | Chi phí khác                        | 2.450.577.651     | 3.001.585.703     |
| 13  | Lợi nhuận khác                      | 374.272.827       | (1.589.778.177)   |
| 14  | Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế   | 440.274.184       | 28.777.223.939    |
| 15  | Thuế thu nhập doanh nghiệp          | 354.749.704       | 6.706.175.528     |
| 16  | Lợi nhuận sau thuế TNDN             | 85.524.480        | 22.071.048.411    |
| 17  | Lãi cơ bản trên cổ phiếu            | 6                 | 726               |

## C. CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CƠ BẢN

| STT | Chỉ tiêu                        | ĐVT | Năm trước | Năm nay |
|-----|---------------------------------|-----|-----------|---------|
| 1   | <b>Cơ cấu tài sản</b>           |     |           |         |
|     | Tài sản dài hạn / Tổng tài sản  | %   | 69,32     | 71,03   |
|     | Tài sản ngắn hạn / Tổng tài sản | %   | 30,68     | 28,97   |
| 2   | <b>Cơ cấu nguồn vốn</b>         |     |           |         |



| STT      | Chỉ tiêu                                | ĐVT        | Năm trước   | Năm nay     |
|----------|-----------------------------------------|------------|-------------|-------------|
|          | Nợ phải trả / Tổng nguồn vốn            | %          | 81,16       | 81,45       |
|          | Nguồn vốn CSH / Tổng nguồn vốn          | %          | 18,84       | 18,55       |
| <b>3</b> | <b>Tỷ suất lợi nhuận</b>                |            |             |             |
|          | Tỷ suất LN sau thuế / Tổng tài sản      | %          | 0,01        | 1,67        |
|          | Tỷ suất LN sau thuế / Doanh thu thuần   | %          | 0,01        | 1,39        |
|          | Tỷ suất LN sau thuế / Nguồn vốn CSH     | %          | 0,04        | 9,02        |
| <b>4</b> | <b>Hệ số nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu</b> | <b>lần</b> | <b>4,47</b> | <b>4,53</b> |
| <b>5</b> | <b>Hệ số thanh toán nợ đến hạn</b>      | <b>lần</b> | <b>0,55</b> | <b>0,69</b> |
| <b>6</b> | <b>Hệ số bảo toàn vốn</b>               | <b>lần</b> | <b>1,01</b> | <b>1,09</b> |

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**TÀI LIỆU**  
**HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**  
**THƯỜNG NIÊN- NĂM 2017**  
**CÔNG TY CP THAN MÔNG DƯƠNG - VINACOMIN**

**ĐỊA CHỈ:** P.Mông Dương- Cẩm Phả- Quảng Ninh  
**ĐIỆN THOẠI:** 033 3 868 271; 033 3 868 272.  
**FAX:** 033 3 868 276.

**MÔNG DƯƠNG, THÁNG 4 NĂM 2017**



**NỘI DUNG VÀ CHƯƠNG TRÌNH LÀM VIỆC  
CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2017  
( Ngày 25 tháng 4 năm 2017 )**

- Thời gian họp Đại hội: 07h30 -:- 11h30 ngày 25/4/2017
- Địa điểm: Hội trường Công ty cổ phần Than Mông Dương-Vinacomin.
- Địa chỉ: Phường Mông Dương, TP. Cẩm phả, tỉnh Quảng Ninh.

|   | Thời gian   | Nội dung                                                                                                                                                                                                                                                                                                | Người điều hành                                                             |
|---|-------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------|
| 1 | 7h30 - 8h05 | Đăng ký cổ đông, phát thẻ biểu quyết.                                                                                                                                                                                                                                                                   | Ban kiểm tra tư cách CD:<br>Ông Hoàng Kim Cương<br>và tổ giúp việc          |
| 2 | 8h05- 8h20  | - Ôn định tổ chức; chào cờ<br>- Thông qua chương trình làm việc và Quy chế làm việc của Đại hội;<br>- Biểu quyết thông qua chương trình và quy chế Đại hội.                                                                                                                                             | Đại diện Ban Tổ chức đại hội: Ông Vũ Ngọc Xuân-<br>Chánh Văn phòng          |
| 3 | 8h20- 8h25  | - Giới thiệu và mời chủ tọa lên điều hành đại hội.                                                                                                                                                                                                                                                      | Đại diện Ban Tổ chức:<br>Ông Vũ Ngọc Xuân-<br>Chánh Văn phòng               |
| 4 | 8h25- 8h35  | - Cử Thư ký và tổ giúp việc Đại hội;<br>( <i>Thư ký: (1) Trịnh Thị Hằng- T.ký HĐQT &amp; (2) Nguyễn Thế Hanh TP TK</i> )                                                                                                                                                                                | Chủ tọa Đại hội:<br>Ông Phạm Công Hương-<br>Chủ tịch HĐQT                   |
| 5 | 8h35- 8h40  | - Báo cáo kiểm tra tư cách cổ đông.                                                                                                                                                                                                                                                                     | Trưởng Ban Kiểm tra tư cách cổ đông: Ông Hoàng Kim Cương- TP BVQS           |
| 6 | 8h40- 8h55  | - Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2016 và Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2017.                                                                                                                                                                                                                | Đại diện Ban Giám đốc:<br>Ông Nguyễn Quế Thanh-<br>Giám đốc Công ty         |
| 7 | 8h55- 9h15  | - Báo cáo tóm tắt BCTC năm 2016 đã được kiểm toán.<br>- Phương án phân phối lợi nhuận và trả cổ tức 2016, Kế hoạch lợi tức 2017.<br>- Báo cáo về việc chi trả tiền lương đối với người quản lý, chi trả tiền thù lao Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát không chuyên trách năm 2016, và đề xuất năm 2017. | Đại diện<br>Hội đồng quản trị- Bà<br>Phạm Thị Hải- UVHĐQT<br>Kế toán trưởng |

|                                                                           | Thời gian     | Nội dung                                                                                                                                                                                                                                                             | Người điều hành                                                             |
|---------------------------------------------------------------------------|---------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------|
| 8                                                                         | 9h15- 9h30    | Báo cáo của Ban kiểm soát:<br>(1) Báo cáo của Ban Kiểm soát về Thẩm định BCTC năm 2016.<br>(2) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2016;<br>(3) Đề xuất việc lựa chọn công ty Kiểm toán để kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2017 của Công ty. | Đại diện<br>Ban Kiểm soát: Ông<br>Nguyễn Xuân Bách-<br>Trưởng Ban Kiểm soát |
| 9                                                                         | 9h30- 9h50    | - Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên HĐQT.                                                                                                                                                      | Đại diện HĐQT:<br>Ông Bùi Văn Kiểm-<br>UVHĐQT                               |
| 10                                                                        | 9h50- 10h15   | Tờ trình thuộc thẩm quyền HĐQT:<br>- Tờ trình v.v Thay đổi thành viên HĐQT giữa nhiệm kỳ và Biểu quyết xin ý kiến của ĐHĐCĐ.<br>- Hội đồng quản trị ra mắt đại hội                                                                                                   | Đại diện HĐQT:<br>Ông Bùi Văn Kiểm-<br>UVHĐQT                               |
|                                                                           | 10h15 - 10h25 | Đại hội giải lao                                                                                                                                                                                                                                                     | Chủ tọa Đại hội                                                             |
| 11                                                                        | 10h25 - 10h50 | Đại hội thảo luận, phát biểu ý kiến và trả lời ý kiến.                                                                                                                                                                                                               | Chủ tọa Đại hội:<br>Ông Phạm Công Hương-<br>Chủ tịch HĐQT                   |
| 12                                                                        | 10h50 - 11h15 | Biểu quyết thông qua các nội dung                                                                                                                                                                                                                                    | Chủ tọa Đại hội:<br>Ông Phạm Công Hương-<br>Chủ tịch HĐQT                   |
| 13                                                                        | 11h15-11h30   | Trình bày dự thảo Biên bản và Nghị quyết Đại hội.                                                                                                                                                                                                                    | Thư ký Đại hội: Ông<br>Nguyễn Thế Hanh- TP<br>TK                            |
| 14                                                                        | 11h30         | Biểu quyết thông qua Biên bản- Nghị quyết Đại hội và bế mạc Đại hội.                                                                                                                                                                                                 | Chủ tọa Đại hội:<br>Ông Phạm Công Hương-<br>Chủ tịch HĐQT                   |
| BTC kính mời quý vị đại biểu và quý cổ đông về ăn trưa tại nhà ăn Công ty |               |                                                                                                                                                                                                                                                                      |                                                                             |



Số: 696 /BC- TMD

Quảng Ninh, ngày 20 tháng 4 năm 2017

**BÁO CÁO**  
**THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG NĂM 2016**  
**NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP ĐIỀU HÀNH NĂM 2017**

**Kính gửi: Các Quý vị Cổ đông**

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần than Mông Dương - Vinacomin được Đại hội đồng cổ đông đã thông qua;

Thực hiện chức trách nhiệm vụ Hội đồng quản trị giao, Giám đốc Công ty xin báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông kết quả sản xuất kinh doanh năm 2016, nhiệm vụ, giải pháp điều hành sản xuất kinh doanh năm 2017 như sau:

**PHẦN I**  
**KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2016**

**1. Những khó khăn, thuận lợi:**

**\* Khó khăn:**

Năm 2016 có nhiều khó khăn cho Ngành than, công tác tiêu thụ bị ảnh hưởng do than nhập khẩu tăng, do Trung Quốc cắt giảm sản lượng than nhập khẩu; giá khoáng sản thấp, cuối năm có dấu hiệu phục hồi nhưng chưa rõ rệt. Tình trạng dư cung và tiêu thụ ở mức thấp nhất trong các năm gần đây. Một số thuế, phí tăng.

Đối với Công ty: Sản lượng than khai thác hàm lò 100% ở dưới mức -100 ÷ -250, các điều kiện kỹ thuật mỏ ngày càng khó khăn hơn; Tình trạng địa chất 1 số khu vực chuẩn bị khai thác và lò chợ đang khai thác biến động quá lớn phải bỏ diện, đóng cửa, đào lò tránh đá khi khấu chợ,... Khu vực lộ thiên: Việc tổ chức sản xuất thường xuyên bị ảnh hưởng bởi các hộ dân cư lân cận đặc biệt trong công tác nổ mìn, các diện khai thác khu Cánh đông tới giai đoạn kết thúc, nhỏ lẻ...

**\* Thuận lợi:**

Năm 2016 Công ty đã xử lý xong sự cố ngập mỏ, điều kiện cơ sở hạ tầng, môi trường và điều kiện sản xuất được cải thiện đáng kể. Đội ngũ CBCNV có truyền thống, nề nếp, tác phong công nghiệp, có tinh thần đoàn kết, sáng tạo là những điều kiện thuận lợi để bước vào thực hiện kế hoạch SXKD năm 2016.

## 2. Các chỉ tiêu chủ yếu thực hiện năm 2016.

| TT        | CHỈ TIÊU                  | ĐV             | NĂM 2016         |                   |                     | %              | %             |
|-----------|---------------------------|----------------|------------------|-------------------|---------------------|----------------|---------------|
|           |                           |                | Thực hiện        | KH Theo PL QĐ 266 | KH Đ.chính (QĐ2936) | TH/KHPL QĐ 266 | TH/KH Đ.chính |
| <b>1</b>  | <b>Than Sản xuất</b>      | Tấn            | <b>1.346.000</b> | <b>1.675.000</b>  | <b>1.345.000</b>    | <b>80,0</b>    | <b>100,08</b> |
|           | - Than hầm lò             | "              | 1.195.497        | 1.500.000         | 1.200.000           | 80,0           | 99,62         |
|           | - Than lộ thiên           | "              | 149.179          | 175.000           | 145.000             | 80,0           | 102,88        |
| <b>2</b>  | <b>Mét lò đào tổng số</b> | M              | <b>14.935</b>    | <b>19.100</b>     | <b>15.200</b>       | <b>78,5</b>    | <b>98,25</b>  |
|           | - CBSX                    | "              | 14.935           | 19.100            | 15.200              | 78,5           | 98,25         |
|           | - XD CB                   | "              | -                | -                 | -                   | -              | -             |
| <b>3</b>  | <b>Lò xén</b>             | M              | <b>3.400</b>     | <b>3.000</b>      | <b>2.690</b>        | <b>113,0</b>   | <b>126,42</b> |
|           | - Mét lò xén CBSX         |                | 3.400            | 3.000             | 2.690               | 113,0          | 126,42        |
| <b>4</b>  | <b>Đất đá bốc xúc</b>     | M <sup>3</sup> | <b>1.443.000</b> | <b>2.439.000</b>  | <b>1.456.000</b>    | <b>58,6</b>    | <b>99,11</b>  |
|           | - Tự làm                  | "              | 901.600          | 1.306.000         | 836.000             | 65,4           | 107,8         |
|           | - Thuê ngoài              | "              | 541.400          | 1.133.000         | 620.000             | 48,1           | 87,3          |
|           | - Thuê thầu KT.           | "              | -                | 2.100.000         | 2.100.000           |                |               |
| <b>5</b>  | <b>Than tiêu thụ</b>      | Tấn            | <b>1.319.100</b> | <b>1.640.000</b>  | <b>1.323.000</b>    | <b>79,4</b>    | <b>99,7</b>   |
|           | - Than nguyên khai        | "              | 1.216.000        | 1.400.000         | 1.220.000           | 85,7           | 99,6          |
|           | - Than sạch               | Tấn            | 103.100          | 240.000           | 103.000             | 50,3           | 100           |
| <b>6</b>  | <b>Doanh thu tổng số</b>  | Trđ            | <b>1.557.824</b> | <b>1.840.030</b>  | <b>1.539.560</b>    | <b>83,9</b>    | <b>101,1</b>  |
|           | - DT than                 | Trđ            | 1.548.335        | 1.840.030         | 1.532.898           | 84             | 101           |
|           | - DT khác                 | Trđ            | 9.489            | -                 | 6.662               |                | 142           |
| <b>7</b>  | <b>Lợi nhuận</b>          | Trđ            | <b>29.973</b>    | <b>24.538</b>     | <b>19.747</b>       | <b>122,1</b>   | <b>151,7</b>  |
| <b>8</b>  | <b>Tồn kho</b>            | Tấn            | <b>27.900</b>    |                   |                     |                |               |
| <b>9</b>  | <b>Tiền lương BQ</b>      | Đ/ng-tháng     | 10.622.000       | 11.451.000        | 10.569.000          | 92,7           | 100,5         |
| <b>10</b> | <b>Cổ tức</b>             | %              | <b>6</b>         |                   |                     |                |               |

## 3. Công tác tổ chức quản lý điều hành sản xuất:

Để tăng cường công tác điều hành sản xuất, ngay từ đầu năm Công ty đã củng cố lại hệ thống ĐHSX và cải tiến phương pháp điều hành; Tăng cường sự chủ động của các công trường, phân xưởng để thực hiện được kế hoạch của đơn vị mình. Tuy nhiên công tác điều hành còn bộc lộ một số hạn chế:

- Việc đôn đốc, triển khai các biện pháp KTAT đến các đơn vị đôi khi còn chưa hiệu quả, chậm dẫn tới ách tắc sản xuất và xảy ra các sự vụ đáng tiếc đặc biệt vụ tai nạn lao động chết người ở CT ĐL2 một phần là do quá trình chuyển diện của đơn vị thực hiện quá chậm so với tiến độ yêu cầu. Việc đáp ứng vật tư, thiết bị phục vụ sản xuất còn chưa kịp thời.



- Việc nắm bắt các chủ trương, chính sách pháp luật, giải pháp điều hành còn hạn chế dẫn đến việc linh hoạt trong điều hành sản xuất chưa cao; đôi lúc gây ách tắc cho sản xuất, tiêu thụ.

- Công tác kiểm tra, kiểm soát diễn biến hiện trường sản xuất còn chưa thực sự sâu sát, vẫn để hiện trường sản xuất ở một số đơn vị chưa đảm bảo các điều kiện về KTCB, VSCN, đôi khi phải dừng nhiều ca để khắc phục.

#### **4. Công tác quản lý kỹ thuật:**

Năm 2016 Công ty đã tăng cường và chú trọng nhiều cho công tác kỹ thuật công nghệ nên đã duy trì tốt việc áp dụng các công nghệ mới trong khai thác, đào lò, phù hợp với điều kiện thực tế của Công ty. Công tác vận tải, đầu tư sử dụng trang thiết bị tiên tiến phục vụ sản xuất được nâng cấp. Đã đưa được công nghệ chống neo trong đào chống lò than; sửa chữa xong combai trong quý I sau sự cố ngập mỏ để đưa vào đào chống lò; áp dụng thành công công nghệ khoan ép nước và dập bụi cho lò chợ và gương lò đào có lượng bụi sinh ra sau nổ mìn lớn (Lò chợ số 1a mức -220 ÷ -180 vỉa G9.CĐ thuộc công trường KT6); phối hợp cùng viện KHCNM nghiên cứu công nghệ khai thác hợp lý bằng dàn chống mềm ZRY thay thế cho công nghệ Buồng lò thượng chéo khai thác khu vực vỉa dốc > 45<sup>0</sup> như: vỉa II11CĐ, H10- VM, V8-BMD ... để triển khai áp dụng trong toàn Công ty.

\* Tuy vậy, vẫn còn bộc lộ một số tồn tại:

- Việc theo dõi, bám sát diễn biến sản xuất từng vị trí sản xuất đôi khi còn chưa chủ động do đó việc lập các giải pháp, điều chỉnh, chưa kịp thời với diễn biến sản xuất; đặc biệt công tác xử lý tài liệu địa chất, kiểm tra hiện trường diện quản lý còn thụ động chưa sâu sát vẫn còn để xảy ra ách tắc (Trường hợp diện sản xuất khu vực vỉa G9 Cánh Đông khẩu phạm vào cúp bom ngầm Đ2 phải dừng khẩu chuyển diện).

- Công tác kiểm tra, bảo dưỡng, thực hiện quy trình vận hành thiết bị cơ điện, vận tải còn hạn chế nhất là khâu bảo dưỡng thiết bị và nghiệm thu sau bảo dưỡng, sửa chữa, do vậy việc chủ động thiết bị phục vụ sản xuất chưa tốt. Tuyến băng tải số 2 vận tải than từ mức -250÷-100 thường xuyên bị sự cố phải sử lý dẫn tới ách tắc sản xuất gây những ảnh hưởng nghiêm trọng cho công ty.

#### **4. Công tác an toàn:**

Trong năm 2016 công tác an toàn vệ sinh lao động trong Công ty đã được các tổ chức chính trị, Lãnh đạo Công ty đặc biệt quan tâm đầu tư nhiều công sức, thực hiện nhiều giải pháp khác nhau... Tuy nhiên, ý thức trách nhiệm của một số cán bộ công nhân trong Công ty không cao, chất lượng kiểm tra, kiểm soát công tác an toàn tại hiện trường, công tác tuyên truyền giáo dục từ của đội ngũ cán bộ quản lý từ các đơn vị, các phòng ban trong Công ty không đạt yêu cầu; do vậy tình trạng sự cố, TNLĐ còn xảy ra ở nhiều lĩnh vực (đặc biệt xảy ra 02 vụ TNLĐ chết người ở CT ĐL2, CT KT8).



## **5. Công tác tiêu thụ và quản lý chất lượng:**

Công tác quản lý chất lượng đã được quản lý tốt từ khâu khai thác, chế biến do đó chất lượng than năm 2016 đảm bảo chỉ tiêu Tập đoàn giao.

Công tác tiêu thụ: Công ty đã chủ động thay đổi cơ cấu, phù hợp với nhu cầu của thị trường, bám sát các đầu mối, đảm bảo được kế hoạch tiêu thụ, không để ách tắc sản xuất, cân đối được doanh thu.

## **6. Công tác kế hoạch, vật tư:**

### **6.1. Công tác kế hoạch:**

- Công tác xây dựng kế hoạch tháng, quý phù hợp với kế hoạch năm và phù hợp với điều kiện thực tế, do vậy các đơn vị chủ động được trong sản xuất.

- Công ty duy trì công tác khoán quản trị chi phí, hầu hết các công đoạn sản xuất đều được khoán đến khâu cuối cùng. Tăng cường các giải pháp nhằm tiết kiệm tài nguyên, nguyên vật liệu, điện năng. Triệt để trong công tác thu hồi, tái chế sử dụng; tận dụng vận chuyển hàng hoá 2 chiều và giao hàng tay 3.

### **6.2. Công tác quản lý vật tư:**

- Công tác quản lý vật tư có nhiều tiến bộ, sắp xếp lại kho ngăn nắp hơn, cung ứng vật tư kịp thời, giảm thiểu ách tắc sản xuất, huy động vật tư tồn tối đa, vật tư vô chủ ở khai trường giảm. Tồn kho thấp hơn so với quy định của Tập đoàn. Việc xét duyệt giá chặt chẽ hơn, chất lượng hàng hóa đồng bộ với giá mua; giảm đáng kể chi phí khi mua sắm vật tư hàng hóa;

Tuy nhiên trong quản lý sử dụng vật tư vẫn còn bộc lộ nhiều tồn tại: Công tác nghiệm thu, kiểm đếm vật tư sử dụng hàng tháng vẫn còn sai sót, chưa chính xác, công tác quản lý vẫn còn chưa chặt chẽ, chưa đáp ứng kịp thời cho sản xuất ở một số thời điểm.

## **7. Công tác kế toán, kiểm toán:**

Đã làm tốt công tác kế toán, công tác thu xếp vốn ổn định, linh hoạt trong sử dụng dòng tiền do đó trong năm đã giảm tối đa lãi vay ngắn hạn và dài hạn, giảm hệ số nợ phải trả so với kế hoạch. Công tác cập nhật số liệu thống kê hàng ngày đảm bảo khách quan trung thực. Công tác kiểm toán nội bộ đã có nhiều tiến bộ, chủ động trong các việc, rà soát chứng từ, hồ sơ, chấn chỉnh những thiếu sót, đề xuất những biện pháp khắc phục qua đó hệ thống hồ sơ chứng từ được hoàn thiện.

## **8. Công tác Đầu tư Xây dựng Cơ bản**

### **8.1 Tình hình thực hiện**

Công ty tập trung vào công tác giải quyết, hoàn thiện hồ sơ, thủ tục thực hiện tiếp trả nợ khối lượng năm trước 04 dự án (Dự án đầu tư khai thác giai đoạn II; Dự án đầu tư thiết bị DTSX năm 2014; Dự án đầu tư thiết bị năm 2015; Dự án đầu tư thiết bị khắc phục sự cố năm 2015) Thực hiện chuyển tiếp 02 dự án (Dự án đầu tư khai thác giai đoạn II, Dự án xây dựng khu nhà ở công nhân);



thực hiện đầu tư mới dự án đầu tư thiết bị DTSX năm 2016; Chuẩn bị đầu tư dự án nâng cao năng lực thoát nước phục vụ khai thác hầm lò. Kết quả thực hiện kế hoạch ĐTXD 2016 như sau

Tổng giá trị đầu tư là: 203.256 tr.đồng/195.949 tr.đồng = 96,4%.

Trong đó: + Xây lắp: 58.869 tr.đồng/56.277 tr.đồng = 95,6%.

+ Thiết bị: 136.313 tr.đồng/135.256 tr.đồng = 99,2%.

+ QL, TV, khác: 8.073 tr.đồng/4.417 tr.đồng = 54,7%.

#### 8.2. Công tác môi trường Tập trung

Năm 2016 Công ty thực hiện dự án cải tạo khối phục suất +9,8 khối lượng thực hiện trong năm đạt 80% tương ứng với giá trị 6.423.547.584 đồng khối lượng còn lại 20% chưa thi công do mặt bằng chưa được giải phóng xong (22 hộ khu vực hạ lưu suất) phần khối lượng này sẽ được Công ty thực hiện hoàn thành trước mùa mưa bão năm 2017.

#### 8.3. Công tác địa chính- Giải phóng mặt bằng

Kế hoạch bồi thường GPMB năm 2016 tổng số 50 hộ dân cần di dời giá trị 52.133.848.462 đồng. Thực hiện năm 2016 di dời tổng số 37 hộ dân giá trị đã chi trả là 33.439.533.186 đồng.

#### 9. Công tác chăm lo đời sống người lao động:

- Công ty duy trì tốt chế độ ăn định lượng, ăn giữa ca, bồi dưỡng giữa ca cho CBCNV theo quy định của Tập đoàn, của nhà nước và tổ chức phục vụ theo hình thức ăn tự chọn đảm bảo đủ chất, lượng và an toàn vệ sinh thực phẩm.

- Duy trì việc đưa đón công nhân các khu vực đến nơi làm việc và tự nơi đơn vị tới các vị trí sản xuất bằng tàu điện và goòng chở người, hạn chế công nhân đi làm bằng xe máy.

- Duy trì phục vụ tắm nước nóng, giặt sấy quần áo, ủng BHLĐ cho lao động làm việc dưới hầm lò.

- Thường xuyên tổ chức hoạt động văn hoá, thể thao, vui chơi giải trí như: Bóng đá, bóng chuyền, cầu lông, tennis và các hoạt động văn hóa văn nghệ khác nhưng thực tế các hoạt động chưa thể chờ thành phong trào.

#### 10. Công tác xã hội:

Thăm hỏi, trợ cấp gia đình CNVC-LĐ có hoàn cảnh khó khăn luôn được chuyên môn và Công đoàn quan tâm: Trong năm 2016 đã thăm hỏi và hỗ trợ 1.037 lượt người, tổng giá trị là 988.600.000 đồng. Ủng hộ các quỹ từ thiện và hỗ trợ địa phương cũng luôn được Công ty quan tâm.

**Tóm lại:** Năm 2016, mặc dù một số chế độ nhà nước thay đổi, giá cả biến động, nhưng với sự lãnh đạo, chỉ đạo kiên quyết, tạo điều kiện của lãnh đạo và các ban Tập đoàn, sự quan tâm của Đảng, Nhà nước các cơ quan chính quyền Tỉnh, Thành phố, Địa phương và sự kết hợp của các đối tác; sự cố gắng của tập thể lãnh đạo, người lao động trong Công ty và bằng nhiều giải pháp quản lý điều hành, Công ty đã hoàn thành các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật điều

chính năm 2016, doanh thu vượt kế hoạch, đảm bảo đủ công ăn việc làm cho cán bộ công nhân viên có thu nhập bình quân đạt 10.622.000 đồng/người tháng, thực hiện tốt nghĩa vụ với Nhà nước.

Năm 2016 Công ty đã hoàn thành việc phát hành cổ phiếu tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ để tăng vốn điều lệ của công ty từ 150 tỷ lên 214 tỷ.

Do vậy năm 2016 Công ty sẽ chi trả cổ tức cho các cổ đông là 6%.

## **Phần II**

### **NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP ĐIỀU HÀNH NĂM 2017**

#### **\* Khó khăn:**

Năm 2017 kinh tế thế giới và khu vực có nhiều diễn biến phức tạp ảnh hưởng tới nền kinh tế trong nước vẫn gặp nhiều khó khăn, giá cả thị trường không ổn định, thuế phí cao, giá than chưa được cải thiện.

Đối với Công ty: Khó khăn về tài nguyên huy động đưa vào sản xuất cả khu vực hầm lò và lộ thiên; Sản lượng than khai thác hầm lò 100% ở dưới mức -100÷-250, một số diện đào lò ở dưới mức -250, các điều kiện kỹ thuật mỏ khó khăn nhiều hơn năm 2016; Vấn đề thiếu nhân lực công nghệ, quản lý ảnh hưởng đến công tác tổ chức sản xuất Công ty.

#### **\* Thuận lợi:**

Toàn Công ty dưới sự lãnh đạo của BCH Đảng bộ, sự điều hành của lãnh đạo Công ty, sự phối kết hợp chặt chẽ của các tổ chức Đoàn thể trong Công ty nói chung cùng đội ngũ CBCNV với tinh thần tự giác cao, kỷ luật đồng tâm, nề nếp, đoàn kết, sáng tạo; Sự kiện kỷ niệm 35 năm thành lập mỏ là yếu tố để vượt qua khó khăn và phát huy tinh thần đó là những điều kiện thuận lợi để bước vào thực hiện kế hoạch SXKD năm 2017.

#### **1. Các chỉ tiêu chính SXKD năm 2017.**

| TT         | Danh mục                  | ĐVT            | KHPL2017<br>(CV6026TKV) | Ghi chú |
|------------|---------------------------|----------------|-------------------------|---------|
| <b>A</b>   | <b>Sản xuất</b>           |                |                         |         |
| <b>I</b>   | <b>Than sản xuất</b>      | Tấn            | <b>1.550.000</b>        |         |
| 1          | Than hầm lò               | Tấn            | 1.400.000               |         |
| 2          | Than Lộ thiên             | Tấn            | 150.000                 |         |
|            | - Nội bộ làm              | “              | 50.000                  |         |
|            | - Than giao thầu          | “              | 100.000                 |         |
| <b>II</b>  | <b>Bóc đất đá</b>         | M <sup>3</sup> | <b>2.102.000</b>        |         |
| 1          | Tự làm                    | M <sup>3</sup> | 663.000                 |         |
| 2          | Thuê thầu khai thác       | M <sup>3</sup> | 1.439.000               |         |
| <b>III</b> | <b>Mét lò đào tổng số</b> | M              | <b>18.700</b>           |         |



| TT | Danh mục                     | ĐVT        | KHPL2017<br>(CV6026TKV) | Ghi chú |
|----|------------------------------|------------|-------------------------|---------|
| 1  | Đào lò CBSX                  | M          | 18.700                  |         |
|    | - Nội bộ làm                 | “          | 16.700                  |         |
|    | - Mét lò đào thuê ngoài      | “          | 2.000                   |         |
| IV | <b>Lò xén</b>                | M          | <b>2.000</b>            |         |
| 1  | Mét lò xén CBSX              | M          | 2.000                   |         |
| B  | <b>Than tiêu thụ tổng số</b> | Tấn        | <b>1.519.000</b>        |         |
| 1  | Than NK giao NMT             | Tấn        | 1.300.000               |         |
| 2  | Than sạch giao KV            | Tấn        | 219.000                 |         |
| C  | <b>Doanh thu tổng số</b>     | Tr.đ       | <b>1.707.092</b>        |         |
| D  | <b>Lợi nhuận</b>             | Tr.đ       | 23.636                  |         |
| E  | <b>Thu nhập bình quân</b>    | Tr.đ/ng/th | <b>11,145</b>           |         |
| F  | <b>Cổ tức (dự kiến)</b>      | %          | <b>6</b>                |         |

## 2. Các chỉ tiêu đầu tư duy trì sản xuất

Mục tiêu đầu tư: Thực hiện hoàn thành 02 dự án chuyển tiếp gồm (1) Dự án đầu tư XDCT khai thác giai đoạn II, (2) Dự án đầu tư thiết bị DTSX năm 2016; Đối với Dự án xây dựng khu nhà ở công nhân năm 2017 hoàn thiện lô C2 để đưa công nhân vào ở, sau đó sẽ đánh giá hiệu quả sử dụng để làm cơ sở xây dựng tiếp lô C1, C3. Thực hiện chuẩn bị đầu tư 05 dự án (i. Dự án xây dựng công trình khai thác giai đoạn II mỏ than Mông Dương (tầng từ -250:--550 khu TTMD và -150:--550 khu ĐBMD; ii. Dự án khai thác lộ thiên mỏ Mông Dương; iii. Dự án nâng cao năng lực thoát nước mỏ phục vụ khai thác hầm lò mỏ Mông Dương; iv. Dự án đầu tư thiết bị duy trì sản xuất năm 2017-Công ty Cổ phần than Mông Dương; v. Dự án Đầu tư xây dựng trạm xử lý nước phục vụ sinh hoạt mỏ công suất đến 1500m<sup>3</sup>/ngày đêm.

|                      |                     |
|----------------------|---------------------|
| Tổng giá trị đầu tư: | 248.712 triệu đồng; |
| Trong đó:            |                     |
| - Xây lắp:           | 103.918 triệu đồng  |
| - Thiết bị:          | 126.448 triệu đồng  |
| - Chi phí khác:      | 18.345 triệu đồng   |

## 4. Các giải pháp chủ yếu để thực hiện kế hoạch năm 2017

### 4.1. Giải pháp về điều hành sản xuất:

- Hoàn thiện cơ cấu tổ chức sắp xếp bố trí nhân lực của các phòng ban, phân xưởng theo đúng mô hình, định mức do TKV ban hành đảm bảo tính chuyên môn cao, thống nhất về cấu trúc trên nguyên tắc cá nhân chịu trách nhiệm trong từng lĩnh vực, đơn vị.

- Công tác chuẩn bị sản xuất phải chú trọng tất cả các khâu từ kiểm tra hiện trường, lập biện pháp tổ chức thi công và hướng dẫn cho tất cả những

người thực thi, chuẩn bị vật tư nguyên liệu, nhân lực, lịch trình, tiến độ tổ chức thi công.

- Cán bộ chỉ huy sản xuất phải bám sát hiện trường, nắm vững được diễn biến sản xuất để điều chỉnh kịp thời khi có biến động. Tiếp tục nâng cao năng lực điều hành cho đội ngũ CB chỉ huy trực tiếp từ phó Quản đốc đến Tổ trưởng SX và Tổ trưởng tổ ATV.

- Bám sát kế hoạch để điều hành sản xuất ổn định, phải thật kiên quyết trong công tác điều hành, các đơn vị phấn đấu đảm bảo sản lượng than khai thác từng tháng, quý:

#### **4.2. Giải pháp về công nghệ:**

- Năm 2017 triển khai áp dụng thêm 02 tổ hợp lò chợ giá ZH1600 thay thế cho giá XDY công nghệ cũ;

- Duy trì áp dụng công nghệ chống giữ lò chợ bằng dàn mềm ZRY thay thế công nghệ khai thác Buồng thượng chéo khu vực vỉa II(11) Cánh Đông.

- Nghiên cứu đề xuất áp dụng công nghệ mới chống giữ lò chợ phù hợp với điều kiện địa kỹ thuật mỏ (góc dốc  $>40^0$ ) nhằm tăng năng suất (giá chính thể, giá khung xích..) có điều kiện áp dụng linh hoạt đối với điều kiện địa chất biến động.

- Nghiên cứu áp dụng nổ mìn phi điện đối với gương lò đá tiết diện lớn.

- Duy trì ổn định tối thiểu 02 gương thi công chống lò bằng vì neo đồng thời nhằm cải thiện điều kiện làm việc cho người lao động trong công tác VCVL vì chống lò.

- Tiếp tục duy trì 01 gương đào lò bằng máy combai AM50-Z. Sử dụng công nghệ bán cơ giới hiện có của Công ty để thi công: khoan gương bằng xe khoan CMJ-17TH, xúc than, đất đá đào lò bằng máy xúc lật hông ZCY-60 đối với các gương đào chống lò xuyên vỉa, dọc vỉa có tiết diện lớn.

#### **4.3. Giải pháp An toàn:**

- Tăng cường công tác kiểm tra, phúc tra tại hiện trường sản xuất, xiết chặt và xử lý nghiêm các cá nhân vi phạm theo đúng quy chế an toàn. Tổ chức các đợt kiểm tra chuyên đề về công tác an toàn theo diễn biến sản xuất; Duy trì tuần xuất mật độ, tăng hiệu quả công tác kiểm tra đợt xuất ca 2, ca 3.

- Phối hợp với Công đoàn Công ty tổng hợp, đánh giá, phân tích hiệu quả mạng lưới ATVSV các đơn vị để kiện toàn lại hệ thống này đảm đương được nhiệm vụ được giao.

- Thiết lập đường dây nóng tại phòng ĐHSX kèm theo cơ chế thưởng nhanh nhằm tiếp nhận các thông tin của người lao động về các sai phạm, nguy cơ mất an toàn từ hiện trường sản xuất để có các biện pháp xử lý kịp thời.



- Phối hợp cùng với các đơn vị giáp ranh khai trường mở thực hiện các giải pháp tách, thoát nước bề mặt địa hình; khẩn trương hoàn thiện các hồ sơ pháp lý nâng cao năng lực thoát nước mở; tổ chức đầu tư mua sắm, lắp đặt ngay sau khi có quyết định phê duyệt.

#### **4.4 Giải pháp Kế hoạch - Vật tư:**

- Xây dựng lại quy chế khoán, quản trị chi phí nội bộ, Duy trì thực hiện khoán, quản trị chi phí cho các đơn vị sản xuất, tổ chức phân tích khoán chi phí, phân tích việc sử dụng vật tư hàng tháng, quý để có điều chỉnh kịp thời, phân đầu giảm chi phí tối thiểu 9% tổng chi phí.

- Trong các giải pháp giảm chi phí thì giải pháp về công nghệ kỹ thuật là chủ yếu, ngoài ra tiếp tục tăng cường quản lý các mặt công tác khác.

- Quản lý, điều hành sử dụng vật tư có hiệu quả: Tăng cường các biện pháp quản lý, sử dụng tiết kiệm nguyên, nhiên, vật liệu. Rà soát cân đối nhu cầu sử dụng, khả năng tự gia công chế tạo và lượng tồn kho cần thiết để lập nhu cầu mua sắm sát với thực tế sử dụng, theo nguyên tắc có đủ vật tư cho sản xuất và có dự phòng hợp lý. Thực hiện mua sắm vật tư theo đúng quy định, đảm bảo giá cả cạnh tranh, kiểm soát chặt chẽ chất lượng. Rà soát xây dựng bổ xung quy chế Vật tư phù hợp với quy chế mua sắm vật tư của TKV.

#### **4.5 Giải pháp công tác đầu tư:**

Tập trung sắp xếp lại công tác quản lý và tổ chức thực hiện đầu tư một cách hệ thống, hồ sơ cách thức theo đúng phân cấp quản lý và đồng bộ ở tất cả các bộ phận liên quan.

- Dự án giai đoạn II: Đưa 02 hạng mục hệ thống cấp nước cứu hoả trong lò và xây dựng nhà điều hành sản xuất công trường vào sử dụng để kiểm toán quyết toán dự án.

- Dự án Khu nhà ở công nhân: hoàn thành lô nhà C2 bàn giao cho người sử dụng vào đầu Quý II năm 2017 và đánh giá hiệu quả sử dụng để quyết định đầu tư xây dựng lô C1 và C3.

- Dự án đầu tư thiết bị duy trì SX: Bám sát tiến độ để đầu tư đáp ứng kịp thời phục vụ SX năm 2017 và các năm sau.

- Dự án nâng cao năng lực thoát nước mở phục vụ khai thác hầm lò mở Mông Dương: Xin chủ chương đầu tư tuyến đường ống và máy phát điện khu Đông-Bắc Mông Dương song song với lập dự án.

- Dự án xây dựng công trình khai thác giai đoạn II mỏ than Mông Dương (tầng từ -250:--550 khu TTMD và -150:--550 khu ĐBMD) hoàn thiện các bước để lập BCNCTKT của dự án.

#### **4.6. Giải pháp về đời sống lao động và trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp:**

- Lấy sức khoẻ của người lao động làm trọng, chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động: Áp dụng phương thức trả lương khuyến khích hợp lý đối với lao động kỹ thuật mỏ hầm lò; duy trì tốt từ bữa ăn định lượng, tắm giặt, đi lại đến vui chơi, giải trí, thăm quan, nghỉ dưỡng và khám chữa bệnh cho người lao động, phong trào văn hóa thể thao,... Giảm tỷ lệ thợ lò thôi việc bằng các cơ chế khuyến khích, đãi ngộ.

- Áp dụng cơ chế nghỉ ngơi mới cho thợ lò theo hướng lao động ở xa khi làm việc đủ ngày công định mức trong tháng có thể nghỉ tối đa 7 ngày liên tục để về thăm gia đình và Công ty xem xét có thể hỗ trợ thêm chi phí đi lại.

- Giảm tối đa lao động làm việc tại các dây chuyền phụ trợ, phục vụ, gián tiếp; tăng lao động sản xuất trực tiếp tại các lò chợ, gương đào lò.

- Duy trì và thúc đẩy tốt phong trào văn hoá, văn nghệ, thể thao, làm động lực thúc đẩy sản xuất và tạo ra nét văn hoá doanh nghiệp.

- Tiếp tục làm tốt công tác từ thiện giúp đỡ những gia đình có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn.

- Phối hợp chặt chẽ với các cơ quan chức năng và thực thi pháp luật của các cấp, tạo ra một sự đồng bộ đảm bảo an ninh trật tự trong khai trường, trong sản xuất kinh doanh và chính trị nội bộ.

Trên đây là toàn bộ những nội dung báo cáo về kết quả sản xuất kinh doanh năm 2016 và nhiệm vụ, giải pháp điều hành năm 2017 của Công ty, xin trân trọng báo cáo trước Đại hội./.

#### **Nơi nhận:**

- Cổ đông của Công ty;
- Ủy viên HĐQT, Ban Kiểm soát;
- Các phòng ban, PX (Portal);
- Lưu VT, HĐQT.

**GIÁM ĐỐC**  
  
**Nguyễn Quế Thanh**



**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÓM TẮT NĂM 2016**  
Đã được kiểm toán bởi Công ty Kiểm toán PKF Việt Nam

**A. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

| STT        | Nội dung                            | Số dư đầu kỳ<br>(01/01/2016) | Số dư cuối kỳ<br>(31/12/2016) |
|------------|-------------------------------------|------------------------------|-------------------------------|
| <b>I</b>   | <b>Tài sản ngắn hạn</b>             | <b>364,072,347,630</b>       | <b>382,353,470,846</b>        |
| 1          | Tiền và các khoản tương đương tiền  | 3,036,395,157                | 2,812,785,841                 |
| 2          | Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn | 0                            | 0                             |
| 3          | Các khoản phải thu ngắn hạn         | 310,537,121,686              | 337,716,223,352               |
| 4          | Hàng tồn kho                        | 35,046,364,432               | 31,904,545,794                |
| 5          | Tài sản ngắn hạn khác               | 15,452,466,355               | 9,919,915,859                 |
| <b>II</b>  | <b>Tài sản dài hạn</b>              | <b>822,756,247,744</b>       | <b>937,473,723,844</b>        |
| 1          | Các khoản phải thu dài hạn          | 17,408,751,223               | 18,912,415,729                |
| 2          | Tài sản cố định                     | 641,143,417,453              | 537,095,773,382               |
|            | - Tài sản cố định hữu hình          | 641,143,417,453              | 537,095,773,382               |
|            | - Tài sản cố định vô hình           |                              |                               |
|            | - Tài sản cố định thuê tài chính    |                              |                               |
| 3          | Chi phí xây dựng cơ bản dở dang     | 61,294,564,000               | 106,094,003,138               |
| 4          | Bất động sản đầu tư                 | 0                            | 0                             |
| 5          | Các khoản đầu tư tài chính dài hạn  | 14,565,366,291               | 9,067,141,030                 |
| 6          | Tài sản dài hạn khác                | 88,344,148,777               | 266,304,390,565               |
|            | <b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (I+II)</b>     | <b>1,186,828,595,374</b>     | <b>1,319,827,194,690</b>      |
| <b>III</b> | <b>Nợ phải trả</b>                  | <b>963,239,720,765</b>       | <b>1,075,045,018,546</b>      |
| 1          | Nợ ngắn hạn                         | 663,953,037,222              | 556,075,771,896               |
| 2          | Nợ dài hạn                          | 299,286,683,543              | 518,969,246,650               |
| <b>IV</b>  | <b>Nguồn vốn chủ sở hữu</b>         | <b>223,588,874,609</b>       | <b>244,782,176,144</b>        |
| 1          | Vốn chủ sở hữu                      | 215,327,462,680              | 237,398,511,091               |
|            | - Vốn đầu tư của chủ sở hữu         | 150,839,520,000              | 214,183,460,000               |
|            | - Thặng dư vốn cổ phần              | 0                            | 0                             |
|            | - Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu  |                              |                               |
|            | - Vốn khác của chủ sở hữu           | 11,263,667,234               | 0                             |
|            | - Cổ phiếu quỹ                      |                              |                               |
|            | - Chênh lệch đánh giá lại tài sản   |                              |                               |
|            | - Chênh lệch tỷ giá hối đoái        |                              |                               |
|            | - Quỹ đầu tư phát triển             | 53,138,750,966               | 1,058,478,200                 |
|            | - Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp   | 0                            | 0                             |
|            | - Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp   |                              |                               |
|            | - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 85,524,480                   | 22,156,572,891                |
|            | - Nguồn vốn đầu tư XDCB             | 0                            | 0                             |
| 2          | Nguồn kinh phí và quỹ khác          | 8,261,411,929                | 7,383,665,053                 |
|            | <b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (III+IV)</b> | <b>1,186,828,595,374</b>     | <b>1,319,827,194,690</b>      |



## B. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

| STT | Chỉ tiêu                                        | Năm trước         | Năm nay           |
|-----|-------------------------------------------------|-------------------|-------------------|
| 1   | Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ          | 1,566,350,616,674 | 1,590,547,542,010 |
| 2   | Các khoản giảm trừ doanh thu                    | 0                 | 0                 |
| 3   | Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 1,566,350,616,674 | 1,590,547,542,010 |
| 4   | Giá vốn hàng bán                                | 1,363,511,111,566 | 1,353,920,232,737 |
| 5   | LN gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ          | 202,839,505,108   | 236,627,309,273   |
| 6   | Doanh thu hoạt động tài chính                   | 172,719,210       | 584,536,753       |
| 7   | Chi phí tài chính                               | 46,873,079,762    | 48,784,245,425    |
| 8   | Chi phí bán hàng                                | 16,664,973,652    | 16,722,250,940    |
| 9   | Chi phí quản lý doanh nghiệp                    | 139,408,169,547   | 141,338,347,545   |
| 10  | Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh         | 66,001,357        | 30,367,002,116    |
| 11  | Thu nhập khác                                   | 2,824,850,478     | 1,411,807,526     |
| 12  | Chi phí khác                                    | 2,450,577,651     | 3,001,585,703     |
| 13  | Lợi nhuận khác                                  | 374,272,827       | (1,589,778,177)   |
| 14  | Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế               | 440,274,184       | 28,777,223,939    |
| 15  | Thuế thu nhập doanh nghiệp                      | 354,749,704       | 6,706,175,528     |
| 16  | Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp        | 85,524,480        | 22,071,048,411    |
| 17  | Lãi cơ bản trên cổ phiếu                        | 4                 | 726               |

## C. CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CƠ BẢN

| STT | Chỉ tiêu                                          | ĐVT        | Năm trước   | Năm nay     |
|-----|---------------------------------------------------|------------|-------------|-------------|
| 1   | <b>Cơ cấu tài sản</b>                             |            |             |             |
|     | Tài sản dài hạn / Tổng tài sản                    | %          | 69.32       | 71.03       |
|     | Tài sản ngắn hạn / Tổng tài sản                   | %          | 30.68       | 28.97       |
| 2   | <b>Cơ cấu nguồn vốn</b>                           |            |             |             |
|     | Nợ phải trả / Tổng nguồn vốn                      | %          | 81.16       | 81.45       |
|     | Nguồn vốn chủ sở hữu / Tổng nguồn vốn             | %          | 18.84       | 18.55       |
| 3   | <b>Tỷ suất lợi nhuận</b>                          |            |             |             |
|     | Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / Tổng tài sản         | %          | 0.01        | 1.67        |
|     | Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / Doanh thu thuần      | %          | 0.01        | 1.39        |
|     | Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / Nguồn vốn chủ sở hữu | %          | 0.04        | 9.02        |
| 4   | <b>Hệ số nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu</b>           | <b>lần</b> | <b>4.47</b> | <b>4.53</b> |
| 5   | <b>Hệ số thanh toán nợ đến hạn</b>                | <b>lần</b> | <b>0.55</b> | <b>0.69</b> |
| 6   | <b>Hệ số bảo toàn vốn</b>                         | <b>lần</b> | <b>1.01</b> | <b>1.09</b> |

KẾ TOÁN TRƯỞNG

✓

Phạm Thị Hải



Nguyễn Trọng Tốt



Số: 654 /TTr-TMD

Quảng Ninh, ngày 21 tháng 4 năm 2017

## TỜ TRÌNH

### V.v Phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2016; Kế hoạch lợi tức năm 2017- Công ty CP than Mông Dương- Vinacomin

Căn cứ Điều lệ hoạt động của Công ty cổ phần than Mông Dương đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

Căn cứ kết quả sản xuất kinh doanh năm 2016, Quy chế quản lý tài chính của Công ty và chế độ tài chính kế toán hiện hành;

Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng hoạch tức 2017; như sau:

#### I. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2016:

|                                           |                |      |
|-------------------------------------------|----------------|------|
| 1. Tổng lợi nhuận trước thuế:             | 28.777.223.939 | đồng |
| 2. Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp:   | 6.706.175.528  | đồng |
| 3. Lợi nhuận sau thuế:                    | 22.156.572.891 | đồng |
| a. Chia cổ tức năm 2016 (6% vốn điều lệ): | 12.851.007.600 | đồng |
| b. Lợi nhuận còn lại trích lập các quỹ:   | 9.305.565.291  | đồng |

Trong đó:

|                                    |               |      |
|------------------------------------|---------------|------|
| - Quỹ đầu tư phát triển (30%):     | 2.791.669.587 | đồng |
| - Quỹ khen thưởng phúc lợi         | 6.084.905.357 | đồng |
| - Quỹ thưởng Ban điều hành Công ty | 428.990.347   | đồng |

(1,5 tháng lương thực hiện của VCQL)

**II. Tổ chức chi trả cổ tức năm 2016:** Thời điểm chốt danh sách cổ đông và chi trả cổ tức bằng tiền cho các cổ đông vào cuối quý II năm 2017. Đề nghị Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị tổ chức hoàn tất thủ tục và chi trả theo Luật Chứng khoán và Luật Kế toán Tài chính hiện hành.

**III. Kế hoạch trả cổ tức năm 2017:** Mức trả cổ tức dự kiến tối đa 6% trên vốn điều lệ.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua./.

#### Nơi nhận:

- Cổ đông của Công ty;
- Ủy viên HĐQT, Ban Kiểm soát;
- Văn phòng (Đăng trên Wetsite);
- Lưu VT, HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH



Phạm Công Hương



Số: 651 /BC-TMD

Quảng Ninh, ngày 21 tháng 4 năm 2017

### BÁO CÁO

Về việc: Chi trả tiền lương đối với người quản lý,  
thù lao Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát không chuyên trách

Kính gửi: Các Quý vị cổ đông

#### 1. Chi trả tiền lương đối với người quản lý, thù lao Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát không chuyên trách năm 2016

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty Cổ phần Than Mông Dương – Vinacomin năm 2016; Căn cứ kết quả thanh quyết toán chi phí năm: Mức tiền lương đối với người quản lý, thù lao Hội đồng quản trị, ban Kiểm soát không chuyên trách năm 2016 của Công ty được chi trả như sau:

ĐVT: Triệu đồng

| STT | Chức danh         | Số người | Tổng số | Trong đó: |         | Ghi chú |
|-----|-------------------|----------|---------|-----------|---------|---------|
|     |                   |          |         | Lương     | Thù lao |         |
| 1   | Hội đồng Quản trị | 5        | 285,6   |           | 285,6   |         |
| 2   | Ban Kiểm soát     | 3        | 395,4   | 276,2     | 119,2   |         |
| 3   | Ban Giám đốc      | 7        | 2.916,6 | 2.916,6   |         |         |
|     | Tổng số           |          | 3.597,6 | 3.192,8   | 404,8   |         |

#### 2. Đề xuất mức tiền lương đối với người quản lý và thù lao Hội đồng quản trị, ban Kiểm soát, Thư ký công ty năm 2017 như sau:

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty được Đại hội đồng cổ đông thông qua; Căn cứ kế hoạch SXKD của Công ty năm 2017 và hiện nay Công ty đang thực hiện đồng thời 02 nhiệm vụ chiến lược: Vừa sản xuất và khai thác than hầm lò, vừa khai thác than lộ thiên. Do đó, Hội đồng quản trị Công ty đề nghị áp dụng hướng dẫn của Nghị định 52/2016/NĐ-CP và thực hiện các văn bản hướng dẫn của TKV: Công văn số 1964/TKV-LĐTL ngày 08/04/2014; Quyết định số 6026/TKV-KH ngày 22/12/2016; Quyết định số 279/QĐ-TKV ngày 23/2/2017 của TKV để xây dựng mức lương đối với người quản lý quản lý, mức thù lao Hội đồng quản trị, ban Kiểm soát, Thư ký công ty như sau:





ĐVT: Triệu đồng

| STT | Chức danh                                                                  | Số người | Tổng số (Trđ) | Trong đó: |         | Ghi chú |
|-----|----------------------------------------------------------------------------|----------|---------------|-----------|---------|---------|
|     |                                                                            |          |               | Lương     | Thù lao |         |
| 1   | Hội đồng Quản trị                                                          | 05       | 285,6         |           | 285,6   |         |
| -   | Chủ tịch HĐQT                                                              | 01       | 64,8          |           | 64,8    |         |
| -   | Ủy viên HĐQT                                                               | 04       | 220,8         |           | 220,8   |         |
| 2   | Ban Kiểm soát                                                              | 03       | 381,2         | 280,4     | 100,8   |         |
| -   | Trưởng ban kiểm soát (chuyên trách), xếp bậc 2/2 thang bảng lương của TKV. | 01       | 280,4         | 280,4     |         |         |
| -   | UV Ban kiểm soát                                                           | 02       | 100,8         |           | 100,8   |         |
| 3   | Ban Giám đốc                                                               | 07       | 1.722,5       | 1.722,5   |         |         |
| 4   | Thư ký Công ty                                                             | 1        | 50,4          |           | 50,4    |         |
|     | Tổng số                                                                    |          | 2.439,7       | 2.002,9   | 436,8   |         |

• **Phương thức chi trả:**

- Tiền lương, thù lao tháng = Tiền lương, thù lao năm /12 tháng;
- Hàng tháng các thành viên HĐQT, BKS, BGĐ Công ty được tạm ứng 80% mức tiền lương, thù lao tháng; Số còn lại được quyết toán vào cuối năm trên cơ sở kết quả SXKD của Công ty.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua./.

**Nơi nhận:**

- HĐQT, BKS (ecopy);
- ĐU, CĐ, ĐTN (ecopy);
- GD, Các PGD, KTT (ecopy);
- Cổ đông của Công ty;
- Văn phòng (đăng trên Website);
- Lưu: Văn thư, Thư ký HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**CHỦ TỊCH**



**Phạm Công Hương**

Số: 499 /BC-BKS

Quảng Ninh, ngày 31 tháng 3 năm 2017

**BÁO CÁO THẨM ĐỊNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
NĂM 2016**

Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Than Mông Dương - Vinacomin thẩm định kết quả báo cáo tài chính năm 2016 của Công ty như sau :

1. Xác nhận tính tuân thủ thực hiện kế hoạch trong hợp đồng phối hợp kinh doanh giữa Công ty cổ phần Than Mông Dương và TKV năm 2016.

2. Xác nhận tính hợp lý, hợp pháp, trung thực và độ tin cậy trong quản lý điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của HĐQT và Ban giám đốc điều hành công ty.

3. Xác nhận tính trung thực, chính xác trong tổ chức công tác kế toán, thống kê, tài chính và lập báo cáo tài chính năm 2016. Công ty đã áp dụng Chế độ kế toán được ban hành theo Quyết định số 2917/QĐ-HĐQT ngày 27/12/2006 của Hội đồng Quản trị Tập đoàn TKV, đã được Bộ Tài chính chấp thuận tại Công văn số 16148/BTC-CĐKT ngày 20/12/2006.

Căn cứ kết quả sản xuất kinh doanh và báo cáo tài chính năm 2016 của Công ty đã do Công ty kiểm toán độc lập "*Công ty TNHH PKF Việt nam*" kiểm toán, số liệu trong báo cáo tài chính năm 2016 đã được Ban kiểm soát Công ty thẩm định xác nhận tính minh bạch, rõ ràng và độ tin cậy của báo cáo tài chính năm 2016 với các chỉ tiêu chủ yếu sau :

| NỘI DUNG                                     | ĐVT         | Năm 2016                 |
|----------------------------------------------|-------------|--------------------------|
| <b>A. Một số chỉ tiêu tài chính chủ yếu.</b> |             |                          |
| <b>I. Tổng tài sản (1+2)</b>                 | <b>Đồng</b> | <b>1.319.827.194.690</b> |
| 1. Tài sản ngắn hạn                          | "           | <b>382.353.470.846</b>   |
| Trong đó : - Tiền                            | "           | 2.812.785.841            |
| - Các khoản phải thu ngắn hạn                | "           | 337.716.223.352          |
| - Tồn kho và dở dang cuối kỳ                 | "           | 31.904.545.794           |
| + Nguyên vật liệu tồn kho                    | "           | 11.732.175.908           |
| + Công cụ dụng cụ tồn kho                    | "           | 8.648.000                |
| + Thành phẩm tồn kho                         | "           | 4.559.608.261            |



| <b>NỘI DUNG</b>                                         | <b>ĐVT</b>  | <b>Năm 2016</b>          |
|---------------------------------------------------------|-------------|--------------------------|
| + Bán thành phẩm tồn kho                                | “           | 15.604.113.625           |
| + Dự phòng giảm giá hàng tồn kho                        | “           |                          |
| - TS ngắn hạn khác                                      | “           | 9.919.915.859            |
| 2. Tài sản dài hạn                                      | “           | <b>937.473.723.844</b>   |
| <b>II. Tổng nguồn vốn (1+2=3)</b>                       | <b>Đồng</b> | <b>1.319.827.194.690</b> |
| 1. Tổng nợ phải trả                                     | “           | <b>1.075.045.018.546</b> |
| <i>Trong đó: - Nợ ngắn hạn</i>                          |             |                          |
| + Vay và nợ ngắn hạn                                    | “           | 556.075.771.896          |
| + Vay và nợ dài hạn                                     | “           | 518.969.246.650          |
| 2. Vốn chủ sở hữu                                       | “           | <b>237.398.511.091</b>   |
| <i>Trong đó :Vốn đầu tư của chủ SH (Mã 411)</i>         | <i>Đồng</i> | <i>214.183.460.000</i>   |
| - Vốn khác CSH (Mã 414)                                 | “           | -                        |
| - Quỹ ĐTPT (Mã 418)                                     | “           | 1.058.478.200            |
| - LN sau thuế chưa phân phối (Mã 421)                   | “           | 22.156.572.891           |
| 3. Nguồn kinh phí và quỹ khác                           | “           | <b>7.383.665.053</b>     |
| <b>III. Kết quả SXKD</b>                                |             |                          |
| 1. Tổng thu nhập (doanh thu)                            | Đồng        | 1.592.543.886.289        |
| 2. Doanh thu thuần                                      | Đồng        | 1.590.547.542.010        |
| 3. Tổng chi phí hoạt động                               | Đồng        | 1.563.766.662.350        |
| 4. Lợi nhuận trước thuế                                 | Đồng        | 28.777.223.939           |
| 5. Lợi nhuận sau thuế                                   | Đồng        | 22.156.572.891           |
| 6. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đ/cp)                      | đ/CP        | 726                      |
| <b>B. Chỉ tiêu đánh giá doanh nghiệp.</b>               |             |                          |
| 1. Vòng quay vốn lưu động (DT thuần / Tài sản ngắn hạn) | vòng        | 4,16                     |
| 2. Khả năng thanh toán.                                 |             |                          |

| <b>NỘI DUNG</b>                                                      | <b>ĐVT</b> | <b>Năm 2016</b> |
|----------------------------------------------------------------------|------------|-----------------|
| 2.1. Khả năng thanh toán hiện hành (Tổng tài sản/Tổng nợ phải trả).  | lần        | 1,23            |
| 2.2. Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn (Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn). | lần        | 0,69            |
| 2.3. Khả năng thanh toán nhanh (Tiền /Nợ ngắn hạn).                  | lần        | 0,01            |
| 3. Hệ số nợ ( Nợ phải trả/ vốn chủ sở hữu).                          | lần        | 4,53            |
| 4. Hệ số nợ ( Nợ phải trả/ vốn điều lệ ).                            | lần        | 5,02            |
| 5. Tỷ suất sinh lời.                                                 |            |                 |
| 5.1. Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / Tổng tài sản(ROA).                 | %          | 1,68            |
| 5.2. Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / DT thuần.                          | %          | 1,39            |
| 5.3. Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/Vốn CSH.                           | %          | 12,12           |
| 5.4. Tỷ suất lợi nhuận sau thuế /Vốn đầu tư của chủ sở hữu(ROE).     | %          | 9,33            |
| 6. Mức độ bảo toàn vốn.                                              | lần        | 1,10            |

**TM.BAN KIỂM SOÁT  
TRƯỞNG BAN**



**Nguyễn Xuân Bách**



Số: 498 /BC- KSV

Quảng Ninh, ngày 31 tháng 4 năm 2017

V/v: Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát  
năm 2016

**BÁO CÁO  
THỰC HIỆN NHIỆM VỤ CỦA KIỂM SOÁT VIÊN**

**Kính gửi: Quý vị cổ đông**

Căn cứ Điều lệ tổ chức hoạt động của Tập đoàn Công nghiệp Than-Khoáng sản Việt Nam ban hành kèm theo Nghị định số 212/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 12 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 1159/QĐ-TKV ngày 31 tháng 5 năm 2016 của Hội đồng thành viên Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam V/v ban hành Quy chế quản lý Người đại diện của Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam;

Người đại diện của TKV được cử tham gia kiểm soát tại Công ty Cổ phần Than Mông Dương-Vinacomin xin báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ năm 2016 như sau:

**I. Hoạt động của Ban kiểm soát, Chủ tịch Công ty, thành viên HĐQT, Giám đốc trong triển khai thực hiện các công việc:**

**1. Hoạt động của Ban Kiểm soát:**

Ban kiểm soát đã tham gia dự các kỳ họp của HĐQT Công ty, tham gia đóng góp ý kiến trong các kỳ họp. Các cuộc họp có nội dung thiết thực, thông qua các Nghị quyết có nội dung thống nhất cao, theo thẩm quyền chủ động quyết định kịp thời chỉ đạo công tác quản lý và điều hành hoạt động sản xuất của Công ty để đạt hiệu quả. Ban Kiểm soát đã xem xét các Nghị quyết họp thường kỳ của HĐQT Công ty, các Nghị quyết đã quyết nghị đúng đắn các vấn đề quan trọng về sản xuất kinh doanh của Công ty. Các ủy viên HĐQT đều đã thực hiện đúng chức năng nhiệm vụ theo quy định, đề cao tinh thần trách nhiệm trước cổ đông và người lao động Công ty.

**2. Đánh giá hoạt động của Chủ tịch Công ty, thành viên HĐQT, Giám đốc trong triển khai thực hiện các công việc:**

Hội đồng quản trị và Ban Lãnh đạo điều hành đã thực hiện đúng, đầy đủ nhiệm vụ và quyền hạn theo điều lệ Công ty quy định, đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty theo sự điều hành của Tập đoàn.

Ban giám đốc điều hành đã chủ động sáng tạo trong công việc, trong hoạt động sản xuất kinh doanh về tổ chức thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch do Hội đồng Quản trị Công ty thông qua và TKV giao. Đảm bảo ổn định tài chính, bảo



toàn vốn, thu nhập của người lao động được đảm bảo, thực hiện tốt nghĩa vụ thu nộp đối với ngân sách Nhà nước, đảm bảo an toàn về vốn và tài sản trong sản xuất kinh doanh của Công ty.

Trong năm 2016, Hội đồng quản trị Công ty đã họp và ban hành các Nghị quyết và các quyết định về quản lý, tổ chức và điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty như sau:

| TT       | Số, ký hiệu VB                 | Ngày tháng | Nội dung                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
|----------|--------------------------------|------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>I</b> | <b>Các Nghị Quyết của HĐQT</b> |            |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
| 1        | 03/NQ-HĐQT                     | 15/01/2016 | Nghị quyết họp HĐQT về Nhiệm vụ & Kế hoạch Lựa chọn nhà thầu lập phương án khoan khảo sát địa chất công trình khu nhà Điều hành Số 2                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |
| 2        | 04/NQ-HĐQT                     | 22/01/2016 | Nghị quyết họp HĐQT về (1) Kết quả sản xuất kinh doanh và đầu tư năm 2015; (2) Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2016, Điều hành Quý I-2016; (3) Sửa đổi và bổ sung một số nội dung của quy chế quản lý Vật tư; (4) Hạn mức kế hoạch vay vốn ngắn và dài hạn năm 2016; (5) Quy định về công bố, báo cáo và quy trình công bố thông tin- Công ty cổ phần than Mông Dương.                                                                                                                                                                                                                           |
| 3        | 08/NQ-HĐQT                     | 21/04/2016 | NQ họp HĐQT Thông qua các nội dung (1) Kết quả SXKD quý I-2016 và Kế hoạch quý II- 2016; (2) Điều chỉnh giá gói thầu số 17 trong KHLCNT của dự án Xây nhà ở Công nhân; (3) Thông qua việc bổ nhiệm lại một số cán bộ hết nhiệm kỳ (Ô.Trung; Ô.Thủy; Ô.Hanh và bổ nhiệm Ông Đình Hải Long giữ chức trưởng trạm y tế công ty; (4)Thông qua P/a tiền lương chuyên trách của Trưởng Ban Kiểm soát; (5) Thông qua phương án tiền lương của Công ty và giao tăng cường việc thực hiện tài cơ cấu theo chỉ thị 51/CTLT/TGĐ-CĐTKV; (6) Thông qua Chương trình và tài liệu họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2016. |
| 4        | 10/2016/NQ-ĐHĐCĐ               | 27/04/2016 | Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |



| TT | Số, ký hiệu VB | Ngày tháng | Nội dung                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |
|----|----------------|------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 5  | 13/NQ-HĐQT     | 27/04/2016 | NQ họp HĐQT (1) Phê duyệt ĐC một số ND của gói thầu số 03: Lập BC đánh giá tác động MT của DA Đầu tư khai thác giai đoạn II, trong KHLCNT của dự án Đầu tư khai thác giai đoạn II mỏ than Mông Dương (điều chỉnh); (2) Phê duyệt Đề cương, DT và KHLCNT gói thầu số 04: Lập phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung của DA Đầu tư khai thác giai đoạn II mỏ than Mông Dương (điều chỉnh) |
| 6  | 15/NQ-HĐQT     | 26/05/2016 | Nghị quyết họp HĐQT Thông qua việc triển khai thực hiện phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu                                                                                                                                                                                                                                                                |
| 7  | 16/NQ-HĐQT     | 28/06/2016 | NQ họp HĐQT về Thông qua phương án cơ cấu tổ chức và bố trí lao động các đơn vị Lộ thiên - Ô tô                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
| 8  | 20/NQ-HĐQT     | 30/06/2016 | NQ họp HĐQT về Thông qua: (1) Dự án đầu tư thiết bị DTSX năm 2016; (2) Bổ sung kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu 21: Mua sắm trang bị giường, tủ, bàn ghế cho lô nhà C2 của dự án XD khu nhà ở công nhân- Công ty CP than Mông Dương.                                                                                                                                                         |
| 9  | 22/NQ-HĐQT     | 22/07/2016 | NQ họp HĐQT về Thông qua không TH gói thầu nạo vét bùn trong DA DTSX 2014, và đưa vào TH trong DA DTSX 2016                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
| 10 | 23/NQ-HĐQT     | 12/09/2016 | Nghị quyết HĐQT v.v Thông qua kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu số 03: Cung cấp máy xúc & xe gát phục vụ sản xuất kinh doanh, thuộc dự án Đầu tư thiết bị duy trì sản xuất năm 2016- Công ty cổ phần than Mông Dương.                                                                                                                                                                          |
| 11 | 26/NQ-HĐQT     | 22/09/2016 | Nghị quyết HĐQT v.v Thông qua kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu số 02: Cung cấp tổ hợp giàn chống thủy lực mềm để chống giữ, khai thác lò chợ xiên chéo, thuộc dự án Đầu tư thiết bị duy trì sản xuất năm 2016- Công ty cổ phần than Mông Dương.                                                                                                                                               |
| 12 | 30/NQ-HĐQT     | 30/09/2016 | Nghị quyết họp HĐQT v.v Thông qua phương án bố trí cán bộ của một số đơn vị trong Công ty                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |



| TT | Số, ký hiệu VB          | Ngày tháng | Nội dung                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
|----|-------------------------|------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 13 | 34/NQ-HĐQT              | 13/10/2016 | Nghị quyết hợp HĐQT: Thông qua kết quả SXKD 9 tháng đầu năm 2016 và Dự kiến điều chỉnh kế hoạch năm 2016; Thông qua kết quả thực hiện công tác đầu tư 9 tháng đầu năm 2016 và Dự kiến điều chỉnh kế hoạch đầu tư năm 2016; Thông qua kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu số 01: Cung cấp tổ hợp giá chống thủy lực phân thể có độ dốc làm việc đến 450- thuộc dự án đầu tư thiết bị DTSX năm 2016. |
| 14 | 37/NQ-HĐQT              | 29/10/2016 | Nghị quyết hợp HĐQT v.v Thông qua sắp xếp thang, bảng lương; chi bổ sung quỹ phúc lợi theo hướng dẫn của TKV và Thông qua PA cơ cấu lần 2 một số phòng, đơn vị SX                                                                                                                                                                                                                                 |
| 15 | 40/NQ-HĐQT              | 25/11/2016 | Nghị quyết hợp HĐQT v.v Thông qua Phương án luân chuyển cán bộ năm 2016 (TP An toàn và TP Tổ chức Lao động)                                                                                                                                                                                                                                                                                       |
| 16 | 43/NQ-HĐQT              | 14/12/2016 | Nghị quyết hợp Hội đồng quản trị v.v Thông qua việc thanh lý Tài sản cố định                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
| 17 | 46/NQ-HĐQT              | 22/12/2016 | Nghị quyết hợp Hội đồng quản trị v.v Điều chỉnh Kế hoạch sản lượng và kế hoạch đầu tư XD CB năm 2016; Phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư khai thác giai đoạn II mỏ than Mông Dương (Điều chỉnh); Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu của dự án đầu tư khai thác giai đoạn II mỏ than Mông Dương (điều chỉnh)                                                                            |
| 18 | 49/NQ-HĐQT              | 29/12/2016 | Nghị quyết hợp HĐQT V.v thông qua quyết toán vốn các dự án hoàn thành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |
| II | Các Quyết định của HĐQT |            |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
| 1  | 58/QĐ-TMD               | 15/01/2016 | Quyết định phê duyệt Nhiệm vụ & KH Lựa chọn nhà thầu lập phương án khoan khảo sát địa chất công trình khu nhà ĐH Số 2                                                                                                                                                                                                                                                                             |
| 2  | 118/QĐ-TMD              | 22/01/2016 | Quyết định sửa đổi, bổ sung một số nội dung của quy chế quản lý vật tư- Công ty CP than Mông Dương                                                                                                                                                                                                                                                                                                |
| 3  | 119/QĐ-TMD              | 22/01/2016 | Quyết định ban hành quy định về công bố thông tin của Công ty cổ phần than Mông Dương-Vinacomin.                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |



| TT | Số, ký hiệu VB | Ngày tháng | Nội dung                                                                                                                                                                                          |
|----|----------------|------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 4  | 722/QĐ-TMD     | 27/04/2016 | Quyết định phê duyệt Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016                                                                                                                    |
| 5  | 724/QĐ-TMD     | 27/04/2016 | Phê duyệt ĐC một số ND của gói thầu số 03: Lập BC đánh giá tác động MT của DA Đầu tư khai thác giai đoạn II, trong KHLCNT của dự án Đầu tư khai thác giai đoạn II mỏ than Mông Dương (điều chỉnh) |
| 6  | 726/QĐ-TMD     | 27/04/2016 | Phê duyệt Đề cương, DT và bổ sung KHLCNT gói thầu số 04: Lập phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung của DA Đầu tư khai thác giai đoạn II mỏ than Mông Dương (điều chỉnh)                  |
| 7  | 745/QĐ-TMD     | 29/04/2016 | Quyết định tiếp nhận cán bộ- Nguyễn Xuân Bách-TBKS                                                                                                                                                |
| 8  | 758/QĐ-TMD     | 05/05/2016 | Quyết định phê duyệt điều chỉnh gói thầu số 17 trong Kế hoạch lựa chọn nhà thầu của dự án Khu nhà ở Công nhân- Công ty CP than Mông Dương                                                         |
| 9  | 836/QĐ-TMD     | 17/05/2016 | QĐ bổ nhiệm lại cán bộ- Hòa Quang Trung- Phó Giám đốc                                                                                                                                             |
| 10 | 1236/QĐ-TMD    | 01/07/2016 | QĐ phê duyệt Bổ sung kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu 21: Mua sắm trang bị giường, tủ, bàn ghế cho lô nhà C2 của dự án XD khu nhà ở công nhân- Công ty CP than Mông Dương.                     |
| 11 | 2836/QĐ-TMD    | 22/12/2016 | Quyết định phê duyệt điều chỉnh kế hoạch SXKD năm 2016                                                                                                                                            |
| 12 | 2837/QĐ-TMD    | 22/12/2016 | Quyết định Phê duyệt điều chỉnh Kế hoạch đầu tư XD CB năm 2016                                                                                                                                    |
| 13 | 2838/QĐ-TMD    | 22/12/2016 | Quyết định Phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư khai thác giai đoạn II mỏ than Mông Dương (Điều chỉnh)                                                                                     |
| 14 | 2839/QĐ-TMD    | 22/12/2016 | Quyết định Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu của dự án đầu tư khai thác giai đoạn II mỏ than Mông Dương (điều chỉnh)                                                                           |

Kết quả phát hành cổ phiếu tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ của Công ty cổ phần Than Mông Dương- Vinacomin.



Thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016, Công ty đã tổ chức thực hiện phát hành tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu theo đúng quy định về phát hành và lưu ký chứng khoán hiện hành.

Đến ngày 31/8/2016, Công ty đã được Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước chấp nhận kết quả phát hành tăng vốn; và trong tháng 9-2016 đã làm xong thủ tục đăng ký chứng khoán, niêm yết chứng khoán cho cổ phiếu phát hành bổ sung, cụ thể:

- Vốn điều lệ ban đầu: 150.839.520.000 đồng.
- Số lượng cổ phiếu lưu hành: 15.083.952 CP
- Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành: 6.335.259 CP
- Tỷ lệ phát hành: 100/42 (Cổ phiếu lẻ được nhập vào quỹ ĐTPT của Công ty)
- Kết quả phát hành;
- + Số cổ phiếu đã phân phối: 6.334.394 CP
- + Số cổ đông được phân phối: 2.078 cổ đông
- Số lượng cổ phiếu sau phát hành: 21.418.346 CP
- Vốn điều lệ sau phát hành: 214.183.460.000 đồng.

## II. Tình hình thực hiện KH sản xuất kinh doanh năm 2016

| TT | CHỈ TIÊU                  | ĐVT            | NĂM 2016         |                  |                     | % TH/KH NQNLĐ | % TH/KH Đ.chính | So sánh cùng kỳ 2015 (%) |
|----|---------------------------|----------------|------------------|------------------|---------------------|---------------|-----------------|--------------------------|
|    |                           |                | Thực hiện        | KH Theo NQNLĐ    | KH Đ.chính (QĐ4866) |               |                 |                          |
| 1  | <b>Than Sản xuất</b>      | Tấn            | <b>1.346.050</b> | <b>1.675.000</b> | <b>1.320.000</b>    | <b>80,36</b>  | <b>101,97</b>   | <b>102,34</b>            |
|    | - Than hầm lò             | "              | 1.195.497        | 1.500.000        | 1.200.000           | 79,70         | 99,62           | 111,36                   |
|    | - Than lộ thiên           | "              | 150.553          | 175.000          | 120.000             | 86,03         | 125,46          | 62,27                    |
| 2  | <b>Mét lò đào tổng số</b> | M              | <b>15.121</b>    | <b>20.100</b>    | <b>15.420</b>       | <b>75,23</b>  | <b>98,06</b>    | <b>105,79</b>            |
|    | - CBSX                    | "              | 14.935           | 19.100           | 15.200              | 78,19         | 98,26           | 104,48                   |
|    | - Chống neo               | "              | 186              | 1000             | 220                 | 18,60         | 84,55           |                          |
| 3  | <b>Lò xén</b>             | M              | <b>3.401</b>     | <b>4.200</b>     | <b>2.690</b>        | <b>80,98</b>  | <b>126,43</b>   | <b>180,90</b>            |
|    | - Mét lò xén CBSX         |                | 3.401            | 4.200            | 2.690               | 80,98         | 126,43          | 180,90                   |
| 4  | <b>Đất đá bốc xúc</b>     | M <sup>3</sup> | <b>1.443.022</b> | <b>4.540.000</b> | <b>3.556.000</b>    | <b>31,78</b>  | <b>40,58</b>    | <b>57,69</b>             |
|    | - Tự làm                  | "              | 901.608          | 1.307.000        | 836.000             | 68,98         | 107,85          | 79,29                    |
|    | - Thuê ngoài              | "              | 541.414          | 1.133.000        | 620.000             | 47,79         | 87,32           | 39,68                    |
|    | - Thuê thầu KT.           | "              | -                | 2.100.000        | 2.100.000           |               |                 |                          |
| 5  | <b>Than tiêu thụ</b>      | Tấn            | <b>1.317.906</b> | <b>1.640.000</b> | <b>1.323.000</b>    | <b>80,36</b>  | <b>99,61</b>    | <b>103,12</b>            |
|    | - Than nguyên khai        | "              | 1.216.471        | 1.400.000        | 1.220.000           | 86,89         | 99,71           | 119,53                   |
|    | - Than sạch               | Tấn            | 101.435          | 240.000          | 103.000             | 42,26         | 98,48           | 38,96                    |
| 6  | <b>Giá trị đầu tư</b>     | Tr.đ           | <b>143.290</b>   | <b>214.707</b>   | <b>175.132</b>      | <b>66,74</b>  | <b>81,82</b>    | <b>109,06</b>            |
|    | - Xây lắp                 | Tr.đ           | 55.146           | 79.500           | 58.191              | 69,37         | 94,77           | 710,19                   |
|    | - Thiết bị                | Tr.đ           | 88.144           | 119.550          | 109.779             | 73,73         | 80,29           | 83,60                    |
|    | - Khác                    | Tr.đ           |                  | 15.657           | 7.162               | 0,00          | 0,00            | 0,00                     |
| 7  | <b>Doanh thu tổng số</b>  | Trđ            | <b>1.590.547</b> | <b>1.840.030</b> | <b>1.532.898</b>    | <b>86,44</b>  | <b>104,32</b>   | <b>101,54</b>            |
|    | - DT than                 | Trđ            | 1.548.335        | 1.840.030        | 1.532.898           | 84,15         | 101,01          | 106,61                   |



| TT | CHỈ TIÊU      | ĐVT      | NĂM 2016   |               |                     | % TH/KH NQNLĐ | % TH/KH Đ.chính | So sánh cùng kỳ 2015 (%) |
|----|---------------|----------|------------|---------------|---------------------|---------------|-----------------|--------------------------|
|    |               |          | Thực hiện  | KH Theo NQNLĐ | KH Đ.chính (QĐ4866) |               |                 |                          |
|    | -DT khác      | Trđ      | 42.212     | -             |                     |               |                 | 8,11                     |
| 8  | Lợi nhuận     | Trđ      | 28.777     | 23.126        | 19.747              | 124,43        | 145,27          | 654,02                   |
| 9  | Tồn kho       | Tấn      | 27.923     |               |                     |               |                 | 132,72                   |
| 10 | Nộp ngân sách | Tr.đ     | 527.443    | 397.363       | 397.363             | 132,74        | 132,74          | 141,17                   |
| 11 | Tiền lương BQ | Đ/ng-thg | 10.593.000 | 10.991.000    | 10.569.000          | 96,38         | 100,23          | 104,51                   |

**\* Đánh giá tình hình thực hiện so với kế hoạch, so với năm trước:**

- Sản lượng than SX trong kỳ đạt 1.346 tấn bằng 80,36% kế hoạch pháp lệnh đạt 101,97% so với kế hoạch điều chỉnh; sản lượng đất bóc đạt 1.443.022 m<sup>3</sup> bằng 31,78% kế hoạch pháp lệnh và 40,58% KHĐC, mét lò đạt 15.121 m tương ứng 75,23% kế hoạch pháp lệnh và 98,06% KHĐC, sản lượng than tiêu thụ trong kỳ đạt 1.317.906 tấn tương ứng 80,36% kế hoạch pháp lệnh và đạt 99,61% KHĐC;

+ Nguyên nhân hoàn thành thấp chỉ tiêu kế hoạch: Sản lượng than khai thác hầm lò 100% ở dưới mức -100 ÷ -250, các điều kiện kỹ thuật mở ngày càng khó khăn hơn; Tình trạng địa chất 1 số khu vực chuẩn bị khai thác và lò chợ đang khai thác biến động quá lớn phải bỏ diện, đóng cửa, đào lò tránh đá khi khấu chợ,... Khu vực lộ thiên: Việc tổ chức sản xuất thường xuyên bị ảnh hưởng bởi các hộ dân cư lân cận đặc biệt trong công tác nổ mìn, các diện khai thác khu Cánh đông tới giai đoạn kết thúc, nhỏ lẻ, manh mún...

### III. Tình hình tài chính năm 2016.

#### 1. Báo cáo tài chính tóm tắt thời điểm năm 2016:

| TT       | CHỈ TIÊU                           | Mã số | Số cuối kỳ             | Số đầu năm             | Tăng, giảm             |              |
|----------|------------------------------------|-------|------------------------|------------------------|------------------------|--------------|
|          |                                    |       |                        |                        | Số tiền                | Tỷ lệ %      |
| A        | B                                  | C     | 1                      | 2                      | 3=1-2                  | 4=3/2        |
| <b>A</b> | <b>Tài sản ngắn hạn</b>            | 100   | <b>382.353.470.846</b> | <b>364.072.347.630</b> | <b>18.281.123.216</b>  | <b>5,02</b>  |
| 1        | Tiền và các khoản tương đương tiền | 110   | 2.812.785.841          | 3.036.395.157          | -223.609.316           | -7,36        |
| 2        | Đầu tư tài chính ngắn hạn          | 120   | 0                      | 0                      | 0                      |              |
| 3        | Các khoản phải thu ngắn hạn        | 130   | 337.716.223.352        | 310.537.121.686        | 27.179.101.666         | 8,75         |
| 4        | Hàng tồn kho                       | 140   | 31.904.545.794         | 35.046.364.432         | -3.141.818.638         | -8,96        |
| 5        | Tài sản ngắn hạn khác              | 150   | 9.919.915.859          | 15.452.466.355         | 5.532.550.496          | -35,8        |
| <b>B</b> | <b>Tài sản dài hạn</b>             | 200   | <b>937.473.723.844</b> | <b>822.756.247.744</b> | <b>114.717.476.100</b> | <b>13,94</b> |
| 1        | Các khoản phải thu dài hạn         | 210   | 18.912.415.729         | 17.408.751.223         | 1.503.664.506          | 8,64         |
| 2        | Tài sản cố định                    | 220   | 537.095.773.382        | 641.143.417.453        | 104.047.644.071        | -16,23       |



| TT       | CHỈ TIÊU                                     | Mã số      | Số cuối kỳ               | Số đầu năm               | Tăng, giảm             |               |
|----------|----------------------------------------------|------------|--------------------------|--------------------------|------------------------|---------------|
|          |                                              |            |                          |                          | Số tiền                | Tỷ lệ %       |
| A        | B                                            | C          | 1                        | 2                        | 3=1-2                  | 4=3/2         |
|          | Tài sản cố định hữu hình                     | 221        | 537.095.773.382          | 641.143.417.453          | 104.047.644.071        | -16,23        |
|          | Tài sản cố định thuê tài chính               | 224        |                          |                          | 0                      |               |
|          | Tài sản cố định vô hình                      | 227        |                          |                          | 0                      |               |
| 3        | Bất động sản đầu tư                          | 230        |                          |                          | 0                      |               |
| 4        | Tài sản dở dang dài hạn                      | 240        | 106.094.003.138          | 61.294.564.000           | 44.799.439.138         | 73,09         |
| 5        | Đầu tư tài chính dài hạn                     | 250        | 9.067.141.030            | 14.565.366.291           | -5.498.225.261         | -37,75        |
| 6        | Tài sản dài hạn khác                         | 260        | 266.304.390.565          | 88.344.148.777           | 177.960.241.788        | 201,4         |
|          | <b>Tổng cộng tài sản (270= 100 + 200)</b>    | <b>270</b> | <b>1.319.827.194.690</b> | <b>1.186.828.595.374</b> | <b>125.218.899.550</b> | <b>-10,55</b> |
| <b>C</b> | <b>Nợ phải trả</b>                           | <b>300</b> | <b>1.075.045.018.546</b> | <b>963.239.720.765</b>   | <b>111.805.297.781</b> | <b>11,61</b>  |
| 1        | Nợ ngắn hạn                                  | 310        | 556.075.771.896          | 663.953.037.222          | 107.877.265.326        | -16,3         |
| 2        | Nợ dài hạn                                   | 330        | 518.969.246.650          | 299.286.683.543          | 219.682.563.107        | 73,40         |
| <b>D</b> | <b>Vốn chủ sở hữu</b>                        | <b>400</b> | <b>244.782.176.144</b>   | <b>223.588.874.609</b>   | <b>21.193.301.535</b>  | <b>9,48</b>   |
| 1        | Vốn chủ sở hữu                               | 410        | 237.398.511.091          | 215.327.462.680          | 22.071.048.411         | 10,25         |
|          | -Vốn góp của chủ sở hữu                      | 411        | 214.183.460.000          | 150.839.520.000          | 63.343.940.000         | 41,99         |
|          | - Quỹ đầu tư phát triển                      | 418        | 1.058.478.200            | 53.138.750.966           | -52.080.272.766        | -98,01        |
|          | - Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp            | 419        |                          |                          | 0                      |               |
|          | - Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu              | 420        |                          |                          | 0                      |               |
|          | - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối          | 421        | 22.156.572.891           | 85.524.480               | 22.071.048.411         | 100,0         |
|          | LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước | 421a       | 85.524.480               | 85.524.480               |                        |               |
|          | - LNST chưa phân phối kỳ này                 | 421b       | 22.071.048.411           |                          | 22.071.048.411         |               |
|          | - Nguồn vốn đầu tư XDCB                      | 422        |                          |                          | 0                      |               |
| 2        | Nguồn kinh phí và quỹ khác                   | 430        | 7.383.665.053            | 8.261.411.929            | -877.746.876           | -10,62        |
| 3        | Nguồn kinh phí                               | 431        |                          |                          | 0                      |               |
| 4        | Nguồn kinh phí đã hình thành thành TSCĐ      | 432        | 7.383.665.053            | 8.261.411.929            | -877.746.876           | -10,62        |
|          | <b>Tổng cộng nguồn vốn (440 = 300 + 400)</b> | <b>440</b> | <b>1.319.827.194.690</b> | <b>1.186.828.595.374</b> | <b>132.998.599.316</b> | <b>11,21</b>  |



## 2. Các chỉ tiêu đánh giá tình hình tài chính thời điểm năm 2016:

| TT  | CHỈ TIÊU                                | Năm trước | Năm nay | Tăng, giảm   |         |
|-----|-----------------------------------------|-----------|---------|--------------|---------|
|     |                                         |           |         | Số tuyệt đối | Tỷ lệ % |
| A   | B                                       | 1         | 2       | 3            | 4       |
| 1   | Hệ số bảo toàn vốn                      | 1,00      | 1,10    | 0,10         | 10,00   |
| 2   | Hệ số thanh toán hiện thời              | 0,55      | 0,69    | 0,13         | 23,63   |
| 3   | Hệ số nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu        | 4,31      | 4,39    | 0,08         | 1,85    |
| 4   | Hệ số phản ánh cơ cấu tài sản           |           |         |              |         |
| 4.1 | Tỷ lệ đầu tư vào tài sản ngắn hạn       | 0,31      | 0,28    | -0,03        | -9,68   |
| 4.2 | Tỷ lệ đầu tư vào tài sản dài hạn        | 0,69      | 0,71    | 0,02         | 2,89    |
| 5   | Hệ số về khả năng sinh lời              |           |         |              |         |
| 5.1 | Tỷ suất sinh lời của tài sản (ROA)      | 0,00      | 0,01    | 0,01         | 100     |
| 5.2 | Tỷ suất sinh lời / vốn chủ sở hữu (ROE) | 0,00      | 0,09    | 0,09         | 100     |

### 3. Tình hình bảo toàn và phát triển vốn:

#### 3.1. Việc đánh giá mức độ bảo toàn và phát triển vốn của doanh nghiệp theo các nội dung sau:

- Hệ số bảo toàn vốn đạt 1,10 lần cao hơn quy định 0,10 lần (quy định 1 lần), Công ty bảo toàn và phát triển vốn.
- Hệ số thanh toán hiện thời là 0,69 lớn hơn so quy định phải  $\geq 0,5$ . Chỉ tiêu trên cho thấy tình hình tài chính cả khả năng thanh toán nợ của Công ty rất tốt. Công ty cần phát huy cho các kỳ sau.
- Hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu là 4,39 lần nhỏ hơn quy định 0,60 lần (quy định 5,59 lần). Công ty cần tiếp tục phát huy để giảm thiểu hệ số này.
- Hiệu quả sử dụng vốn: Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (ROE), Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (ROA) công ty đạt và vượt kế hoạch năm. Công ty cần tăng cường và phát huy tốt hơn trong năm tiếp theo.

#### 3.2. Công ty đã thực hiện đầy đủ các biện pháp để bảo toàn vốn theo quy định, Cụ thể:

- Mua bảo hiểm tài sản theo quy định
- Dự phòng các khoản đầu tư tài chính

#### 3.3. Việc thanh lý, nhượng bán tài sản cố định:

Trong năm 2016 Công ty đã tổ chức 01 lần nhượng bán, thanh lý tài sản cố định. Tổng giá trị sau thanh lý 10.375 triệu đồng. Phương pháp, hình thức tổ chức thanh lý đúng trình tự, quy định của pháp luật.

#### 3.4. Về đầu tư mua sắm tài sản cố định:

\* Đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư XDCB trong kỳ:



Kế hoạch đầu tư năm 2016 Công ty thực hiện đầu tư chuyển tiếp dự án đầu tư khai thác giai đoạn II và dự án xây dựng khu nhà ở công nhân. Đầu tư mới dự án đầu tư thiết bị DTSX năm 2016. Chuẩn bị đầu tư các dự án: Khai thác lộ thiên mỏ Mông Dương; trạm xử lý nước phục vụ sinh hoạt mỏ công suất 1500m<sup>3</sup>/ ngày đêm; nâng cao năng lực thoát nước mỏ phục vụ khai thác hầm lò mỏ Mông Dương; đầu tư duy trì công suất Mỏ Than Mông Dương mức dưới -250 (trong quy hoạch số 403/QĐ-TTg ngày 14/3/2016 của Thủ tướng Chính Phủ phê duyệt điều chỉnh quy hoạch phát triển ngành than được điều chỉnh với tên: đầu tư XDCT khai thác giai đoạn II mỏ than Mông Dương-Công ty Than Mông Dương tầng từ -250/-550 khu Trung Tâm Mông Dương và -150/-550 khu Đông Bắc Mông Dương).

### **3.5. Tình hình thực hiện các dự án như sau:**

Năm 2016 Công ty thực hiện trả nợ khối lượng năm trước 04 dự án (Dự án đầu tư XDCT khai thác giai đoạn II; Dự án đầu tư thiết bị DTSX năm 2014; Dự án đầu tư thiết bị năm 2015; Dự án đầu tư thiết bị khắc phục sự cố năm 2015); Thực hiện chuyển tiếp 02 dự án (Dự án đầu tư XDCT khai thác giai đoạn II, Dự án xây dựng khu nhà ở công nhân); Thực hiện đầu tư mới 01 dự án (Dự án đầu tư thiết bị DTSX năm 2016); Chuẩn bị 01 dự án (Dự án nâng cao năng lực thoát nước phục vụ khai thác hầm lò mỏ Mông Dương). Tình hình thực hiện dự án cụ thể như sau.

#### **1.1. Dự án Đầu tư XDCT khai thác giai đoạn II:**

Mục tiêu đầu tư nhằm duy trì sản lượng khai thác than mỏ than Mông Dương theo Quy hoạch phát triển ngành than Việt Nam đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030, tổng mức đầu tư dự án 1.204.513 triệu đồng, lũy kế thực hiện đến thời điểm 31/12/2015 là 1.081.499 triệu đồng, thời gian hoàn thành dự án đến năm 2018. Khối lượng thực hiện năm 2016 gồm: (i) Khoan khảo sát địa chất công trình nhà điều hành sản xuất công trường số 2, (ii) Thăm tra tính hiệu quả và tính khả thi của dự án điều chỉnh, (iii) Xây dựng nhà che trạm quạt quạt gió chính 2K56-N024 rãnh gió +20, (iv) Xây dựng đường dây trên không 6kV... với tổng giá trị thực hiện năm 2016 là 15.957 triệu đồng.

#### **1.2. Dự án Xây dựng nhà ở công nhân:**

Mục tiêu đầu tư là phục vụ nhu cầu nhà ở tập thể cho công nhân (hộ độc thân và tái định cư cho những gia đình công nhân cán bộ hiện đang sinh sống trong khu này) của Công ty. Tổng mức đầu tư dự án 267.368 triệu đồng được chi làm hai giai đoạn, giai đoạn I xây dựng lô C2 với tổng mức đầu tư 69.804 triệu đồng thời gian thực hiện năm 2013-:-2014, giai đoạn II xây dựng lô C1, C3 thời gian thực hiện năm 2015-:-2016, lũy kế thực hiện giai đoạn I đến thời điểm 31/12/2015 là 38.176 triệu đồng, thời gian hoàn thành giai đoạn I của dự án đến năm 2017. Khối lượng thực hiện năm 2016 gồm: (i) Xây dựng lô nhà C2, (ii) Xây dựng phụ trợ ngoài nhà, (iii) Lắp đặt hệ thống phòng cháy chữa cháy cho lô nhà C2, (iv) Trang bị giường tủ, bàn ghế cho lô nhà C2... với tổng giá trị thực hiện năm 2016 là 38.176 triệu đồng.

#### **1.3. Dự án Đầu tư thiết bị DTSX năm 2016:**



Mục tiêu đầu tư dự án, đầu tư mới thay thế một số thiết bị đã hết khấu hao, thay thế và đổi mới vật liệu chống giữ lò chợ trong khai thác để tăng năng suất lao động, đảm bảo an toàn đáp ứng mục tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh của mỏ năm 2016 và các năm tiếp theo. Tổng mức đầu tư dự án 117.123 triệu đồng, thời gian hoàn thành dự án đến năm 2018. Khối lượng thực hiện năm 2016 gồm: Máy xúc, xe gạt, máy nén khí, vật liệu chống lò...tổng giá trị thực hiện năm 2016 là 107.335 triệu đồng,

1.4. Dự án nâng cao năng lực thoát nước phục vụ khai thác hầm lò mỏ Mông Dương:

Mục tiêu đầu tư dự án rà soát tính toán lại lưu lượng nước chảy vào khai trường mỏ, trên cơ sở đó đánh giá lại năng lực thoát nước mỏ. Hiện tại đã lập xong phương án, giá trị lập phương án 431 triệu đồng.

1.5. Tình hình thực hiện kế hoạch.

Theo kế hoạch của Công ty được TKV thông qua tại văn bản số 5320/TKV-ĐT ngày 04/11/2016 với tổng giá trị 205.451 triệu đồng, trong đó Công ty dự kiến thực hiện đến thời điểm 31/12/2016 được 192.217 triệu đồng, đạt 93,56% kế hoạch.

Trong kế hoạch năm 2016 có Dự án Xây dựng nhà ở công nhân chậm tiến độ do quá trình giải phóng mặt bằng gặp nhiều khó khăn, dự kiến thời gian hoàn thành giai đoạn I đến năm 2017. Đối với giai đoạn II sau khi hoàn thành giai đoạn I Công ty tiến hành đánh giá lại nhu cầu sử dụng mới quyết định đầu tư tiếp hay dừng dự án.

#### **\*Công tác quyết toán vốn đầu tư hoàn thành.**

Trong năm 2016, Công ty đã quyết toán được vốn đầu tư dự án hoàn thành 03 dự án bao gồm:

- Dự án đầu tư duy trì sản xuất năm 2014 tổng giá trị 61.683.211.900 đồng;
- Dự án đầu tư duy trì sản xuất năm 2015 tổng giá trị 48.951.795.267 đồng.
- Dự án mua sắm thiết bị khắc phục sự cố tổng giá trị 46.145.124.261 đồng.

#### **\*Công tác giám sát, đánh giá đầu tư.**

Căn cứ thông tư số 03/2016/TT-BXD ngày 10/3/2016 của Bộ Xây dựng quy định về phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý đầu tư xây dựng và thông tư số 06/2016/TT-BXD ngày 10/3/2016 của Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng. Công ty đã thực hiện công tác giám sát, đánh giá đầu tư trong năm thực hiện đúng quy định của TKV và nhà nước.

Kiểm tra các gói thầu Công ty đang thực hiện đầy đủ theo luật đấu thầu, luật đầu tư, luật xây dựng và các quy định của nhà nước.

### **3.6. Tình hình đầu tư vốn ra ngoài doanh nghiệp :**



Đến 31/12/2016 Công ty đầu tư vốn ra ngoài doanh nghiệp 21,799 tỷ đồng vào Công ty CP nhiệt điện Cẩm phả. Đến nay khoản đầu tư này còn chưa hiệu quả. Để tránh rủi ro công ty đã trích dự phòng tổn thất tài sản như sau.

“Dự phòng tổn thất tài sản” TK 229.

|                               |                |      |
|-------------------------------|----------------|------|
| Số dư Nợ đầu kỳ (01/01/2016)  | 7.233.633.709  | Đồng |
| Phát sinh Nợ trong kỳ:        | 0              | Đồng |
| Phát sinh Có trong kỳ:        | 5.498.225.261  | Đồng |
| Số dư Nợ cuối kỳ (31/12/2016) | 12.731.858.970 | Đồng |

Số tiền trên là khoản dự phòng tổn thất đầu tư vào Công ty CP Nhiệt điện Cẩm phả. Công ty đã mở sổ chi tiết theo dõi và hạch toán theo chế độ qui định.

### **3.7. Tình hình huy động vốn và sử dụng vốn huy động:**

Để có đủ vốn hoạt động công ty đã huy động vốn phục vụ SXKD:

|                               |                 |      |
|-------------------------------|-----------------|------|
| Số dư Có đầu kỳ (01/01/2016)  | 426.589.327.675 | Đồng |
| Phát sinh Nợ trong kỳ:        | 344.907.721.464 | Đồng |
| Phát sinh Có trong kỳ:        | 691.721.188.472 | Đồng |
| Số dư Có cuối kỳ (31/12/2016) | 773.402.794.683 | Đồng |

Số dư vay tại thời điểm 31/12/2016 là 773.402.794.683 đồng, bao gồm:

- + Vay ngắn hạn NH SHB: 50.377.875.772 đồng
- + Vay ngắn hạn NH TMCP Công thương CN Cẩm phả: 37.400.000.000 đồng
- + Vay trung, dài hạn TMCP xăng dầu PGbank-CNQ: 102.344.061.756 đồng
- + Vay trung, dài hạn NH TMCP Sài Gòn Hà nội - CN QN: 406.262.297.155 đồng
- + Vay dài hạn chi nhánh NH TMCP ngoại thương QN: 8.794.560.000 đồng
- + Vay trung, dài hạn NH Quốc tế: 6.344.000.000 đồng.
- + Vay trung, dài hạn NH TMCP ĐT & PT VN-Chi nhánh QN: 71.880.000.000 đồng.

Hợp đồng vay vốn, khế ước vay và hồ sơ, lãi suất vay vốn Công ty thực hiện theo quy định của Ngân hàng nhà nước và của TKV.

Việc huy động vốn và sử dụng vốn của công ty đúng mục đích và có hiệu quả.

Công ty thực hiện việc trả gốc vay trung dài hạn, lãi vay đúng kỳ hạn và theo quy định, không có nợ quá hạn trả.

### **3.8. Tình hình quản lý tài sản, nợ phải thu, nợ phải trả:**

+ Quản lý tài sản.

- Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ (hữu hình, vô hình, thuê tài chính): TSCĐ hữu hình và TSCĐ vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, TSCĐ hữu hình tại công ty được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

- Khấu hao TSCĐ được trích theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ theo nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với quy định tại thông tư



TT45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài Chính về việc hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

- Tỷ lệ KHTSCĐ được trích phù hợp với TT45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013; TT 123/2012/TT-BTC Hà Nội, ngày 27 tháng 7 năm 2012, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 và hướng dẫn thi hành Nghị định số 124/2008/NĐ-CP ngày 11/12/2008, Nghị định số 122/2011/NĐ-CP ngày 27/12/2011 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp.

- Thời gian trích khấu hao được ước tính như sau:

- + Nhà cửa, vật kiến trúc: 5-50 năm
- + Máy móc thiết bị: 3-20 năm
- + Phương tiện vận tải: 6-30 năm
- + Dụng cụ quản lý: 3-10 năm

- Nguyên giá TSCĐ (01/01/2016): 1.578.441.680.146 đồng
  - + Nguyên giá TSCĐ tăng năm 2016: 87.258.305.653 đồng
  - + Nguyên giá TSCĐ giảm năm 2016: 10.375.922.473 đồng
- Nguyên giá TSCĐ (31/12/2016): 1.655.324.063.326 đồng
- Hao mòn TSCĐ (01/01/2016): 937.298.262.693 đồng
  - + Tăng năm 2016 (do trích KHTS): 191.305.949.724 đồng
  - + Giảm năm 2016: 10.375.922.473 đồng
- Giá trị hao mòn lũy kế (31/12/2016): 1.118.228.289.944 đồng
- Giá trị còn lại của TSCĐ (01/1/2016): 641.143.417.453 đồng
- Giá trị còn lại của TSCĐ (31/12/2016): 537.095.773.382 đồng
- + Sửa chữa lớn TSCĐ.

| TT        | Chỉ tiêu                               | ĐVT      | KH năm 2016<br>(số 2894/TKV ngày<br>02/12/2016) | Năm 2016              | Tỷ lệ %     |
|-----------|----------------------------------------|----------|-------------------------------------------------|-----------------------|-------------|
|           | <b>Tổng cộng</b>                       | <b>Đ</b> | <b>36.647.000.000</b>                           | <b>30.243.396.763</b> | <b>82,5</b> |
| <b>I</b>  | <b>Tại nhà máy trong<br/>Vinacomin</b> | “        | <b>14.901.000.000</b>                           | <b>10.694.488.721</b> | <b>71,8</b> |
| 1         | Thiết bị công tác                      | “        | 650.000.000                                     | 626.955.081           | 96,5        |
| 2         | Thiết bị mặt bằng                      | “        | 900.000.000                                     |                       | -           |
| 3         | Thiết bị chống giữ                     | “        |                                                 |                       |             |
| 4         | Thiết bị vận tải mặt bằng              | “        | 8.771.000.000                                   | 8.522.306.862         | 97,2        |
| 5         | Thiết bị động lực                      | “        | 2.100.000.000                                   | 1.545.226.778         | 73,6        |
| 6         | Sửa chữa vật kiến trúc                 | “        | 2.480.000.000                                   |                       | -           |
| <b>II</b> | <b>Thuê ngoài TKV</b>                  | “        | <b>9.946.000.000</b>                            | <b>8.324.180.716</b>  | <b>83,7</b> |



| TT         | Chỉ tiêu                              | ĐVT | KH năm 2016<br>(số 2894/TKV ngày<br>02/12/2016) | Năm 2016              | Tỷ lệ %     |
|------------|---------------------------------------|-----|-------------------------------------------------|-----------------------|-------------|
| 1          | Thiết bị công tác                     | “   | 5.846.000.000                                   | 5.927.722.780         | 101,4       |
| 2          | Thiết bị giám sát                     |     | 1.800.000.000                                   | 1.693.144.300         | 94,1        |
| 3          | Sửa chữa vật kiến trúc                | “   | 2.300.000.000                                   | 703.313.636           | 30,6        |
| <b>III</b> | <b>Tự làm</b>                         | “   | <b>11.800.000.000</b>                           | <b>11.224.727.326</b> | <b>95,1</b> |
| 1          | Thiết bị công tác                     | “   | 1.500.000.000                                   | 2.034.972.735         | 135,7       |
| 2          | Thiết bị chống giữ                    | “   | 1.300.000.000                                   |                       | -           |
| 3          | Thiết bị vận chuyển                   | “   | 1.750.000.000                                   | 1.215.757.778         | 69,5        |
| 4          | Sửa chữa vật kiến trúc (chống xén lò) | “   | 7.250.000.000                                   | 7.973.996.813         | 110,0       |

Nhận xét: Công ty thực hiện việc sửa chữa lớn tài sản cố định năm 2016 thực hiện là 30.243 triệu đồng, bằng 82,5% so với kế hoạch cả năm. Công ty thực hiện sửa chữa lớn so với kế hoạch đạt thấp. Công ty cần tăng cường, trú trọng hơn nữa công tác SCL trong các năm tiếp theo để đạt hiệu quả cao nhất.

+ Việc ban hành Quy chế quản lý nợ tại doanh nghiệp theo quy định tại Nghị định số 206/2013/NĐ-CP ngày 9/12/2013 của Chính phủ về quản lý nợ của doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và tình hình thực hiện quản lý nợ theo Quy chế. Công ty đã ban hành quy chế quản lý nợ số 2437/QĐ-TMD ngày 20/11/2014 và đang áp dụng. Công ty đã mở sổ sách theo dõi quản lý và được đối chiếu công nợ 100%. Đến nay không có khoản nợ nào quá hạn không trả hoặc khó đòi .

+ Tình hình nợ phải thu đến kỳ báo cáo:

Về quản lý Công nợ Phải thu, Phải trả, sản phẩm dở dang và các khoản Vay ngắn hạn, Trung, dài hạn.

**“Phải thu của khách hàng” TK 131.**

|                                |                   |      |
|--------------------------------|-------------------|------|
| Số dư Nợ đầu kỳ (01/01/2016)   | 287.975.759.115   | Đồng |
| Số dư Có đầu kỳ:               | 6.391.000         | Đồng |
| Phát sinh Nợ trong kỳ:         | 1.753.829.547.361 | Đồng |
| Phát sinh Có trong kỳ:         | 1.727.075.570.829 | Đồng |
| Số dư Nợ cuối kỳ (31/12/2016): | 314.723.344.647   | Đồng |
| Số dư Có cuối kỳ:              | 0                 | Đồng |



Nhận xét.

- Số dư nợ TK 131 cuối kỳ là 314.723 triệu đồng, Trong đó: Các khoản phải thu của khách hàng trong TKV là 314.662 triệu đồng chủ yếu công nợ tiền bán than cho Công ty Tuyển Cửa Ông (283.074 triệu đồng), Công ty kho vận và cảng Cẩm phả (31,587 triệu đồng); Khách hàng ngoài ngoài Tập đoàn là 61,55 triệu đồng.

- Công tác đối chiếu xác nhận công nợ: Công ty đã đối chiếu, xác nhận công nợ đầy đủ.

- Khi bán hàng Công ty viết hóa đơn, kê khai thuế đầu ra kịp thời.

**“Phải thu khác” TK 138.**

|                               |                |      |
|-------------------------------|----------------|------|
| Số dư Nợ đầu kỳ (01/01/2016)  | 23.574.767.082 | Đồng |
| Số dư Có đầu kỳ               | 499.792.305    | Đồng |
| Phát sinh Nợ trong kỳ:        | 10.210.323.901 | Đồng |
| Phát sinh Có trong kỳ:        | 15.887.970.289 | Đồng |
| Số dư Nợ cuối kỳ (31/12/2016) | 17.581.164.457 | Đồng |
| Số dư Có cuối kỳ              | 183.836.068    | Đồng |

Số dư nợ TK 138 cuối kỳ là 17.581 triệu đồng, Bao gồm các khoản:

-Tiền đất tái định cư :16.412,65 triệu đồng

- Quỹ tương trợ rủi ro của Công ty: 935,79 triệu đồng

- Tiền thuốc khám chữa bệnh, dụng cụ y tế: 232,71 triệu đồng.

Công ty hạch toán các khoản phải thu theo quy định.

**“Tạm ứng và thanh toán tạm ứng” TK 141.**

|                               |             |      |
|-------------------------------|-------------|------|
| Số dư Nợ đầu kỳ (01/01/2016)  | 0           | Đồng |
| Phát sinh Nợ trong kỳ:        | 179.702.900 | Đồng |
| Phát sinh Có trong kỳ:        | 179.702.900 | Đồng |
| Số dư Nợ cuối kỳ (31/12/2016) | 0           | Đồng |

Công ty đã mở sổ chi tiết theo dõi và hạch toán các khoản tạm ứng theo chế độ qui định. Tại thời điểm 31/12/2016 toàn bộ số tiền tạm ứng của các tập thể, cá nhân đã được thanh toán hết.

**Về quản lý chi phí dở dang TK 154:**

| TT               | Chủng loại                       | Sản lượng | Đơn giá (đồng) | Thành tiền (đồng)     |
|------------------|----------------------------------|-----------|----------------|-----------------------|
| 1                | Than nguyên khai (tấn)           | 23.120    | 602.748        | 13.935.537.971        |
| 2                | SXKD phụ (vật liệu – kho cơ khí) |           |                | 1.668.575.654         |
| 3                | Chi phí mét lò vượt hệ số        |           |                |                       |
| <b>Tổng cộng</b> |                                  |           |                | <b>15.604.113.625</b> |



Giá trị dở dang cuối kỳ 15,604 tỷ đồng, bao gồm giá trị than nguyên khai tồn kho cuối kỳ và SXKD phụ (vật liệu – kho cơ khí).

| Loại sản phẩm     | Sản lượng | Giá tồn   | Thành tiền           |
|-------------------|-----------|-----------|----------------------|
| 1. Cám 6A.1       | 4.623     | 922.094   | 4.262.841.386        |
| 2. Than cục xô 1C | 180       | 1.648.705 | 296.766.875          |
| <b>Tổng cộng</b>  |           |           | <b>4.559.608.261</b> |

Công ty tính toán và hạch toán giá trị than thành phẩm tồn kho cuối kỳ theo quy định của Tập đoàn, giá trị than thành phẩm tồn kho cuối kỳ là 4.559,6 triệu đồng.

#### **Về quản lý Chi phí trả trước TK 242.**

|                                |                 |      |
|--------------------------------|-----------------|------|
| Số dư Nợ đầu kỳ (01/01/2016):  | 92.248.612.340  | Đồng |
| Phát sinh Nợ trong kỳ:         | 235.677.371.601 | Đồng |
| Phát sinh Có trong kỳ:         | 53.013.967.697  | Đồng |
| Số dư Nợ cuối kỳ (31/12/2016): | 274.912.016.244 | Đồng |

#### **Số dư TK 242 bao gồm:**

- **Chi phí trả trước ngắn hạn:** Đến 31/12/2016 còn dư 8.607,6 triệu đồng là các khoản công cụ dụng cụ, vật tư xuất dùng 1 lần giá trị lớn và có thời gian sử dụng dưới 1 năm phân bổ nhiều kỳ (8.058,71 triệu đồng), Tiền mua bảo hiểm tài sản phân bổ năm sau (372,25 triệu đồng), Thiết bị không đủ tiêu chuẩn là TSCĐ theo TT45/2013 (176,67 triệu đồng).

- **Chi phí trả trước dài hạn:** Đến 31/12/2016 còn dư 266.304 triệu đồng gồm: Công cụ dụng cụ, vật tư xuất dùng 1 lần giá trị lớn và có thời gian sử dụng trên 1 năm (3.531,92 triệu đồng). TSCĐ hết khấu hao sửa chữa lớn xuất dùng 1 lần giá trị lớn và có thời gian sử dụng trên 1 năm phân bổ nhiều kỳ (11.930,1 triệu đồng), Chi phí cấp quyền khai thác khoáng sản (235.986,87 triệu đồng), Phí sử dụng tài liệu cấp quyền khai thác khoáng sản (11.658,39 triệu đồng), Các khoản khác (3.197 triệu đồng).

+ Tình hình nợ phải trả đến kỳ báo cáo:

#### **“Phải trả người bán” TK 331.**

|                                |                 |      |
|--------------------------------|-----------------|------|
| Số dư Có đầu kỳ (01/01/2016) : | 121.009.788.024 | Đồng |
| Số dư Nợ đầu kỳ:               | 5.638.923.567   | Đồng |
| Phát sinh Nợ trong kỳ:         | 655.828.112.027 | Đồng |
| Phát sinh Có trong kỳ:         | 690.833.102.235 | Đồng |
| Số dư Có cuối kỳ (31/12/2016): | 160.652.579.946 | Đồng |
| Số dư Nợ cuối kỳ:              | 10.276.725.281  | Đồng |

38 Công ty ký hợp đồng kinh tế và thực hiện quan hệ mua, bán phụ tùng, vật tư, nguyên vật liệu phục vụ sản xuất kinh doanh với một số lượng khách hàng



trong và ngoài Tập đoàn. Số dư còn nợ khách hàng là 160.652 tỷ đồng. Trong đó: Khách hàng trong TKV là 94,280 tỷ đồng, ngoài TKV là 66,372 tỷ đồng. Công ty đã đối chiếu công nợ đầy đủ với các khách hàng.

**“Phải trả người lao động” TK 334.**

|                                |                 |      |
|--------------------------------|-----------------|------|
| Số dư Có đầu kỳ (01/01/2016)   | 92.566.887.831  | Đồng |
| Phát sinh Nợ trong kỳ:         | 510.819.011.556 | Đồng |
| Phát sinh Có trong kỳ:         | 502.852.281.395 | Đồng |
| Số dư Có cuối kỳ (31/12/2016): | 84.600.157.670  | Đồng |

Số dư quỹ tiền lương của đơn vị tại thời điểm 31/12/2016 là 84.600,1 triệu đồng, là khoản tiền lương dư quỹ lương chưa chi tháng 12/2016 và các khoản tiền tết... Tiền lương Công ty trích theo đơn giá.

**“Phải trả, phải nộp khác” TK 338.**

|                               |                 |      |
|-------------------------------|-----------------|------|
| Số dư Có đầu kỳ (31/12/2015)  | 258.586.664.553 | Đồng |
| Số dư Nợ đầu kỳ               | 1.731.447.769   | Đồng |
| Phát sinh Nợ trong kỳ:        | 447.578.322.114 | Đồng |
| Phát sinh Có trong kỳ:        | 198.450.116.397 | Đồng |
| Số dư Có cuối kỳ (31/12/2016) | 8.162.000.074   | Đồng |
| Số dư Nợ cuối kỳ              | 434.989.007     | Đồng |

Số dư Có TK 338 cuối kỳ là 8.162 triệu đồng bao gồm số dư kinh phí công đoàn (110,863 triệu đồng), Cổ tức phải trả cổ đông chưa nhận (698,9 triệu đồng); Tiền mua đất khu tái định cư (700 triệu đồng); Quỹ tương trợ rủi ro (624,45 triệu đồng), các khoản phải trả khác (6.027 triệu đồng); Công ty hạch toán các khoản trên theo đúng quy định.

**4. Tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước:**

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

| Các khoản phải nộp                 | Số dư đầu năm    | Số phải nộp       | Số đã nộp         | Số dư cuối kỳ    |
|------------------------------------|------------------|-------------------|-------------------|------------------|
| <b>I. Thuế</b>                     | <b>36.395,22</b> | <b>250.566,26</b> | <b>256.906,66</b> | <b>30.054,82</b> |
| 1. Thuế GTGT                       | 12.538,45        | 100.909,42        | 108.071,97        | 5.375,89         |
| 2. Thuế TNDN                       | 1.377,92         | 6.706,18          | 3.160,14          | 4.923,96         |
| 3. Thuế thu nhập cá nhân           |                  |                   |                   |                  |
| 4. Thuế tài nguyên                 | 25.857,50        | 137.391,88        | 142.184,56        | 21.064,82        |
| 5. Thuế nhà đất và tiền thuê đất   |                  | 3201,16           | 3201,16           | 0,00             |
| 6. Thuế bảo vệ môi trường          | 2,896            | 24,66             | 25,116            | 2,44             |
| 7. Thuế khác                       |                  | 159,98            | 159,98            | 0,00             |
| <b>II. Các khoản phí và lệ phí</b> | <b>1.169,1</b>   | <b>13.494,1</b>   | <b>13.171,4</b>   | <b>1.491,8</b>   |
| 1. Phí môi trường                  | 1.169,09         | 13.494,13         | 13.171,38         | 1.491,84         |
| <b>Tổng cộng</b>                   | <b>40.945,86</b> | <b>261.887,40</b> | <b>269.974,31</b> | <b>32.858,95</b> |



Thuế và các khoản nộp ngân sách Công ty thực hiện theo quy định, thuế GTGT, thu nhập doanh nghiệp và thuế tài nguyên Công ty nộp vào ngân sách thường kỳ, hàng tháng theo quy định.

#### **5. Tình hình phân phối lợi nhuận, trích lập và sử dụng các quỹ :**

Công ty thực hiện theo công văn số 922/TKV-KTTC+KS ngày 06/3/2017 V/v Hạch toán phân phối lợi nhuận sau thuế. (Tại thời điểm lập báo cáo tài chính Công ty chưa phân phối lợi nhuận sau thuế và trích lập các quỹ).

#### **6. Tình hình chấp hành chế độ, chính sách và các quy định, quy chế của TKV:**

Công ty đã chấp hành nghiêm túc các chế độ, chính sách và các quy định của TKV và các quy định pháp luật của nhà nước. Không để xảy ra các vi phạm nghiêm trọng ảnh hưởng đến SXKS của công ty.

##### **\* Việc thực hiện chế độ kế toán:**

Công ty đang áp dụng chế độ kế toán theo thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và các văn bản quy định khác của nhà nước về quản lý tài chính doanh nghiệp.

Công ty đã ban hành các quy chế, quy định quản lý nội bộ theo quy định của TKV và nhà nước để quản lý và điều hành SXKD. Tổng số các quy chế đã ban hành là 21.

**Nhận xét:** Các quy chế ban hành có nội dung phù hợp của các quy chế, quy định của TKV và nhà nước quy định và tổ chức thực hiện nghiêm túc, đúng trình tự.

#### **7. Một số mặt quản lý trong kỳ, bao gồm:**

##### **7.1. Quản lý vật tư:**

+ Tồn kho đầu kỳ: 12.236,3 triệu đồng

+ Nhập trong kỳ: 272.486,7 triệu đồng

+ Xuất trong kỳ: 273.175,2 triệu đồng

+ Tồn cuối kỳ: 11.547,8 triệu đồng

- Tỷ lệ tồn cuối kỳ: 4,23% thấp hơn so với quy định là 6%.

Công ty đã ban hành Quy chế quản lý công tác vật tư (Quyết định số 1372/QĐ-TMD ngày 06/7/2015 của Hội đồng quản trị Công ty về việc ban hành Quy chế quản lý vật tư và quyết định số 188/QĐ-TMD ngày 22/01/2016 v/v sửa đổi một số nội dung trong quy chế vật tư số 1372... ).

##### **Nhận xét:**

- Quy chế quản lý vật tư của Công ty được lập trên cơ sở hướng dẫn quy định, nội dung Quy chế quản lý công tác vật tư của Tập đoàn (ban hành theo Quyết định số 1010/Q Đ-TKV ngày 10/6/2015 của HĐQT Tập đoàn) và các quy định của Pháp luật.

- Trình tự thủ tục mua vật tư, quản lý kho, cấp phát thu hồi theo đúng quy



chế đã ban hành và các quy định của nhà nước.

-Việc mua vật tư, hàng hóa phục vụ cho sản xuất kinh doanh kịp thời, không để tồn kho cao.

## **7.2. Về lao động và tiền lương:**

+Thực hiện kế hoạch tiền lương Công ty:

Dư đầu kỳ 92.566 trđ , PS tăng trong kỳ 502.852 triệu đồng, PS giảm trong kỳ 510.819 triệu đồng, Dư cuối kỳ 84.600 trđ , số dư cuối kỳ là khoản tiền còn phải chi lương tháng 12/2016 và các khoản tiền tết...

Nhận xét: Việc trích nguồn tiền lương và chi trả lương phù hợp theo quy chế, quy định.

+Quản lý lao động:

Số lao động đầu kỳ 3.909 người, tăng 204 người, giảm 391 người, cuối kỳ 3.722 người. Việc tuyển dụng lao động đúng theo quy định (Tiếp nhận học sinh khai thác ra trường 180 người, tiếp nhận lại 24 người)

### **\* Công tác sắp xếp, cơ cấu lại các đơn vị phòng ban để đáp ứng yêu cầu SXKD trong năm 2016:**

Thực hiện Chỉ thị liên tịch số 51/CT-LT TGD-CĐTKV ngày 22/3/2016 giữa Tổng Giám đốc và Công đoàn Than – Khoáng sản Việt Nam về việc tăng cường quản lý công tác sử dụng, tuyển dụng và tái cơ cấu lực lượng lao động. Để tinh gọn bộ máy quản lý trên nguyên tắc giảm lao động quản lý, phục vụ, phụ trợ, đủ việc làm và đảm bảo thu nhập cho người lao động Công ty đã triển khai thực hiện các công việc:

- *Chỉ đạo, điều hành:*

(i) Ban hành Phương án số 324/TB-TMD ngày 02/3/2016 về việc cơ cấu lại tổ chức và định biên lao động năm 2016 trong đó quy định rõ nhiệm vụ của các đơn vị và lộ trình triển khai thực hiện đảm bảo trong năm 2016 giảm lao động quản lý, phục vụ, phụ trợ theo đúng mô hình mẫu của TKV .

(ii) Ban hành chỉ thị liên tịch số 661/CTLT-GĐ-CĐ, ngày 19/4/2016 giữa Giám đốc và BCH Công đoàn Công ty về việc tăng cường quản lý công tác bố trí, tuyển dụng và sử dụng lao động.

(iii) Thành lập Ban chỉ đạo công tác bố trí tuyển dụng và sử dụng lao động của Công ty tại Quyết định số 702/QĐ-TMD ngày 20/4/2016 để thực hiện các nội dung theo Chỉ thị liên tịch số 51/CT-LT TGD-CĐTKV ngày 22/3/2016 của TKV.

(iv) Ban hành Thông báo số 748/TB-TMD ngày 29/4/2016 về việc nghỉ hưu trước tuổi để CBCNV làm các công việc trong dây truyền phục vụ phụ trợ và phòng ban đăng ký nghỉ theo phương án sắp xếp cơ cấu lại lao động của Công ty và được hưởng hỗ trợ theo quỹ đổi mới cơ cấu lại lao động của TKV. Số lao động này Công ty không tuyển mới bổ xung.

*\*Kết quả thực hiện năm 2016:*



Công tác tái cơ cấu và sắp xếp lại lực lượng lao động của Công ty năm 2016 được triển khai chi thành 2 giai đoạn:

- Giai đoạn 1: Thực hiện từ tháng 01/2016 đến tháng 7/2016:

+ Cơ cấu lại tổ chức các phòng CNKT, AT, DHSX, ĐT-MT và định biên lao động theo mô hình mẫu của TKV.

+ Cơ cấu lại tổ chức sản xuất của các đơn vị Khai thác, Đào lò và các phân xưởng Vận tải lò bố trí cán bộ quản lý theo đúng mô hình của Tập đoàn, phù hợp với thực tế SX của Công ty và giảm Lò trưởng, Đốc công từ 7 xuống còn 4 người/ đơn vị.

+ Cơ cấu lại tổ chức của các phòng BVQS, KCS, KT từ mô hình Đội phó đi theo ca sang Phó phòng quản lý theo mô hình Tập đoàn.

+ Sáp nhập phân xưởng Ô tô 2 vào phân xưởng Ô tô 1 và đổi tên thành phân xưởng Ô tô.

- Giai đoạn 2: Thực hiện từ tháng 08/2016 đến tháng 12/2016:

+ Điều chuyển nhiệm vụ kiểm tra, giám sát công tác ATVSLĐ tại hiện trường SX các đơn vị từ phòng AT về phòng DHSX để tăng hiệu quả quản lý điều hành.

+ Điều chuyển nhiệm vụ quản lý vận hành các Trạm nén khí, Trạm quạt, Trạm điện khu vực BMD từ PX NL và TG về PX VTBMĐ để kết hợp vận hành giữa các trạm qua đó đã giảm số lao động từ 02 người/trạm/ca xuống 01 người/trạm/ca;

+ Rà soát, cân đối ban hành định biên lao động các PX phục vụ, phụ trợ tại Quyết định số 2673/QĐ-TMD, ngày 30/11/2016

*\* Tinh giản lao động:*

Thực hiện Quyết định số 816/QĐ-HĐTV, ngày 25/4/2016 của HĐTV Tập đoàn Công nghiệp Than-Khoáng sản Việt Nam về việc ban hành Quy chế sử dụng và quản lý Quỹ đổi mới cơ cấu lao động và Công văn số 1870/TKV-TCNS ngày 26/4/2016 của Tập đoàn hướng dẫn triển khai quỹ đổi mới cơ cấu lao động năm 2016. Công ty đã triển khai thông báo rộng rãi đến CBCN trong Công ty, phối hợp với Công đoàn và các tổ chức chính trị gặp mặt những CBCN thuộc diện dôi dư để tuyên truyền, vận động. Trong đợt 1 (6 tháng đầu năm) đã có 53 lao động nghỉ hưu trước tuổi theo phương án cơ cấu lại lao động công ty.

*\* Kết quả sắp xếp, tinh giản lao động đến 31/12/2016:*

| TT | Chỉ tiêu                 | LĐ KH | LĐ có đến<br>31/12/2015 | LĐ có đến<br>31/12/2016 | LĐ phải giảm<br>đến 1/12/2016 |
|----|--------------------------|-------|-------------------------|-------------------------|-------------------------------|
| 1  | Khu vực sản xuất chính   | 2.762 | 2426                    | 2.634                   | 128                           |
| 2  | Khu vực phục vụ, phụ trợ | 876   | 928                     | 902                     | -26                           |



| TT | Chỉ tiêu                 | LĐ KH        | LĐ có đến<br>31/12/2015 | LĐ có đến<br>31/12/2016 | LĐ phải giảm<br>đến 1/12/2016 |
|----|--------------------------|--------------|-------------------------|-------------------------|-------------------------------|
| 3  | Khu vực gián tiếp        | 446          | 488                     | 450                     | -4                            |
| -  | <i>Viên chức quản lý</i> | 8            | 7                       | 8                       | 0                             |
| -  | <i>Lao động quản lý</i>  | 438          | 481                     | 442                     | -4                            |
|    | <b>Tổng cộng</b>         | <b>4.084</b> | <b>3.842</b>            | <b>3.986</b>            |                               |

**\* Công tác cán bộ:**

Thực hiện theo Quy chế quản lý cán bộ của Tập đoàn ban hành kèm theo QĐ số 1936/QĐ-TKV, ngày 03/9/2014 và Quy chế quản lý cán bộ của Công ty số 1091/QĐ-TMD, ngày 04/6/2014 và các quy định của Pháp luật.

*- Điều động, bổ nhiệm:*

| TT | Chức danh                   | Bổ<br>nhiệm | Bổ<br>nhiệm<br>lại | Điều động,<br>lưu<br>chuyển | Ghi<br>chú |
|----|-----------------------------|-------------|--------------------|-----------------------------|------------|
|    | Tổng                        | 18          | 06                 | 20                          |            |
| 1  | Giám đốc                    | -           | -                  | -                           | -          |
| 2  | Phó Giám đốc                |             | 01                 |                             |            |
| 3  | Trưởng phòng                | 02          | 02                 | 04                          |            |
| 4  | Quản đốc và tương đương     | -           | -                  | 04                          |            |
| 5  | Phó phòng                   | 06          | 01                 | 05                          |            |
| 6  | Phó quản đốc và tương đương | 09          | 02                 | 07                          |            |

*- Khen thưởng, kỷ luật:*

| TT | Chức danh      | Kỷ luật                |                                            |                      |                    | Khen<br>thưởng |
|----|----------------|------------------------|--------------------------------------------|----------------------|--------------------|----------------|
|    |                | <i>Khiển<br/>trách</i> | <i>Kéo dài thời<br/>hạn nâng<br/>lương</i> | <i>Cách<br/>chức</i> | <i>Sa<br/>thải</i> |                |
|    | Tổng           | 13                     | 0                                          | 01                   | 0                  |                |
| 1  | Giám đốc       | -                      | -                                          | -                    | -                  | -              |
| 2  | Phó Giám đốc   | -                      | -                                          | -                    | -                  | -              |
| 3  | Kế toán trưởng | -                      | -                                          | -                    | -                  | -              |
| 4  | Trưởng phòng   | -                      | -                                          |                      | -                  | -              |



| TT | Chức danh                   | Kỷ luật            |                                    |                  |                | Khen thưởng |
|----|-----------------------------|--------------------|------------------------------------|------------------|----------------|-------------|
|    |                             | <i>Khiển trách</i> | <i>Kéo dài thời hạn nâng lương</i> | <i>Cách chức</i> | <i>Sa thải</i> |             |
| 5  | Quản đốc và tương đương     | 04                 | -                                  | -                | -              | -           |
| 6  | Phó phòng                   | -                  | -                                  | -                | -              | -           |
| 7  | Phó quản đốc và tương đương | 09                 | -                                  | 01               | -              | -           |

### **\* Chuyển đổi hệ thống thang bảng lương**

Căn cứ Quyết định số 818/QĐ-TKV ngày 25/4/2016 “V/v ban hành hệ thống thang lương, bảng lương và chế độ phụ cấp lương” của Tập đoàn.

Thực hiện theo Công văn số 2023/TKV - TCNS, ngày 05/5/2016 về việc Hướng dẫn áp dụng Hệ thống Thang lương, bảng lương và các chế độ phụ cấp lương của TKV. Công ty đã triển khai thực hiện các việc:

+ Ban hành các văn bản triển khai thực hiện:

- Thành lập Hội đồng chuyển xếp thang lương bảng lương số 107/QĐ-TMD, ngày 21/01/2016 gồm 09 thành viên, do Giám đốc làm chủ tịch, Phó Giám đốc phụ trách chế độ chính sách NLĐ và Chủ tịch Công đoàn Công ty làm Phó chủ tịch, Trưởng các phòng chuyên môn nghiệp vụ và Quản đốc các CT PX tham gia thành viên.

- QĐ số 749/QĐ-TMD, ngày 04/5/2016, Thành lập tổ công tác chuyển xếp thang bảng lương cho CBCN.

- Ngày 11/5/2016, Công ty đã có thông báo họp Tổ công tác, các cán bộ nhân viên trực tiếp làm công tác chuyển xếp thang bảng lương để hướng dẫn việc chuyển xếp thang lương, bảng lương và phụ cấp lương cho CBCN trong Công ty theo quyết định số 818/QĐ-TKV, ngày 25/4/2016 của Tập đoàn.

- Ngày 13/5/2016, Công ty đã tổ chức họp cán bộ chủ chốt của Công ty, Thủ trưởng và nhân viên kinh tế của các đơn vị cùng với Hội đồng chuyển xếp lương để hướng dẫn chi tiết tỷ mỷ cho các cán bộ, nhân viên trong Công ty biết để thực hiện, (Thông báo kết luận của Giám đốc, số 827/TB-TMD, ngày 16/5/2016).

+ *Kết quả thực hiện:* Đến thời điểm 31/12/2016 Công ty đã hoàn thành việc chuyển xếp lương cho toàn bộ CBCNV và hoạt động ổn định đúng theo hướng dẫn quy định.

### **7.3.Các công việc khác:**

\* Công tác thuê ngoài:

| TT | Nội dung           | ĐVT | Năm 2016 |       |         |
|----|--------------------|-----|----------|-------|---------|
|    |                    |     | SL       | Đ.Giá | Giá trị |
|    | TỔNG SỐ THUÊ NGOÀI |     |          |       |         |



|   |                                          |                |          |        |                       |
|---|------------------------------------------|----------------|----------|--------|-----------------------|
| 1 | Phá vỡ đất đá bằng máy xúc thủy lực      | m <sup>3</sup> | 223.219  | 12.058 | 2.691.529.554         |
|   | <i>Trong đó - Phá vỡ vỉa I-13 CĐ</i>     | m <sup>3</sup> | 119.304  |        | 1.408.310.285         |
|   | <i>- Phá vỡ vỉa II-11 CĐ</i>             | m <sup>3</sup> | 103.915  |        | 1.283.219.269         |
| 2 | Bóc xúc đất đá                           | m <sup>3</sup> | 578.967  |        | 3.448.626.515         |
|   | Trong đó: - Bóc xúc đất đá trong vỉa     | m <sup>3</sup> | 541.415  |        |                       |
|   | - Xúc tải cắt đường (Không VC)           | m <sup>3</sup> | 3.150    |        |                       |
|   | - Đất đá xúc, vận chuyển (Đất Công nghệ) | m <sup>3</sup> | 34.402   |        |                       |
| 3 | Vận chuyển đất đá                        | Tkm            | 857.989  | 6.257  | 5.368.302.451         |
|   |                                          | m <sup>3</sup> | 575.770  | -      | -                     |
|   | Xúc than vỉa kẹp                         | Tấn            | 1.716    | 6.789  | 11.647.208            |
| 4 | Khoan lỗ mìn đường kính D = 102mm        | Mét            | 1.612,10 |        | 137.028.500           |
|   |                                          | m <sup>3</sup> | 24.181,5 |        | 137.028.500           |
|   | <b>Tổng giá trị (chưa có thuế VAT)</b>   |                |          |        | <b>11.657.134.228</b> |

### Ghi chú:

Đơn vị thực hiện khoan lỗ mìn là Công ty TNHH QC, được Công ty lựa chọn theo phương thức chào hàng cạnh tranh - hợp đồng số 148 /HĐ-KHMD ngày 30/5/2016 .

Đơn vị thực hiện bóc xúc, vận chuyển đất đá là Công ty cổ phần Thiên Nam, được Công ty thực hiện theo hướng dẫn của Tập đoàn (tại văn bản số 6792 /TKV-KH ngày 23/12/2014 ) - Hợp đồng số 112 /HĐ-KHMD ngày 15/3/2016.

Việc ký hợp đồng thuê ngoài khoan lỗ mìn, bóc xúc đất đá lộ thiên công ty đã tổ chức đấu thầu theo quy định.

Công tác khoan lỗ mìn, bóc xúc, vận chuyển đất đá được Công ty triển khai thực hiện theo nội dung chỉ tiêu kế hoạch được Tập đoàn ban hành. Tỷ lệ khối lượng công việc thực hiện so với kế hoạch đạt thấp.

### **8. Báo cáo việc trích nộp các quỹ tập trung TKV:**

\* Tổng hợp thu, nộp các quỹ tập trung TKV năm 2016:

| T<br>T | Tên quỹ | Dư<br>đầu<br>năm | Số phải nộp | Số đã nộp TKV | Dư cuối<br>năm |
|--------|---------|------------------|-------------|---------------|----------------|
|--------|---------|------------------|-------------|---------------|----------------|



|   |                                       |   |                |                |   |
|---|---------------------------------------|---|----------------|----------------|---|
| 1 | Quỹ Thăm dò                           | - | 33.700.886.595 | 33.700.886.595 |   |
| 2 | Quỹ Môi trường                        | - | 23.225.019.749 | 23.225.019.749 | - |
| 3 | Quỹ cấp cứu mỏ                        | - | 1.548.334.650  | 1.548.334.650  | - |
| 4 | Quỹ đào tạo, chăm sóc sức khỏe & PHCN | - | 3.096.669.299  | 3.096.669.299  | - |
| 5 | Quỹ đổi mới cơ cấu LĐ                 | - | 4.830.937.717  | 4.830.937.717  | - |
|   |                                       |   |                |                |   |
|   | Cộng                                  | - | 66.401.848.010 | 66.401.848.010 | - |

**\* Báo cáo việc sử dụng các quỹ tập trung được TKV cấp:** Quỹ thăm dò: Công ty có 2 đề án:

\* Đề án TDBS khu Trung tâm mỏ than Mông Dương, Cẩm phả, Quảng Ninh:

\* Đề án khoan thăm dò mỏ than Đông Bắc Mông Dương, Thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh:

\* Kết quả thực hiện

Trong năm 2016: Công ty đã triển khai lập các phương án kỹ thuật, thi công theo kế hoạch thăm dò, khảo sát năm 2016 có sử dụng các nguồn vốn thăm dò, khảo sát đã được TKV phê duyệt tại quyết định số 442/QĐ-TKV ngày 22/3/2015 của Hội đồng thành viên TKV về việc phê duyệt kế hoạch thăm dò, khảo sát năm 2016 Tập đoàn CN Than-KS Việt Nam; Trong đó:

+ TDKT năm 2016: Khối lượng kế hoạch là 5.847m (có 317m năm 2015 chuyển sang), tương ứng với 24.980 triệu đồng.

- Khối lượng đã thi công: 5.713 m, tương ứng giá trị là 24.906 triệu đồng.

+ TDBS mỏ Mông Dương được phê duyệt tại quyết định số 1348/QĐ-TKV ngày 08/7/2015 V/v Phê duyệt Đề án TDBS khu trung tâm mỏ than Mông Dương, Cẩm Phả, Quảng Ninh. Khối lượng: 15.400m; Dự toán: 72.529.381.608 đồng. Trong đó, năm 2016 là: 7.585m tương ứng giá trị 36.790 triệu đồng

- Đã thi công: 323 m tương ứng giá trị là 4.528 triệu đồng.

- Khối lượng 7.262 m (đấu thầu). Giá trị dự toán được phê duyệt: 33.741.378.247 đồng (đã bao gồm VAT). Kết quả thực hiện:

Khối lượng mét khoan thực hiện: 6.596,9 mét.

Giá trị thực hiện: 27.291.450.323 đồng (đã bao gồm VAT).

+ TDBS mỏ Đông Bắc Mông Dương được Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp Giấy phép thăm dò tại quyết định số 2053/QĐ-BTNMT ngày 13/8/2015 cho TKV với Khối lượng: 32.792m/110LK; Trong đó: Khối lượng chưa thi công là: 15.010m/56LK. Theo đó, TKV phê duyệt quyết định số: 2645/QĐ-TKV ngày 22/12/2015 về việc: Phê duyệt Tổng dự toán Đề án thăm dò mỏ than Đông Bắc Mông Dương, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh cho Công ty CP than Mông



Dương-Vinacomin làm chủ đầu tư với khối lượng 32.772,9 m khoan; tương ứng với giá trị: 114.778.089.623 đồng (Khối lượng chưa thi công là: 15.010m/56LK).

- Theo kế hoạch được TKV phê duyệt năm 2016 là: 5.580m tương ứng giá trị 25.239 triệu đồng. Khối lượng mét khoan thực hiện: 1.504,60m; Tương ứng Giá trị thực hiện: 4.557.488.725 đồng (Đã bao gồm VAT).

+ Khảo sát địa chất năm 2016: Lập bản đồ cơ lý đá khu vực lộ thiên năm 2016 với diện tích 25 ha; tương ứng giá trị 500 triệu đồng. Đã phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công, đang chờ diện khai thác khu Cánh Tây để triển khai thi công- Dự kiến sẽ chuyển sang năm 2017 do thủ tục chuẩn bị khai thác theo quy định chưa xong.

+ Khảo sát trắc địa năm 2016:

- Đo vẽ bản đồ địa hình tỷ lệ 1/1000 khu Trung tâm Mông Dương với diện tích 195 ha; tương ứng với giá trị dự toán là 800 triệu đồng. Đã đo vẽ thực địa xong; giá trị tương ứng là 762.034.074 đồng ( đã bao gồm VAT).

- Quan trắc dịch động địa hình khu vực lò chợ vỉa H(10), G(9) Cánh Đông với khối lượng 03 tuyến; tương ứng với giá trị dự kiến: 400 triệu đồng. Đã thực hiện 03 chu kỳ đo đạc tại hiện trường; lập báo cáo tổng kết; giá trị tương ứng là 438.141.513 đồng.

#### **Nhận xét:**

Trình tự, thủ tục hồ sơ đấu thầu công ty thực hiện theo quy định của luật đấu thầu và hướng dẫn của TKV. Hồ sơ chứng từ đầy đủ. Riêng công tác xin gia hạn Giấy phép khai thác số 2683/GP-BTNMT ngày 0/12/2013 đang được các cơ quan quản lý Nhà nước thẩm định hồ sơ. Ngày 11/01/2017 đã họp Hội đồng thẩm định tính tiền cấp quyền khai thác làm cơ sở lập dự thảo Giấy phép khai thác.

#### **9. Việc thực hiện kết quả thanh tra, kiểm tra**

Trong năm 2016 Công ty không bị thanh tra, kiểm tra theo các chuyên đề.

#### **10. Đánh giá hiệu quả hoạt động và xếp loại doanh nghiệp:**

Căn cứ theo Thông tư 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính về việc: Hướng dẫn một số nội dung về giám sát đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp, giám sát tài chính, đánh giá hoạt động và công khai thông tin tài chính của doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước.

##### **10.1: Đánh giá hiệu quả và xếp loại doanh nghiệp năm 2016:**

- Theo tổng doanh thu: Doanh thu thực hiện hoàn thành vượt mức kế hoạch giao.



- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu: Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu hoàn thành vượt mức kế hoạch giao.

- Nợ phải trả quá hạn và khả năng thanh toán nợ đến hạn: Công ty không có nợ phải trả quá hạn và có hệ số khả năng thanh toán nợ đến hạn trên mức quy định.

- Tình hình chấp hành các quy định pháp luật hiện hành: Công ty không có vi phạm cơ chế chính sách trong lĩnh vực quy định.

- Tình hình thực hiện sản lượng: Hoàn thành kế hoạch giao.

Căn cứ vào việc đánh giá hiệu quả hoạt động của Công ty: Doanh nghiệp xếp loại A.

#### **10.2: Xếp loại Người quản lý doanh nghiệp như sau:**

- Thực hiện tốt các tiêu chí đánh giá kết quả hoạt động của Người quản lý doanh nghiệp theo hướng dẫn của Bộ Nội vụ về chỉ tiêu tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu hoàn thành vượt mức.

- Đạt chỉ tiêu Hoàn thành kế hoạch về sản lượng với chất lượng sản phẩm bảo đảm tiêu chuẩn quy định.

- Xếp loại Người quản lý doanh nghiệp : Loại A.

#### **IV. Kiến nghị và kết luận:**

##### **Kiến nghị:**

1. Thực hiện các chỉ tiêu hiện vật không đạt theo kế hoạch pháp lệnh. Công ty cần xem xét tổ chức sản xuất để điều hành hoàn thành kế hoạch phối hợp SXKD với TKV năm 2017 và các năm tiếp theo.

2. Công ty tổ chức rà soát để bổ sung, sửa đổi các quy chế, quy định cho phù hợp với yêu cầu quản lý.

**Kết luận:** Báo cáo tài chính năm 2016 của Công ty đã phản ánh đúng kết quả SXKD của Công ty; Theo đánh giá của Ban kiểm soát Công ty tình hình tài chính của Công ty là: An toàn, ổn định.

Đánh giá hiệu quả hoạt động và xếp loại doanh nghiệp: Xếp loại A.

#### **V. Kế hoạch hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2017:**

1. Kiểm soát thực hiện kế hoạch SXKD của Công ty theo các chuyên đề:

1.1. Kiểm soát việc thực hiện kế hoạch SXKD và thực hiện đầu tư XD CB của Công ty theo kế hoạch.

1.2. Kiểm soát Công tác Quản lý, sử dụng, tuyển dụng lao động; Công tác quyết toán tiền lương, ăn chia phân phối tiền lương, tiền thưởng năm 2017 của Công ty.

47



1.3. Kiểm soát Công tác tài chính, quản lý vốn vay, trả gốc, lãi vay của Công ty năm 2017.

2. Thẩm định báo cáo tài chính năm 2016 của Công ty để báo cáo trước ĐHĐ cổ đông Công ty năm 2017 (DK tháng 4/2017).

Ban kiểm soát Công ty báo cáo và xin ý kiến chỉ đạo của HĐQT Tập đoàn.

**Nơi nhận:**

- Như kính gửi.
- HĐQT Công ty; Giám đốc;
- Các phòng: KT, TCLĐ, KH, TK, ĐTMT, ĐCTĐ, CĐVT;
- Lưu BKS, VP.

**TM.BAN KIỂM SOÁT**  
**TRƯỞNG BAN**



**Nguyễn Xuân Bách**



Quảng Ninh, ngày 24 tháng 3 năm 2017

## BÁO CÁO

Về việc lựa chọn Công ty Kiểm toán Báo cáo Tài chính năm 2017

Kính gửi: Quý vị cổ đông

Căn cứ quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm soát công ty được quy định tại điều 165 Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 đã được Quốc hội nước Cộng hòa XHCN Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26/11/2014;

Căn cứ quyền hạn, nhiệm vụ của Ban kiểm soát, được quy định tại điều 33 của Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần than Mông Dương - Vinacomin đã được sửa đổi, bổ sung và nhất trí thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty ngày 27/4/2016;

Căn cứ công văn số 93/TKV-KSNB-KT ngày 09/01/2017 của Tổng giám đốc TKV về việc triển khai Kiểm toán năm 2017 tại Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam;

Căn cứ năng lực của Công ty TNHH PKF Việt Nam;

Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Than Mông Dương - Viancomin xin được báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 thông qua và ủy quyền cho giám đốc Công ty Cổ phần Than Mông Dương chỉ định Công ty Kiểm toán báo cáo tài chính năm 2017.

**Tên công ty :** Công ty TNHH PKF Việt Nam.

**Trụ sở chính:** Số 1, Nguyễn Huy Tưởng, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, TP Hà Nội.

ĐT: +84 4 664 4488; FAX: +84 4 664 2233.

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 25/9/2015. Mã số doanh nghiệp: 0313440640.

**Thực hiện nhiệm vụ :**

1. Kiểm toán Báo cáo Tài chính 6 tháng và cả năm 2017 của Công ty.
2. Kiểm toán theo nội dung yêu cầu khác của Công ty.

Kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty Cổ phần Than Mông Dương - Vinacomin thông qua./.

**TM. BAN KIỂM SOÁT  
TRƯỞNG BAN**



Nguyễn Xuân Bách



Số: 653 /BC-TMD

Quảng Ninh, ngày 21 tháng 4 năm 2017

### **BÁO CÁO**

**Về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị  
và từng thành viên Hội đồng quản trị năm 2016  
Công ty cổ phần than Mông Dương- Vinacomin**

**Kính thưa: Các Quý vị Cổ đông**

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần than Mông Dương- Vinacomin báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 về Công tác quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị năm 2016 như sau:

#### **I. ĐÁNH GIÁ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Than Mông Dương- Vinacomin là doanh nghiệp cổ phần, Nhà nước nắm cổ phần chi phối. Do đó, các mặt quản lý phải tuân thủ theo quy định của pháp luật và Tập đoàn Công nghiệp Than- Khoáng sản Việt Nam. Đồng thời, có tính đến tình hình đặc điểm, điều kiện sản xuất kinh doanh của Công ty đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên giao.

Năm 2016, Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và các cán bộ quản lý đã bám sát kế hoạch sản xuất kinh doanh năm, để xây dựng kế hoạch thực hiện tháng, quý, năm cho phù hợp với tình hình thực tế. Đồng thời, chỉ đạo, kiểm tra, kiểm soát việc thực hiện kế hoạch và các chỉ tiêu định mức kinh tế kỹ thuật. Xây dựng kế hoạch về quản trị chi phí, nhân sự, tài chính và quản trị rủi ro; tăng cường quản lý trên các mặt, tiết kiệm chi phí; phát huy Dân chủ cơ sở; thực hiện tốt hoạt động phối hợp lãnh đạo giữa Hội đồng quản trị, Đảng ủy, Giám đốc.

Bên cạnh đó, tăng cường giáo dục nâng cao ý thức, tinh thần trách nhiệm trước công việc cho cán bộ, rèn luyện tác phong công nghiệp, tư duy tham mưu nhanh, sáng tạo, đơn giản và hiệu quả. Nâng cao mối quan hệ phối hợp giữa các phòng, ban, đơn vị để không gây trở ngại cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Đồng thời, sắp xếp lại Bộ máy tổ chức; xây dựng kế hoạch chương trình đào tạo đội ngũ cán bộ tinh thông chuyên môn nghiệp vụ, đào tạo đội ngũ công nhân lành nghề, cải thiện điều kiện làm việc cho người lao động; tăng cường kiểm tra thực hiện kỹ thuật An toàn, vệ sinh lao động....

Đánh giá chung: Năm 2016, Là năm khó khăn đối với ngành than do ảnh hưởng thị trường than trên thế giới giảm sâu, than nhập khẩu giá rẻ



chiếm thị phần của than trong nước, Chính sách của Nhà nước có những thay đổi theo hướng bất lợi cho ngành than, nhất là việc tăng thuế, phí làm tăng giá thành, giảm sức cạnh tranh của sản phẩm than trên thị trường. Tuy nhiên Công ty đã có các giải pháp tổ chức sản xuất hợp lý, quyết liệt nâng cao chất lượng than vì vậy lợi nhuận và các chỉ tiêu tài chính sản xuất của công ty đạt được kết quả đáng ghi nhận: Lợi nhuận đạt 28.777 triệu đồng/kế hoạch điều chỉnh 19.747 triệu đồng đạt 145,7%; đảm bảo thu nhập của người lao động và cổ tức của các cổ đông.

Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2016 được thể hiện qua một số chỉ tiêu chủ yếu- Phụ lục 01 đính kèm.

## **II. HOẠT ĐỘNG, THÙ LAO, CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ TỪNG THÀNH VIÊN HĐQT.**

**1. Hoạt động của từng thành viên Hội đồng quản trị:** Hầu hết các thành viên HĐQT hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm. Để phát huy vai trò và đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của từng thành viên, Hội đồng quản trị ra quyết định phân công nhiệm vụ cho từng thành viên. Vì vậy, các thành viên đã nêu cao ý thức trách nhiệm, chủ động trong công việc, bám sát nhiệm vụ được giao, tăng cường hoạt động giám sát, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

(1) Ông Nguyễn Văn Dậu Chủ tịch HĐQT: đã thực hiện đúng nhiệm vụ được quy định tại Điều 25- Điều lệ Công ty. Thực hiện triệu tập họp Đại Hội đồng cổ đông, chủ tọa đại hội, chủ tọa các cuộc họp của Hội đồng quản trị; đảm bảo việc gửi báo cáo tài chính hằng năm, báo cáo hoạt động của Công ty, Báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại Đại hội; phân công nhiệm vụ cho các thành viên HĐQT; Thay mặt Hội đồng quản trị ban hành Nghị quyết, Quyết định; Tiếp nhận chủ trương, chính sách, chỉ thị của các cơ quan có thẩm quyền để chỉ đạo việc triển khai thực hiện và kiểm tra việc thực hiện kịp thời.

Cùng với các thành viên HĐQT sâu sát trong các mặt hoạt động của Công ty, nhằm tháo gỡ kịp thời những vướng mắc phát sinh thuộc thẩm quyền giải quyết của Hội đồng quản trị, góp phần tích cực vào kết quả thực hiện Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2016.

(2) Ông Nguyễn Trọng Tốt thành viên HĐQT- Giám đốc điều hành: Đã thực hiện tốt nhiệm vụ được phân công và nhiệm vụ quy định tại Điều 30- Điều lệ Công ty. Triển khai thực hiện đầy đủ, kịp thời các Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng cổ đông và của Hội đồng quản trị; Thực hiện phát hành cổ phiếu tăng vốn cổ phần từ vốn chủ để tăng vốn điều lệ của công ty từ 150 tỷ lên 214 tỷ đúng tiến độ.

Tổ chức thực hiện hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh điều chỉnh năm 2016 và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với ngân sách Nhà nước...; theo dõi, kiểm tra, đôn đốc thực hiện kế hoạch đầu tư phù hợp với từng giai đoạn, nhằm



phát huy hiệu quả đầu tư và tiết kiệm đầu tư, đặc biệt đã hoàn thành việc điều chỉnh dự án đầu tư khai thác giai đoạn II trình Hội đồng quản trị phê duyệt; chuẩn bị các điều kiện tổ chức thực hiện dự án duy trì mức dưới -250 để đưa dự án vào hoạt động; tăng cường cơ giới hóa từ khâu sản xuất đi lại trong lò nhằm tăng năng suất lao động, tăng sản lượng khai thác, giảm lao động trực tiếp và gián tiếp. Mặc dù trong năm 2016 do tình hình sản xuất tiêu thụ chung trong toàn ngành còn gặp rất nhiều khó khăn, nhưng với sự điều hành quyết liệt, có các giải pháp hợp lý, sáng tạo, kịp thời nên Công ty vẫn giữ được lợi nhuận ở mức cao đạt 145,7% so với kế hoạch.

Trong quá trình điều hành năm 2016, Giám đốc đã trình Hội đồng quản trị phê duyệt ban hành và bổ sung 03 Quy chế về quản lý. Tổ chức, chỉ đạo, kiểm tra công tác kỹ thuật an toàn, vệ sinh công nghiệp; phòng ngừa thiên tai chú trọng cải thiện điều kiện làm việc và đảm bảo thu nhập cho người lao động.

Chủ động trong công tác quy hoạch cán bộ giai đoạn 2016-2020; tổ chức, sắp xếp lại tổ chức; thực hiện điều động, bổ nhiệm cán bộ đúng trình tự, thủ tục và quy chế tổ chức cán bộ của Công ty.

(3) Ông Bùi Văn Kiêm - Thành viên HĐQT- Phó giám đốc Công ty

Hoàn thành tốt nhiệm vụ được phân công: Tham gia nghiên cứu, xây dựng chiến lược phát triển, kế hoạch sản xuất kinh doanh; Trực tiếp phụ trách Công tác quản lý vật tư, thiết bị và năng lượng; Công tác quản lý kỹ thuật chất lượng; Công tác an toàn- BHLĐ vệ sinh lao động phòng chống cháy nổ, bão lụt; Tham gia các công tác quản trị Công ty theo quy định của pháp luật và điều lệ của Công ty; Theo dõi, đôn đốc tiến độ các công trình trọng điểm và thực hiện các nhiệm vụ khác theo phân công của Hội đồng quản trị.

(4) Bà Phạm Thị Hải - Thành viên HĐQT- Kế toán trưởng: Đã hoàn thành tốt chức trách nhiệm vụ được giao theo quy định của pháp luật và của Công ty.

Năm 2016, Kế toán trưởng đã chỉ đạo và thực hiện tốt các nghiệp vụ: Hạch toán kế toán, lập báo cáo thống kê đầy đủ, chi trả chế độ tiền lương, tiền thưởng cho người lao động luôn được kịp thời và đúng chế độ.

Các khoản chi phí trong năm thực hiện kịp thời, đúng chế độ không để xảy ra việc chi không đúng chế độ chính sách và hạch toán sai nguồn. Chi trả nợ gốc và lãi vay đến hạn kịp thời, không để nợ quá hạn xảy ra. Chỉ đạo công tác hạch toán, cân đối tài chính, bảo toàn và phát triển nguồn vốn; Thực hiện thanh toán cổ tức kịp thời.

Hạch toán chi phí sản xuất và chi phí đầu tư xây dựng cơ bản theo đúng đối tượng hạch toán theo chế độ kế toán và theo quy định hạch toán kế toán nội bộ của Tập đoàn, sắp xếp thanh toán mua vật tư thiết bị kịp thời không để ứ đọng sản xuất. Chủ động nguồn vốn cho các dự án đầu tư khác không để chậm trễ ảnh hưởng tới việc thi công, mua sắm thiết bị các dự án. Vì vậy, Báo cáo tài



chính năm 2016 sau kiểm toán không có khoản nào bị ngoại trừ.

(5) Ông VaDym D'omin - Thành viên HĐQT: Hoàn thành tốt nhiệm vụ công tác: Tham gia các công tác quản trị Công ty theo quy định của pháp luật và điều lệ của Công ty; Giám sát các hoạt động sản xuất kinh doanh và mua sắm trang thiết bị, Công tác kỹ thuật và phát triển công nghệ, Các hoạt động hỗ trợ kinh doanh; Theo dõi diễn biến của thị trường chứng khoán báo cáo Hội đồng quản trị định kỳ tháng, quý, năm; Thực hiện các nhiệm vụ khác do Hội đồng quản trị phân công.

**2. Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị:** Năm 2016, Công ty thực hiện thanh toán tiền thù lao cho các thành viên HĐQT đảm bảo đúng Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 như sau:

- Thù lao hàng tháng của Chủ tịch HĐQT: 5,4 triệu đồng;
- Thù lao hàng tháng của TVHĐQT kiêm Giám đốc điều hành: 4,6 triệu đồng /người.
- Thù lao hàng tháng của thành viên HĐQT: 4,6 triệu đồng /người.

Ngoài khoản thù lao nêu trên, năm 2016 Công ty không chi bất kỳ khoản tiền nào cho Hội đồng quản trị.

### **3. Các phiên họp của Hội đồng quản trị**

1. Tổng số phiên họp: Năm 2016, Hội đồng quản trị họp 17 phiên, ban hành 17 Nghị quyết (chi tiết các Nghị quyết- Phụ lục 02 đính kèm) Nội dung 17 phiên họp của Hội đồng quản trị bao gồm các nội dung cơ bản sau:

- Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch đầu tư XDCB năm 2016; trình Đại Hội đồng cổ đông thường niên để triển khai thực hiện.
- Tổ chức thành công họp Đại hội đồng cổ đông năm 2016.
- Xây dựng phương án sắp xếp lại cơ cấu tổ chức; bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, luân chuyển, điều động cán bộ và quy hoạch công tác cán bộ giai đoạn 2016 -2020.
- Phê duyệt ban hành và sửa đổi 03 Quy chế quản lý của Công ty.
- Phê duyệt, phê duyệt điều chỉnh các dự án đầu tư xây dựng công trình thuộc thẩm quyền, thông qua các dự án nhóm C trước khi Giám đốc điều hành phê duyệt theo thẩm quyền.
- Triển khai thực hiện các văn bản có liên quan đến doanh nghiệp do Quốc hội, Chính phủ, các Bộ, Ban ngành Trung ương; cơ quan quản lý Nhà nước tại địa phương và của Tập đoàn TKV.

### **III. KẾT QUẢ GIÁM SÁT ĐỐI VỚI CÁC CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC.**

Ngoài những cán bộ quản lý đã nêu tại Phần II của báo cáo này, Hội đồng quản trị đánh giá kết quả giám sát đối với các Phó giám đốc như sau:



**1. Đối với các Phó giám đốc:** Thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ do Giám đốc phân công. Làm việc đúng quy chế, quy định của Công ty và chính sách pháp luật của nhà nước; Luôn nêu cao ý thức trách nhiệm, chủ động trong công việc, phối hợp chặt chẽ, linh hoạt giữa khâu do mình phụ trách với các phó giám đốc phụ trách khâu khác để hoạt động sản xuất kinh doanh giữa các khâu không bị trở ngại. Thường xuyên bám sát khai trường, tháo gỡ những khó khăn thuộc thẩm quyền giải quyết của mình hoặc báo cáo, tham mưu kịp thời để Giám đốc cho ý kiến chỉ đạo...do đó, đã hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

**2. Đánh giá chung về giám sát cán bộ quản lý:**

Năm 2016, Giám đốc và các cán bộ quản lý của Công ty thực hiện đúng các quy định của pháp luật và điều lệ Công ty; không cá nhân nào vi phạm kỷ luật.

Giám đốc và các cán bộ quản lý luôn nêu cao ý thức trách nhiệm và chủ động trong công việc; Thực hiện linh hoạt Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các Nghị quyết và quy chế Hội đồng quản trị, quy định của Tập đoàn TKV và các quy định của pháp luật có liên quan. Chủ động trong việc xây dựng, triển khai, kiểm tra thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, định mức chi phí, kết quả thực hiện; kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc. Tăng cường công tác quản lý tài nguyên, tài sản, thực hành tiết kiệm chống lãng phí, chống tham nhũng; đầu tư có hiệu quả; bảo toàn vốn, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người lao động, trật tự trị an doanh nghiệp được giữ vững, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với ngân sách nhà nước.

**VI. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ NĂM 2017 CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

1. Thực hiện đúng chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước đối với doanh nghiệp cổ phần do Nhà nước nắm cổ phần chi phối.

2. Thực hiện các công việc Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 giao cho Hội đồng quản trị theo đúng trình tự, thủ tục của Điều lệ và pháp luật hiện hành.

3. Rà soát các quy chế nếu không còn phù hợp thì sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với pháp luật với quy chế của Tập đoàn TKV và tình hình quản lý của Công ty.

4. Tăng cường giám sát việc thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 đối với Giám đốc và cán bộ quản lý Công ty; đảm bảo đầy đủ các quyền của cổ đông và người đại diện cổ đông.

5. Từng bước sắp xếp lại bộ máy tổ chức; xây dựng kế hoạch chương trình đào tạo đội ngũ cán bộ tinh thông chuyên môn nghiệp vụ, đào tạo đội



ngũ công nhân lành nghề; Xây dựng kế hoạch về quản trị chi phí, nhân sự, tài chính và quản trị rủi ro; tăng cường quản lý, tiết kiệm chi phí; tiết kiệm trong đầu tư; đổi mới công nghệ; cơ giới hóa trong đào lò, trong khai thác và vận chuyển than, vận chuyển người, vận chuyển nguyên vật liệu để nâng cao năng suất lao động; thực hiện bảo vệ tài nguyên và các tài sản khác; phát huy dân chủ cơ sở; Thực hiện lao động phải an toàn; thực hiện đúng chế độ, chính sách đối với người lao động và tiếp tục chăm lo đời vật chất và tinh thần cho người lao động; thực hiện kịp thời, đầy đủ nghĩa vụ với ngân sách nhà nước.

6. Tăng cường sự phối hợp lãnh đạo giữa Hội đồng quản trị với Đảng ủy, Giám đốc Công ty theo đúng Quy chế phối hợp đã ban hành nhằm tạo sự đồng thuận, thống nhất cao trong công tác lãnh đạo hoạt động SXKD của Công ty.

7. Tiếp tục lắng nghe các ý kiến tham gia của cổ đông để nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần than Mông dương- Vinacomin xin báo cáo trước Đại hội và đề nghị Đại hội thảo luận và thông qua.

Xin trân trọng cảm ơn./.



**Nơi nhận:**

- HĐQT, BKS; Các cổ đông Công ty;
- Bộ phận CNTT (Đăng trên Website);
- Lưu T.ký; Hồ sơ Đại hội.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**



**Phạm Công Hương**



**Phụ lục 2: Thực hiện các chỉ tiêu kinh tế, kỹ thuật năm 2016**

| TT  | Chỉ tiêu          | Đơn vị              | Kế hoạch ĐHĐCĐ 2016 thông qua | Kế hoạch Điều chỉnh thông qua | Thực hiện năm 2016 | Tỷ lệ TH/KH năm               |                          |
|-----|-------------------|---------------------|-------------------------------|-------------------------------|--------------------|-------------------------------|--------------------------|
|     |                   |                     |                               |                               |                    | Kế hoạch Điều chỉnh thông qua | Kế hoạch ĐHĐCĐ thông qua |
| (A) | (B)               | (C)                 | (1)                           | (2)                           | (3)                | (4=3/2)                       | (5=3/1)                  |
| 1   | Sản lượng         |                     |                               |                               |                    |                               |                          |
| 1.1 | Than sản xuất     | 10 <sup>3</sup> Tấn | 1.675                         | 1.345                         | 1.346              | 100,1                         | 80,4                     |
|     | + <i>Hầm lò</i>   |                     | <i>1.500</i>                  | <i>1.200</i>                  | <i>1.195</i>       | <i>99,6</i>                   | <i>79,7</i>              |
|     | + <i>Lộ thiên</i> |                     | <i>150</i>                    | <i>145</i>                    | <i>151</i>         | <i>102,9</i>                  | <i>85,3</i>              |
| 1.2 | Đất đá bóc xúc    | 10 <sup>3</sup> M3  | 2.439                         | 1.456                         | 1.443              | 99,1                          | 59,2                     |
| 1.3 | Mét lò đào        | m                   | 19.100                        | 15.200                        | 14.935             | 98,3                          | 78,2                     |
| 1.4 | Than tiêu thụ     | 10 <sup>3</sup> tấn | 1.639                         | 1.323                         | 1.319              | 99,7                          | 80,5                     |
| 2   | Tổng doanh thu    | Tr.đg               | 1.840.030                     | 1.539.560                     | 1.592.542          | 103,4                         | 86,5                     |
|     | Trg đó: DT than   | Tr.đg               | 1.840.030                     | 1.532.898                     | 1.590.547          | 103,8                         | 86,4                     |
| 3   | Giá trị đầu tư    | Tr.đg               | 214.909                       | 203.256                       | 143.290            | 69,7                          | 66,6                     |
|     | - Xây lắp         | Tr.đg               | 79.500                        | 58.869                        | 48.999             | 84,2                          | 61,6                     |
|     | - Thiết bị        | Tr.đg               | 119.552                       | 136.313                       | 90.262             | 64,5                          | 75,5                     |
|     | - Chi phí khác    | Tr.đg               | 15.857                        | 8.073                         | 4.029              | 54,3                          | 25,4                     |
| 4   | Lợi nhuận         | Tr.đg               | 24.538                        | 19.747                        | 28.777             | 145,7                         | 117,3                    |
| 5   | Cổ tức            | %                   | 6,0                           |                               | 6,0                |                               |                          |

*sb*



**Phụ lục 02: Các Nghị quyết họp Hội đồng Quản trị:**

| TT | Số, ký hiệu VB   | Ngày tháng | Nội dung                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |
|----|------------------|------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1  | 03/NQ-HĐQT       | 15/01/2016 | Nghị quyết họp HĐQT về Nhiệm vụ & Kế hoạch Lựa chọn nhà thầu lập phương án khoan khảo sát địa chất công trình khu nhà Điều hành Số 2                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |
| 2  | 04/NQ-HĐQT       | 22/01/2016 | Nghị quyết họp HĐQT về (1) Kết quả sản xuất kinh doanh và đầu tư năm 2015; (2) Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2016, Điều hành Quý I-2016; (3) Sửa đổi và bổ sung một số nội dung của quy chế quản lý Vật tư; (4) Hạn mức kế hoạch vay vốn ngắn và dài hạn năm 2016; (5) Quy định về công bố, báo cáo và quy trình công bố thông tin- Công ty cổ phần than Mông Dương.                                                                                                                                                                                                                            |
| 3  | 08/NQ-HĐQT       | 21/04/2016 | NQ họp HĐQT Thông qua các nội dung (1) Kết quả SXKD quý I-2016 và Kế hoạch quý II- 2016; (2) Điều chỉnh giá gói thầu số 17 trong KHLCNT cầu dự án Xây nhà ở Công nhân; (3) Thông qua việc bổ nhiệm lại một số cán bộ hết nhiệm kỳ (Ô.Trung; Ô.Thủy; Ô.Hanh và bổ nhiệm Ông Đình Hải Long giữ chức trưởng trạm y tế công ty; (4) Thông qua P/a tiền lương chuyên trách của Trưởng Ban Kiểm soát; (5) Thông qua phương án tiền lương của Công ty và giao tăng cường việc thực hiện tài cơ cấu theo chỉ thị 51/CTLT/TGĐ-CĐTKV; (6) Thông qua Chương trình và tài liệu họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2016. |
| 4  | 10/2016/NQ-ĐHĐCĐ | 27/04/2016 | Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |

*Handwritten signature*



| TT | Số, ký hiệu VB | Ngày tháng | Nội dung                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |
|----|----------------|------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 5  | 13/NQ-HĐQT     | 27/04/2016 | NQ họp HĐQT (1) Phê duyệt ĐC một số ND của gói thầu số 03: Lập BC đánh giá tác động MT của DA Đầu tư khai thác giai đoạn II, trong KHLCNT của dự án Đầu tư khai thác giai đoạn II mỏ than Mông Dương (điều chỉnh); (2) Phê duyệt Đề cương, DT và KHLCNT gói thầu số 04: Lập phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung của DA Đầu tư khai thác giai đoạn II mỏ than Mông Dương (điều chỉnh) |
| 6  | 15/NQ-HĐQT     | 26/05/2016 | Nghị quyết họp HĐQT Thông qua việc triển khai thực hiện phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu                                                                                                                                                                                                                                                                |
| 7  | 16/NQ-HĐQT     | 28/06/2016 | NQ họp HĐQT về Thông qua phương án cơ cấu tổ chức và bố trí lao động các đơn vị Lộ thiên - Ô tô                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
| 8  | 20/NQ-HĐQT     | 30/06/2016 | NQ họp HĐQT về Thông qua: (1) Dự án đầu tư thiết bị DTSX năm 2016; (2) Bổ sung kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu 21: Mua sắm trang bị giường, tủ, bàn ghế cho lô nhà C2 của dự án XD khu nhà ở công nhân- Công ty CP than Mông Dương.                                                                                                                                                         |
| 9  | 22/NQ-HĐQT     | 22/07/2016 | NQ họp HĐQT về Thông qua không TH gói thầu nạo vét bùn trong DA DTSX 2014, và đưa vào TH trong DA DTSX 2016                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
| 10 | 23/NQ-HĐQT     | 12/09/2016 | Nghị quyết HĐQT v.v Thông qua kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu số 03: Cung cấp máy xúc & xe gát phục vụ sản xuất kinh doanh, thuộc dự án Đầu tư thiết bị duy trì sản xuất năm 2016- Công ty cổ phần than Mông Dương.                                                                                                                                                                          |
| 11 | 26/NQ-HĐQT     | 22/09/2016 | Nghị quyết HĐQT v.v Thông qua kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu số 02: Cung cấp tổ hợp giàn chống thủy lực mềm để chống giữ, khai thác lò chợ xiên chéo, thuộc dự án Đầu tư thiết bị duy trì sản xuất năm 2016- Công ty cổ phần than Mông Dương.                                                                                                                                               |



| TT | Số, ký hiệu VB | Ngày tháng | Nội dung                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
|----|----------------|------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 12 | 30/NQ-HĐQT     | 30/09/2016 | Nghị quyết hợp HĐQT v.v Thông qua phương án bố trí cán bộ của một số đơn vị trong Công ty                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |
| 13 | 34/NQ-HĐQT     | 13/10/2016 | Nghị quyết hợp HĐQT: Thông qua kết quả SXKD 9 tháng đầu năm 2016 và Dự kiến điều chỉnh kế hoạch năm 2016; Thông qua kết quả thực hiện công tác đầu tư 9 tháng đầu năm 2016 và Dự kiến điều chỉnh kế hoạch đầu tư năm 2016; Thông qua kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu số 01: Cung cấp tổ hợp giá chống thủy lực phân thể có độ dốc làm việc đến 450- thuộc dự án đầu tư thiết bị DTSX năm 2016. |
| 14 | 37/NQ-HĐQT     | 29/10/2016 | Nghị quyết hợp HĐQT v.v Thông qua sắp xếp thang, bảng lương; chi bổ sung quỹ phúc lợi theo hướng dẫn của TKV và Thông qua PA cơ cấu lần 2 một số phòng, đơn vị SX                                                                                                                                                                                                                                 |
| 15 | 40/NQ-HĐQT     | 25/11/2016 | Nghị quyết hợp HĐQT v.v Thông qua Phương án luân chuyển cán bộ năm 2016 (TP An toàn và TP Tổ chức Lao động)                                                                                                                                                                                                                                                                                       |
| 16 | 43/NQ-HĐQT     | 14/12/2016 | Nghị quyết hợp Hội đồng quản trị v.v Thông qua việc thanh lý Tài sản cố định                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
| 17 | 46/NQ-HĐQT     | 22/12/2016 | Nghị quyết hợp Hội đồng quản trị v.v Điều chỉnh Kế hoạch sản lượng và kế hoạch đầu tư XDCB năm 2016; Phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư khai thác giai đoạn II mỏ than Mông Dương (Điều chỉnh); Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu của dự án đầu tư khai thác giai đoạn II mỏ than Mông Dương (điều chỉnh)                                                                             |
| 18 | 49/NQ-HĐQT     | 29/12/2016 | Nghị quyết hợp HĐQT v.v thông qua quyết toán vốn các dự án hoàn thành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |

*36*



Số: 652 /TTr-TMD

Quảng Ninh, ngày 21 tháng 4 năm 2017

## TỜ TRÌNH

**V/v Thay đổi Ủy viên Hội đồng quản trị giữa nhiệm kỳ**

**Kính gửi: Quý vị cổ đông**

Căn cứ Luật doanh nghiệp;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Than Mông Dương- Vinacomin đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua;

Căn cứ Quyết định số 522/QĐ-TKV ngày 22/3/2017 Của Hội đồng thành viên TKV về việc thay đổi Người đại diện của TKV tại Công ty cổ phần than Mông Dương- Vinacomin; và Quyết định số 524/QĐ-TKV ngày 22/3/2017 Hội đồng thành viên TKV về việc thay đổi người đại diện của TKV than gia Hội đồng quản trị Công ty cổ phần than Mông Dương- Vinacomin;

Để duy trì điều hành sản xuất của Công ty, (1) Ngày 03/4/2017 Hội đồng quản trị Công ty đã họp thống nhất và triển khai thực hiện từ ngày 03/4/2017, việc thay ủy viên HĐQT giữ nhiệm kỳ cụ thể như sau:

- Ông Nguyễn Văn Dậu, thôi giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị và thôi tham gia Hội đồng quản trị Công ty cổ phần than Mông Dương- Vinacomin;

- Ông Phạm Công Hương- Trưởng ban, thành viên Ban Quản lý vốn TKV, Người đại diện của TKV tại Công ty giữ chức thành viên Hội đồng Quản trị và được bầu làm chủ tịch HĐQT Công ty. Nhiệm kỳ thành viên HĐQT của ông Phạm Công Hương là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị.

- Ông Nguyễn Trọng Tốt, thôi giữ chức Giám đốc Công ty và thôi tham gia Hội đồng quản trị Công ty cổ phần than Mông Dương- Vinacomin.

- Ông Nguyễn Quế Thanh, Người đại diện của TKV tại Công ty giữ chức thành viên Hội đồng Quản trị và bổ nhiệm chức Giám đốc Công ty. Nhiệm kỳ thành viên HĐQT của ông Nguyễn Quế Thanh là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị.

(Tóm tắt thông tin các nhân về Ủy viên HĐQT thay thế kèm theo).

Hội đồng Quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn./.

**Nơi nhận:**

- HĐQT, BKS; Các cổ đông Công ty;
- Bộ phận CNTT (Đăng trên Website);
- Lưu VT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
**CHỦ TỊCH**



Phạm Công Hương



## TÓM TẮT

**Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị thay thế**  
(Kèm theo Tờ trình về việc thay đổi thành viên HĐQT giữa nhiệm kỳ)

### (1) ÔNG PHẠM CÔNG HƯƠNG

- Họ và tên: **Phạm Công Hương**.
- Sinh ngày: 18/6/1962.
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội
- Số CMTND: 013376754, do Công an tỉnh Hà Nội cấp ngày 09/3/2011;
- Trình độ văn hóa: 10/10
- Trình độ lý luận chính trị: Cao cấp
- Trình độ chuyên môn nghiệp vụ: Kỹ sư Khai thác mỏ
- Số cổ phần sở hữu tại Công ty: 34 CP.
- Số cổ phần đại diện cho Tập đoàn TKV: 11.571.854 cổ phần
- Quá trình công tác:
  - + Từ tháng 3/1985- 4/1991: Cán bộ kỹ thuật ban QLCT mỏ Vàng Danh- Công ty than Ung Bì;
  - + Từ tháng 05/1991- 03/1993: Phó quản đốc PX khai thác 1, Xí nghiệp sản xuất và xây dựng mỏ than 1- Công ty than Ung Bì
  - + Từ tháng 04/1993- 02/1996: Bí thư đoàn thanh niên Xí nghiệp sản xuất và xây dựng mỏ than 1 (sau đổi tên là Mỏ than Than Thùng)
  - + Từ tháng 03/1996- 03/1999: Phó phòng điều độ, kỹ thuật và trưởng phòng kỹ thuật Mỏ than Than thùng;
  - + Từ tháng 04/1999- 07/1999: Trưởng phòng kỹ thuật Mỏ than Nam Mẫu;
  - + Từ tháng 08/1999-12/2002: Cán bộ phòng ĐHSX- TT, Phó phòng Kỹ thuật và Trưởng phòng Kỹ thuật Công nghệ Công ty than Ung Bì;
  - + Từ ngày 01/2003- 12/2003: Phó giám đốc xí nghiệp than Nam Mẫu;
  - + Từ ngày 01/2004- 09/2004: Phó giám đốc Công ty than Ung Bì;
  - + Từ ngày 10/2004- 07/2007: Giám đốc XN than Nam Mẫu (từ tháng 01/2006- 8/2007: kiêm UV HĐQT Công ty than Ung Bì)
  - + Từ ngày 08/2007 - 12/2007: Giám đốc Công ty than Hà Lâm- TKV;
  - + Từ ngày 01/2008 - 2/2011: UV HĐQT- Giám đốc C.ty CP than Hà Lâm;
  - + Từ ngày 3/2011- 2/2013: Chủ tịch HĐQT- Giám đốc Công ty cổ phần Tư vấn Đầu tư mỏ và công nghiệp
  - + Từ ngày 03/2013- 3/2015: Giám đốc Công ty Xây dựng mỏ Hàm Lò II



+ Từ ngày 4/2015-3/2017: Trưởng ban Khoa học công nghệ thông tin và chiến lược phát triển Tập đoàn;

+ Từ ngày 03/4/2017: Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần than Mông Dương- Viancomin.

Là người đại diện phần vốn của Tập đoàn tại các Công ty và Giữ chức vụ: Chủ tịch HĐQT của các đơn vị: Công ty cổ phần than Mông Dương- Vinacomin, Công ty cổ phần than Núi Béo- Vinaomin; ...

Trên đây là tóm tắt thông tin về ông Phạm Công Hương- Chủ tịch Hội đồng quản trị thay thế vị trí của ông Nguyễn Văn Dậu./. *sk*



## TÓM TẮT

**Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị- Giám đốc Công ty thay thế**  
(Kèm theo Tờ trình về việc thay đổi thành viên HĐQT giữa nhiệm kỳ)

### (2) ÔNG NGUYỄN QUẾ THANH

- Họ và tên: **Nguyễn Quế Thanh**.
- Sinh ngày: 19/8/1968.
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ 19C, Khu 6, phường Quang Trung, TP Uông Bí- Quảng Ninh.
- Thẻ căn cước: 022068000994; cấp ngày 14/3/2017 do cục cảnh sát ĐKQL cư trú về DLQG về dân cư.
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ lý luận chính trị: Cao cấp
- Trình độ chuyên môn nghiệp vụ: Kỹ sư Khai thác mỏ
- Số cổ phần sở hữu tại Công ty: 0 CP
- Số cổ phần đại diện cho Tập đoàn TKV: 0 cổ phần
- Quá trình công tác:
  - + Từ tháng 4/1993-:9/1994: Công nhân khai thác lộ thiên – Xí nghiệp thăm dò than II;
  - + Từ tháng 10/1994-: 3/1999: Nhân viên Phòng Kỹ thuật - Mỏ than Yên Tử;
  - + Từ tháng 4/1999-: 2/2005: Nhân viên Phòng Kỹ thuật; Phó Phòng Kỹ thuật – Xí nghiệp Than Nam Mẫu, Trưởng Phòng Đầu tư – Xí nghiệp Than Nam Mẫu;
  - + Từ tháng 3/2005-:2/2008: Trưởng Phòng Đầu tư– Công ty Than Uông Bí.
  - + Từ tháng 3/2008-:2/2012: Phó Tổng Giám đốc Công ty TNHH MTV Than Uông Bí – Vinacomin;
  - + Từ tháng 3/2012-: 3/2014: Giám đốc Công ty TNHH MTV Than Hồng thái; Bí thư Đảng ủy Công ty ;
  - + Từ tháng 4/2014-: 3/2017: Giám đốc Công ty Than Hồng Thái – TKV; Phó Bí thư Đảng ủy Công ty
  - + Từ ngày 03/4/2017: Là Người đại diện của TKV tham gia quản lý tại Công ty cổ phần Than Mông Dương- Vinacomin, tham gia Hội đồng quản trị Công ty và bổ nhiệm Giám đốc Công ty từ ngày 03/4/2017 đến nay.

Trên đây là tóm tắt thông tin về ông Nguyễn Quế Thanh, thành viên Hội đồng quản trị thay thế vị trí của ông Nguyễn Trọng Tốt./. 



**QUY CHẾ LÀM VIỆC  
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2017  
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN MÔNG DƯƠNG – VINACOMIN**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật;

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 29/6/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán ngày 24/11/2010;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua ngày 27/4/2016; và sửa đổi lần I mục tăng vốn điều lệ ngày 06/9/2016; Hội đồng Quản trị Công ty cổ phần than Mông Dương-Viancomin ban hành Quy chế làm việc tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2017 bao gồm các nội dung sau:

**Chương I  
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi và đối tượng áp dụng**

1.1. Quy chế này áp dụng cho việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 Công ty Cổ phần Than Mông Dương - Vinacomin.

1.2. Quy chế này quy định cụ thể về quyền và nghĩa vụ của cổ đông, người được ủy quyền dự họp và các bên tham gia Đại hội, điều kiện, thủ tục tiến hành Đại hội.

1.3. Cổ đông, người được ủy quyền dự họp và các bên tham gia có trách nhiệm thực hiện theo các quy định tại Quy chế này.

**Chương II  
QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ  
CỦA NHỮNG NGƯỜI THAM DỰ ĐẠI HỘI**

**Điều 2. Điều kiện, quyền và nghĩa vụ của cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền tham dự Đại hội**

2.1. Điều kiện tham dự Đại hội: Là các cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền bằng văn bản của một hoặc nhiều cổ đông có tên trong danh sách cổ đông của Công ty tại thời điểm chốt danh sách cổ đông ngày 16/03/2017 do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD) cung cấp.



2.2. Quyền của cổ đông, đại diện theo uỷ quyền của cổ đông khi tham dự Đại hội:

a) Được trực tiếp tham dự hoặc uỷ quyền cho người khác tham dự Đại hội bằng văn bản theo mẫu của Công ty;

b) Được thảo luận và biểu quyết tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan và Điều lệ Công ty;

c) Được Ban Tổ chức thông báo nội dung, chương trình Đại hội;

d) Mỗi cổ đông hoặc người được uỷ quyền dự họp khi tới tham dự Đại hội được nhận thẻ biểu quyết và các tài liệu ngay sau khi đăng ký tham dự Đại hội với Ban Kiểm tra tư cách cổ đông;

e) Cổ đông, người được uỷ quyền dự họp đến muộn khi Đại hội chưa kết thúc có quyền đăng ký và tham gia biểu quyết ngay tại Đại hội đối với các vấn đề chưa biểu quyết, khi đó Chủ tọa không có trách nhiệm dừng Đại hội và hiệu lực của các lần biểu quyết đã tiến hành trước đó không bị ảnh hưởng.

2.3. Nghĩa vụ của cổ đông, đại diện theo uỷ quyền của cổ đông khi tham dự Đại hội:

a) Cổ đông hay người được uỷ quyền dự họp khi tham dự Đại hội phải mang theo Giấy CMND hoặc thẻ căn cước..., Giấy uỷ quyền (đối với đại diện được uỷ quyền) và đăng ký tham dự Đại hội với Ban Kiểm tra tư cách cổ đông;

b) Trang phục lịch sự;

c) Việc ghi âm, ghi hình Đại hội phải được thông báo công khai và được sự chấp thuận của Chủ tọa Đại hội;

d) Đăng ký phát biểu tại Đại hội theo quy định, tuân thủ thời gian phát biểu, nội dung phát biểu trong phạm vi chương trình Đại hội;

e) Phát biểu và biểu quyết phù hợp với hướng dẫn của Ban tổ chức Đại hội và tuân thủ sự điều khiển của Chủ tọa Đại hội;

f) Không được có hành vi cản trở, gây rối trật tự làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp;

g) Không được gây rối, ngăn cản diễn biến bình thường của Đại hội;

h) Tuân thủ quyền điều hành của Chủ tọa Đại hội;

i) Nghiêm túc chấp hành Quy chế, tôn trọng kết quả làm việc tại Đại hội.

### **Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm tra tư cách cổ đông**

3.1. Ban Kiểm tra tư cách cổ đông gồm một (01) Trưởng Ban và các thành viên do Hội đồng quản trị (“HĐQT”) Công ty quyết định để thực hiện các chức năng và nhiệm vụ như sau:

a) Kiểm tra tư cách cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền của cổ đông đến dự họp: Yêu cầu cổ đông tham dự Đại hội và khách mời xuất trình Giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước ..., Giấy uỷ quyền (đối với đại diện được uỷ quyền);



b) Phát cho cổ đông hoặc người được ủy quyền đến dự họp: Thẻ biểu quyết; và các tài liệu khác liên quan;

c) Báo cáo trước Đại hội về kết quả kiểm tra tư cách cổ đông dự họp Đại hội tại các thời điểm sau:

- Trước khi khai mạc Đại hội;
- Trước mỗi lần biểu quyết của Đại hội nếu có sự thay đổi về số cổ đông đăng ký tham dự Đại hội (Cổ đông đến muộn đăng ký dự họp).

d) Thực hiện các công việc khác do Ban Tổ chức Đại hội hoặc Chủ tọa Đại hội phân công.

3.2. Ban Kiểm tra tư cách cổ đông có quyền thành lập bộ phận giúp việc để hoàn thành nhiệm vụ của Ban.

#### **Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của Chủ tọa và Thư ký Đại hội**

4.1. Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty là Chủ tọa Đại hội.

4.2. Quyết định của Chủ tọa về vấn đề trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội sẽ mang tính phán quyết cao nhất.

4.3. Chủ tọa tiến hành các công việc được cho là cần thiết để điều khiển Đại hội một cách hợp lệ và có trật tự hoặc để Đại hội phản ánh được mong muốn của đa số cổ đông tham dự.

4.4. Không cần lấy ý kiến của Đại hội, bất cứ lúc nào Chủ tọa cũng có thể trì hoãn họp Đại hội đến một thời điểm khác (phù hợp với quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ của Công ty) và tại một địa điểm khác do Chủ tọa quyết định nếu nhận thấy rằng:

- a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
- b) Có người dự họp có hành vi cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp;
- c) Sự trì hoãn là cần thiết để các công việc của Đại hội được tiến hành một cách hợp lệ.

4.5. Chủ tọa có quyền không trả lời hoặc chỉ ghi nhận các ý kiến đóng góp của cổ đông nếu các nội dung đóng góp, kiến nghị nằm ngoài nội dung xin ý kiến Đại hội.

4.6. Chủ tọa có quyền cắt ý kiến phát biểu của cổ đông khi cổ đông phát biểu quá thời gian quy định hoặc ý kiến nằm ngoài nội dung chương trình Đại hội, ý kiến trùng lặp.

4.7. Có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người có biểu hiện gây rối, không tuân thủ quyền điều hành của Chủ tọa, ngăn cản diễn biến bình thường của Đại hội.

4.8. Chủ tọa chỉ định Thư ký Đại hội lập biên bản cuộc họp Đại hội và thực hiện các công việc trợ giúp theo phân công của Chủ tọa.



### **Chương III**

## **THỂ THỨC TIẾN HÀNH ĐẠI HỘI**

### **Điều 5. Điều kiện tiến hành Đại hội**

5.1. Đại hội được tiến hành khi có số cổ đông tham dự đại diện cho ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết theo danh sách cổ đông được lập tại thời điểm chốt danh sách cổ đông tham dự Đại hội. Trường hợp quá 60 phút kể từ thời điểm khai mạc Đại hội (được ghi trong nội dung chương trình cuộc họp đã gửi cho các cổ đông), mà số cổ đông đăng ký tham dự Đại hội chưa đại diện đủ cho ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết theo danh sách cổ đông được lập tại thời điểm chốt danh sách cổ đông thì cuộc họp được coi như chưa đủ điều kiện để tiến hành.

5.2. Trường hợp Đại hội không đủ điều kiện tiến hành theo quy định trên đây thì việc triệu tập và tiến hành Đại hội cổ đông các lần tiếp theo sẽ được tiến hành theo quy định của Điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp.

### **Điều 6. Tiến hành Đại hội**

6.1. Đại hội sẽ diễn ra theo đúng trình tự nội dung chương trình đã được Đại hội thông qua.

6.2. Đại hội sẽ lần lượt thảo luận và thông qua các nội dung tại chương trình Đại hội theo hình thức biểu quyết.

6.3. Đại hội bế mạc sau khi Biên bản, Nghị quyết Đại hội được thông qua.

### **Điều 7. Phát biểu ý kiến tại Đại hội**

Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền của cổ đông đến dự họp khi phát biểu ý kiến phải đăng ký vào Phiếu đăng ký phát biểu ý kiến. Trong Phiếu đăng ký, cổ đông cần ghi rõ câu hỏi hoặc nội dung phát biểu. Phiếu đăng ký được chuyển lên Chủ tọa Đại hội xử lý. Khi phát biểu, nội dung phát biểu cần ngắn gọn và phù hợp với nội dung đang thảo luận tại Đại hội và chương trình Đại hội. Thời gian phát biểu không quá 05 phút. Cổ đông không phát biểu lại những ý kiến đã được cổ đông khác phát biểu và chỉ có các ý kiến phát biểu phù hợp với nội dung chương trình Đại hội mới được ghi vào Biên bản Đại hội.

### **Điều 8. Thẻ biểu quyết, thể thức biểu quyết thông qua các quyết định tại Đại hội**

8.1. Thẻ biểu quyết được đóng dấu của Công ty do Ban Kiểm tra tư cách cổ đông phát cho các cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông tham dự cuộc họp. Thẻ biểu quyết được ghi mã số, họ tên, chữ ký cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền của cổ đông và các yếu tố kỹ thuật khác giúp cho việc kiểm phiếu chính xác, thuận tiện.

8.2. Giá trị biểu quyết của Thẻ biểu quyết được xác định bằng số cổ phần có quyền biểu quyết mà cổ đông đó sở hữu hoặc đại diện được ủy quyền tham dự Đại hội.



8.3. Việc biểu quyết thông qua các vấn đề tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 được thực hiện bằng hình thức giơ Thẻ biểu quyết và được Chủ tọa Đại hội công bố ngay tại Đại hội. Cổ đông biểu quyết cho từng vấn đề bằng cách giơ Thẻ biểu quyết của mình khi được Chủ tọa hỏi Đồng ý/ Không đồng ý/ Không có ý kiến về từng nội dung cụ thể. Cổ đông chỉ được giơ Thẻ biểu quyết một lần đối với từng nội dung.

### **Điều 9. Thông qua quyết định của Đại hội**

Trừ các nội dung ghi tại Khoản 3 Điều 20 Điều lệ Công ty, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông sẽ được thông qua khi có từ 51% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông đồng ý tán thành.

### **Điều 10. Biên bản Đại hội**

10.1. Nội dung diễn biến tổ chức Đại hội được lập thành Biên bản. Chủ tọa Đại hội và Thư ký Đại hội chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của Biên bản Đại hội.

10.2. Biên bản Đại hội được Đại hội thông qua trước khi bế mạc và được công bố thông tin, gửi đến các cổ đông theo đúng quy định của pháp luật.

10.3. Biên bản Đại hội, Biên bản kiểm tra tư cách cổ đông và các tài liệu khác ghi nhận diễn biến, kết quả của Đại hội phải được lưu trữ tại Trụ sở chính của Công ty.

### **Điều 11. Nghị quyết Đại hội**

Căn cứ kết quả tại Đại hội, Chủ tọa chuẩn bị Nghị quyết Đại hội về các vấn đề đã được Đại hội thông qua. Nghị quyết của Đại hội phải được đọc tại Đại hội để các cổ đông thông qua, gửi tới các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày Đại hội bế mạc.

### **Điều 12. Hiệu lực thi hành của Quy chế**

12.1. Quy chế này gồm ba (03) Chương, mười hai (12) Điều và có hiệu lực ngay sau khi được Đại hội biểu quyết thông qua.

12.2. Đại hội đồng cổ đông quyết định việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này./.

#### **Nơi nhận:**

- HĐQT, BKS (ecopy);
- ĐU, CĐ, ĐTN (ecopy);
- GD, Các PGD, KTT (ecopy);
- Cổ đông của Công ty;
- Văn phòng (đăng trên Website);
- Lưu: Văn thư, Thư ký Công ty.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**



**Phạm Công Hương**